

CÔNG TY TNHH PUNGKOOK SAI GON II

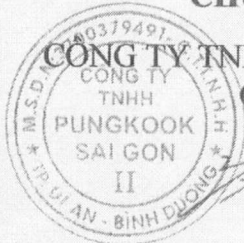


BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

“NHÀ MÁY PUNGKOOK SAIGON III”

Địa chỉ: Khu phố 1A, phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

CHỦ ĐẦU TƯ



CÔNG TY TNHH PUNG KOOK SAI
GON II

[Signature]
KIM DOO HOON

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG ZONETECH



[Signature]
GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Thu Thảo

Bình Dương, năm 2023

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	ii
DANH MỤC HÌNH.....	iii
CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN	1
1. TÊN CHỦ DỰ ÁN.....	1
2. TÊN DỰ ÁN HOẠT ĐỘNG	1
3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA DỰ ÁN	5
3.1. Công suất hoạt động của dự án	5
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án	6
3.3. Sản phẩm của dự án	10
4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN NƯỚC CỦA DỰ ÁN	10
4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu và hóa chất sử dụng.....	10
4.2. Nhu cầu về điện, nước.....	1
CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	5
1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG.....	5
2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	5
2.1. Kết quả quan trắc nước thải.....	6
2.2. Kết quả quan trắc nước mặt.....	7
2.3. Kết quả quan trắc khí thải.....	8
CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	10
1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	10
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	10
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	11
1.3. Hệ thống xử lý nước thải	13
2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI	22
2.1. Đối với bụi và khí thải của phương tiện giao thông	22
2.2. Biện pháp giảm thiểu khí thải tại phát sinh từ máy phát điện	22
2.3. Đối với bụi trong xưởng sản xuất.....	23
2.4. Khí thải phát sinh từ quá trình dán keo, cắt dây đai	24
2.5. Hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục	29
3. CÔNG TRÌNH LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG.....	30

3.1. Chất rắn thải sinh hoạt	30
3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường	32
3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI.....	34
3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG.....	37
3.5. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	39
3.5.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải	39
3.5.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải	41
3.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại	41
3.5.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ	43
3.5.5. Phương án phòng ngừa và ứng cứu tai nạn bỏng	45
3.5.6. Phương án đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông	46
3.5.7. Phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố vệ sinh an toàn thực phẩm.....	46
3.5.8. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố giữa Dự án với các công trình lân cận 47	
3.5.9. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	47
CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	53
4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	53
4.1.1. Nội dung đề nghị cấp phép xả nước thải	53
4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải.....	55
4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI	56
4.2.1. Nội dung đề nghị cấp phép xả khí thải	56
4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải.....	58
4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG.....	60
4.3.1. Nội dung đề nghị cấp phép tiếng ồn, độ rung.....	60
4.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.....	61
CHƯƠNG 5. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN .	62
5.1.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	62
5.1.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ Dự án	63
5.2. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM.....	64
CHƯƠNG 6. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	64
PHỤ LỤC	66

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Tọa độ điểm giới hạn của dự án.....	2
Bảng 1. 2. Diện tích các cơ sở hạ tầng, các hạng mục tại Công ty	4
Bảng 1. 3. Phân bố các hạng mục công trình trong tòa nhà 6 tầng của Công ty	4
Bảng 1. 4. Quy mô công suất sản xuất	5
Bảng 1. 5. Danh mục các máy móc, thiết bị.....	8
Bảng 1. 6. Danh mục sản phẩm của dự án	10
Bảng 1. 7. Nhu cầu tiêu thụ nguyên, nhiên trung bình trong một năm của công ty	1
Bảng 1. 8. Lượng điện tiêu thụ của dự án sản xuất năm 2023	1
Bảng 1. 9. Thống kê lưu lượng nước sử dụng tại dự án năm 2023	1
Bảng 1. 10. Nhu cầu sử dụng nước tại dự án.....	2
Bảng 1. 11. Lưu lượng xả nước thải tại dự án.....	3
Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại dự án.....	11
Bảng 3. 2. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước thải tại dự án.....	13
Bảng 3. 3 Kích thước và thể tích các bể tự hoại tại Dự án.....	13
Bảng 3. 4 Thông số kỹ thuật các hạng mục công trình của HTXLNT 190 m ³ /ngày.đêm	18
Bảng 3. 5 Danh mục máy móc, thiết bị của HTXLNT 190 m ³ /ngày.đêm	19
Bảng 3. 6. Khối lượng hóa chất sử dụng cho HTXLNT 190 m ³ /ngày.đêm.....	19
Bảng 3. 7. Các thiết bị cần kiểm tra trước khi vận hành	20
Bảng 3. 8. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý hơi dung môi từ dán keo	25
Bảng 3. 9 Số lượng thùng rác sinh hoạt tại Dự án.....	32
Bảng 3. 10 Khối lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án.....	33
Bảng 3. 11 Khối lượng CTNH phát sinh thực tế tại dự án.....	34
Bảng 3. 12 Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn cho phép tại dự án.....	38
Bảng 3. 13 Giới hạn tối đa cho phép về độ rung cho phép của dự án.....	38
Bảng 4. 1 Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải .	53
Bảng 4. 2 Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải từ tháp giải nhiệt	54
Bảng 4. 3 Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải trước khi xả vào môi trường	57
Bảng 4. 4 Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn của Dự án.....	61
Bảng 4. 5 Giới hạn tối đa cho phép về độ rung của Dự án.....	61
Bảng 5. 11 Tổng kinh phí dự toán cho chương trình giám sát môi trường hàng năm của dự án	64

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Vị trí Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III - Chi nhánh Tổng Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III – CTCP	3
Hình 1. 2. Quy trình công nghệ sản xuất tại dự án.....	7
Hình 1. 3. Sơ đồ cân bằng nước tại dự án	4
Hình 3. 1 Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa tại dự án	10
Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom xử lý nước thải tại dự án	12
Hình 3. 3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại	15
Hình 3. 4. Quy trình xử lý nước thải công suất 190 m ³ /ngày tại dự án.....	16
Hình 3. 5 Hình ảnh nhà máy phát điện tại Dự án.....	23
Hình 3. 6 Các phương pháp phân loại và xử lý chất thải phát sinh tại dự án.....	30
Hình 3. 8 Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường tại dự án	34
Hình 3. 9 Khu vực lưu chứa CTNH tại dự án	37
Hình 3. 10 Quy ước ký hiệu sử dụng trên nhãn.....	37
Hình 3. 11 Sơ đồ thông gió tự nhiên trong khu vực sản xuất.....	49

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. TÊN CHỦ DỰ ÁN

CÔNG TY TNHH PUNG KOOK SÀI GÒN III

Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp là Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn II với các thông tin sau:

- Địa chỉ: Khu phố 1A, phường An Phú, thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam;
- Đại diện: Ông. KIM DOON HOON Chức vụ: Tổng giám đốc;
- Địa chỉ liên hệ: Khu phố 1A, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Điện thoại: 06503732999 hoặc 06503732008 Fax: 0650.3714.266;
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 3700379491 do sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương – Phòng Đăng Ký Kinh Doanh cấp, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 07 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 04 tháng 03 năm 2022;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có mã số dự án 3235182410 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương - Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 2006 và chứng nhận thay đổi lần 5 ngày 15 tháng 01 năm 2020;

2. TÊN DỰ ÁN HOẠT ĐỘNG

“NHÀ MÁY PUNGKOOK SAIGON III”

- Địa điểm dự án : Khu phố 1A, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định các giấy phép môi trường thành phần:
 - + Công ty đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 646/QĐ-STNMT ngày 25/05/2018 của “*Nhà máy sản xuất túi xách và hành lý với tổng công suất 10.000.000 sản phẩm/năm*” tại khu phố 1A, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. (đính kèm tại Phụ lục 1)
 - + Công ty đã được Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương – Sở Tài Nguyên và Môi Trường cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn và điều chỉnh nội dung lần 1) số 220/GP-STNMT ngày 29/12/2020 (đính kèm tại Phụ lục 1)
 - + Công ty đã được Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Bình Dương – Chi cục Bảo vệ môi trường cấp Sổ đăng ký quản lý chủ nguồn chất thải nguy hại mã số 74.000399.T (cấp lần 3) ngày 10/08/2022. (đính kèm tại Phụ lục 1)
- Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Nhà máy sản xuất túi xách và hành lý với tổng công suất 10.000.000 sản phẩm/năm” do Công ty TNHH Pung Kook

Sài Gòn III chủ đầu tư được thực hiện theo Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

❖ **Vị trí dự án**

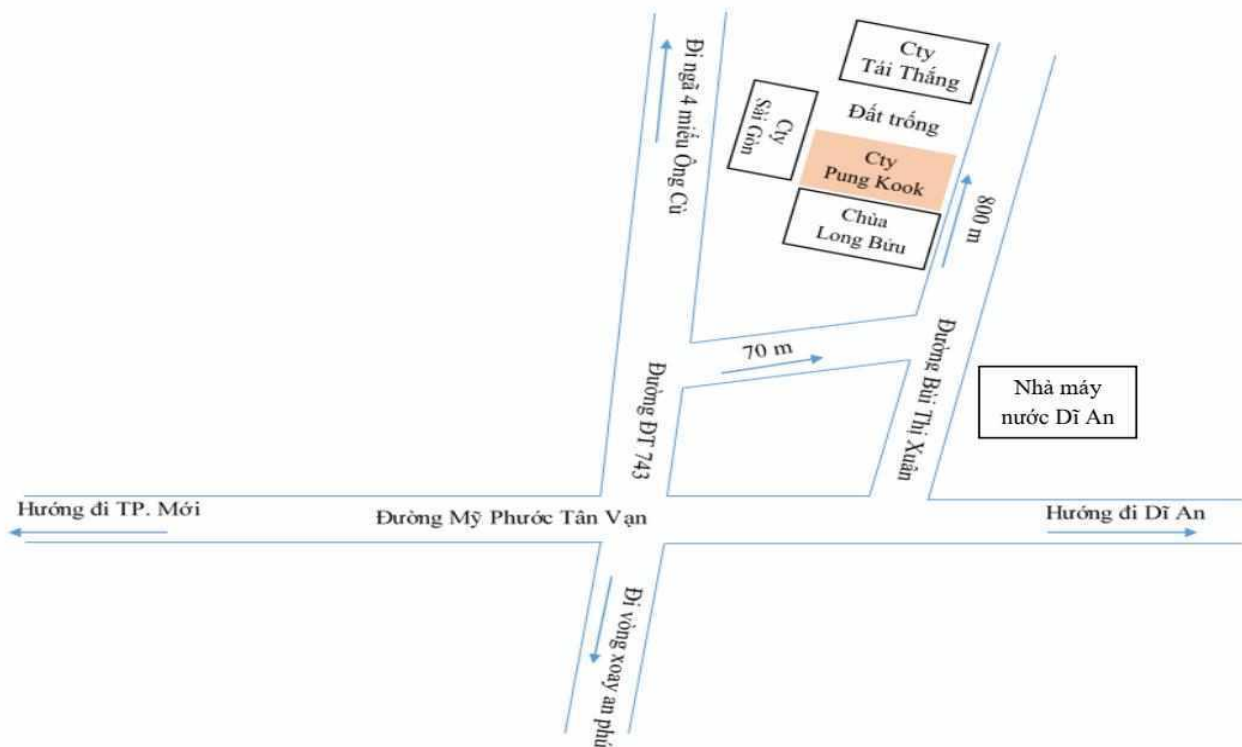
Nhà xưởng của công ty đang hoạt động tại khu phố 1A, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Nhà xưởng có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp đất trống, kế bên là Công ty TNHH phụ liệu giày Tái Thắng
- Phía Nam giáp chùa Long Bửu
- Phía Đông giáp đường Bùi Thị Xuân, kế đến là đất trống và nhà dân (cách khoảng 50m)
- Phía Tây giáp Công ty TNHH Sài Gòn May Mặc Xuất Khẩu
- Tọa độ vị trí nhà xưởng được thể hiện trong bảng 1.1, ranh giới và các vị trí tiếp giáp được trình bày như sau:

Bảng 1. 1. Tọa độ điểm giới hạn của dự án

Vị trí	Tọa độ VN2000 (<i>kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiếu 3^o</i>)	
	X(m)	Y(m)
1	1211642.52	608662.23
2	1211649.51	608651.37
3	1211712.46	608553.57
4	1211659.25	608493.15
5	1211611.89	608445.92
6	1211610.03	608447.91
7	1211564.73	608427.18

(Nguồn: Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III, năm 2023)



(Nguồn: Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III, năm 2023)

Hình 1. 1. Vị trí Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III - Chi nhánh Tổng Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III – CTCP

❖ **Các đối tượng tự nhiên, kinh tế, xã hội trong khu vực công ty**

- Cách trung tâm thị xã Thuận An khoảng 6 km
- Cách hộ dân gần nhất khoảng 500 m
- Cách UBND thị xã Thuận An khoảng 12 km
- Cách trung tâm thành phố Thành phố mới khoảng 15 km

Công ty nằm gần các trục giao thông: đường Bùi Thị Xuân, đường ĐT 743, đường Mỹ Phước – Tân Vạn, Quốc lộ 13 nên thuận lợi cho việc cung cấp nguyên, nhiên liệu và vận chuyển sản phẩm,... Đường giao thông được trải nhựa, bê tông hóa bằng phẳng rộng rãi; hệ thống cấp điện, cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, nước thải, hệ thống thông tin liên lạc đầy đủ nên rất thuận tiện cho hoạt động vận chuyển hàng hóa và sản xuất của công ty

❖ **Các hạng mục công trình tại dự án**

Tổng diện tích đất của dự án là 29.048,8 m² theo sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT07704 ngày 26 tháng 06 năm 2014 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Bình Dương cấp. Các hạng mục công trình của Dự án được trình bày tại bảng sau:

Bảng 1. 2. Diện tích các cơ sở hạ tầng, các hạng mục tại Công ty

STT	Tên hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
Hạng mục phục vụ sản xuất			
1	Tòa nhà 6 tầng (bao gồm nhà xưởng, kho chứa nguyên liệu, văn phòng, nhà ăn, nhà xe,...)	8.034,93	30,04
2	Nhà bảo vệ	48	0,18
4	Nhà bảo trì	96	0,36
5	Nhà phát điện	96	0,36
6	Nhà ép khuôn	65	0,24
7	Nhà hóa chất	26	0,1
Hạng mục bảo vệ môi trường			
8	Nhà rác	150	0,56
9	Hệ thống xử lý nước thải	100	0,37
10	Bể chứa nước PCCC	420 m ³	-
11	Bể nước tái sử dụng	240 m ³	-
12	Bãi container	1248	4,67
Hạng mục kết cấu hạ tầng			
13	Đường nội bộ	11.240,04	42,02
14	Cây xanh	5.697,13	21,3
Tổng		26.747,1	100

(Nguồn: công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III, 2023)

Công ty có sử dụng một nhà ép khuôn tách biệt với khu vực xưởng sản xuất, nhà ép khuôn này dùng để uốn cong các miếng vật tư pepolen để làm đế cho vali

Bảng 1. 3. Phân bổ các hạng mục công trình trong tòa nhà 6 tầng của Công ty

STT	Tên công trình	Diện tích sàn (m ²)
Tầng hầm		
1	Hầm để xe	4.104
Tầng trệt		
2	Kho nguyên liệu	1.890
3	Kho thành phẩm	1.512
4	Phòng cắt	2.565
Tầng 1		
5	Văn phòng	1.482
6	Nhà vệ sinh văn phòng	80
7	Thông tầng	5.643
Tầng 2		
8	Xưởng sản xuất 3A	6.156
8.1	Khu vực may	5.580
8.2	Khu vực cắt vải	126
8.3	Khu vực dán keo	80
8.4	Khu vực sơn da	250
8.5	Khu vực cắt dây đai	40
8.6	Hệ thống làm mát	80

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

8.7	Nhà vệ sinh	100
Tầng 3		
8	Văn phòng	1.482
9	Nhà vệ sinh	80
10	Thông tầng	5.643
Tầng 4		
11	Xưởng sản xuất 3B	6.156
11.1	Khu vực may	5.580
11.2	Khu vực cắt vải	126
11.3	Khu vực dán keo	80
11.4	Khu vực sơn da	250
11.5	Khu vực cắt dây đai	40
11.6	Hệ thống làm mát	80
11.7	Nhà vệ sinh	100
Tầng 5		
12	Văn phòng	1.482
13	Nhà vệ sinh	80
14	Thông tầng	5.643
Tầng 6		
15	Xưởng sản xuất 3C	3.543
15.1	Khu vực may	3.050
15.2	Khu vực cắt vải	83
15.3	Khu vực dán keo	80
15.4	Khu vực sơn da	250
15.5	Khu vực cắt dây đai	80
15.6	Hệ thống làm mát	40
16	Nhà bếp	513
17	Căn tin	2.565
18	Nhà vệ sinh	100
Tổng		44.967,93

(Nguồn: Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III, 2023)

3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA DỰ ÁN

3.1. Công suất hoạt động của dự án

- Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III – Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP hoạt động với lĩnh vực sản xuất chính là sản xuất kinh doanh sản phẩm kính các loại, cung cấp cho xây dựng công nghiệp và dân dụng, làm gương, kính phản quang và các sản phẩm kính khác.

- Ngành nghề hoạt động chính của Công ty là sản xuất thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh (mã ngành 2310);

Bảng 1. 4. Quy mô công suất sản xuất

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Công suất
-----------	---------------------	---------------	------------------

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

			Năm 2023	Theo Đề án BVMT chi tiết
1	Sản xuất các sản phẩm túi xách và hành lý	Sản phẩm/năm	6.800.000	10.000.000

(Nguồn: Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III, năm 2023)

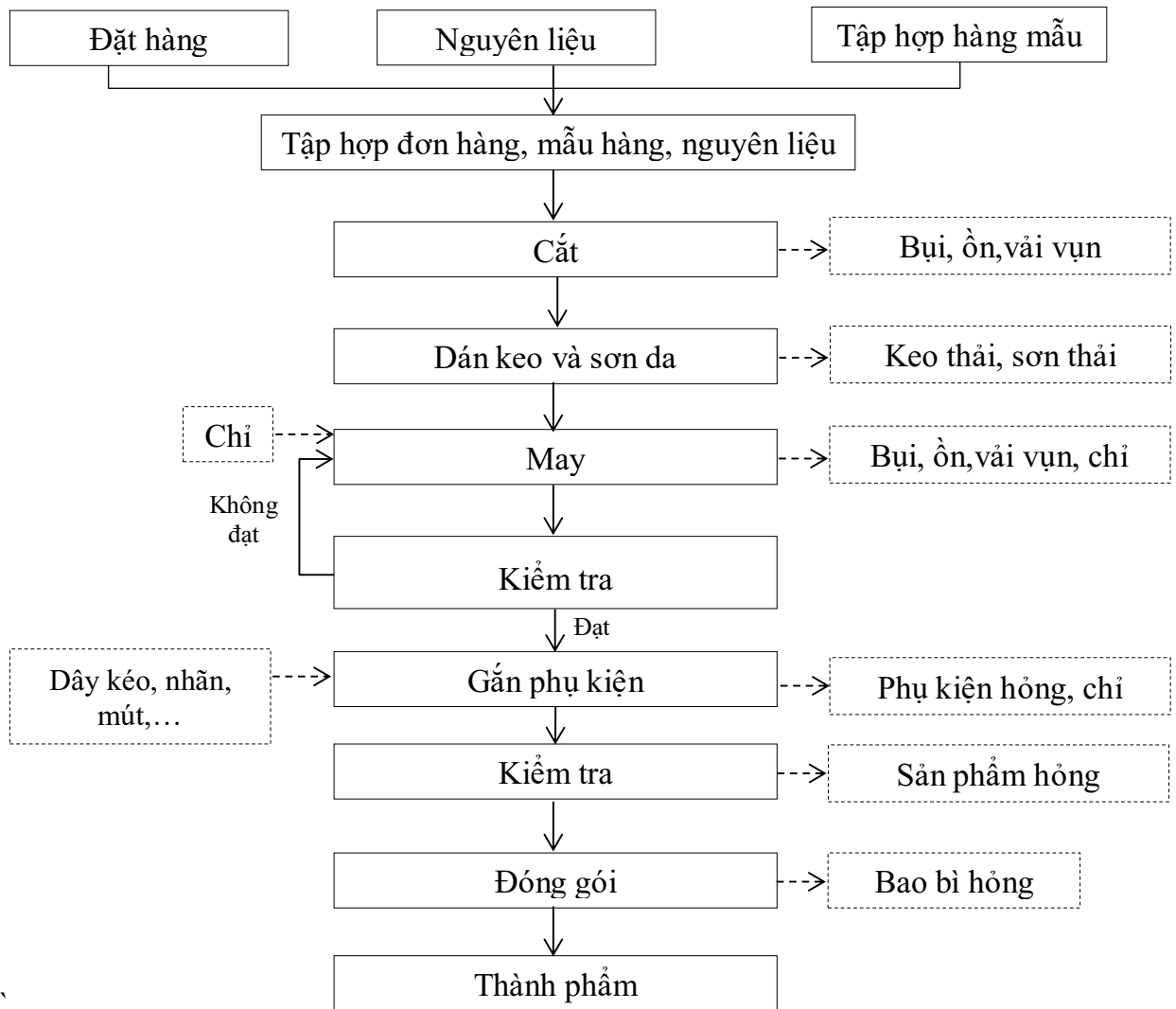
- Với dây chuyền, công nghệ sản xuất hiện đại, Công ty sẽ đưa ra thị trường sản phẩm kính các loại dùng trong công nghiệp và dân dụng, làm gương, kính phản quang và các sản phẩm kính khác, với mẫu mã các sản phẩm từ kính bền, đẹp và thân thiện với môi trường.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án

Hiện tại, công nghệ sản xuất của nhà máy không thay đổi so với nội dung phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 646/QĐ-STNMT ngày 25/05/2018 của “Nhà máy sản xuất túi xách và hành lý với tổng công suất 10.000.000 sản phẩm/năm”

Hiện tại, Công ty Pung Kook Sài Gòn III đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất túi xách, túi hành lý. Vì vậy, quy trình công nghệ sản xuất của công ty khá đơn giản, gồm các công đoạn chính như cắt, dán keo, sơn da, may, kiểm tra, gắn phụ kiện và đóng gói thành phẩm. Khi tăng công suất sản xuất quy trình sản xuất tại công ty sẽ không thay đổi, quy trình sản xuất như sau:

Các thiết bị, máy móc không sử dụng nữa đã được công ty ngắt các đường ống dẫn đến các thiết bị khác, sơ đồ công nghệ sản xuất của dự án được thể hiện như sau:



Hình 1. 2. Quy trình công nghệ sản xuất tại dự án

❖ **Thuyết minh quy trình**

Vải, da là nguồn nguyên liệu chính cung cấp cho quá trình hoạt động sản xuất của nhà máy, khi nhập về sẽ được lưu trữ vào kho chứa nguyên liệu. Sau đó bộ phận sản xuất sẽ tập hợp mẫu hàng, đơn đặt hàng, nguyên liệu để chuyển đến các chuyên để chuẩn bị sản xuất.

Cắt: nguyên liệu được đưa vào máy cắt công nghiệp để cắt thành các bộ phận theo kích thước và tạo kiểu dáng theo mẫu thiết kế của khách hàng. Quá trình lạng cũng thực hiện tương tự, công nhân sẽ đưa nguyên liệu cần lạng vào máy, máy tự động lạng heo kích thước mà công nhân đã mặc định. Để tiết kiệm nguyên liệu công ty yêu cầu công nhân xếp dao cắt sát nhau trong các hình cần cắt nên tỷ lệ thải bỏ của quá trình cắt lạng rất nhỏ khoảng 0,1%.

Dán keo: Vải sau khi cắt sẽ được dán keo các chi tiết lẻ như miếng lót, dây đai... Keo được lấy từ kho chứa hóa chất và được chiết vào các lọ nhỏ đủ cho sản xuất một ngày, công nhân sẽ tiến hành cho keo dán lên bề mặt chi tiết cần dán rồi ghép hai chi tiết lại với nhau sau đó để khô tự nhiên.

Sơn Da: mục đích để tạo cho viền của túi xách, quay balo. Sơn được lấy từ kho chứa hóa chất và được chiết ra một lượng vừa đủ để sử dụng trong ngày. Công nhân sẽ tiến hành sơn phân chi tiết cần sơn và cho để khô tự nhiên.

May: Sản phẩm sau khi dán keo, sơn da sẽ được chuyển đến các chuyên may của mỗi xưởng tại các chuyên may công nhân sẽ may, lắp ráp các chi tiết lại với nhau và đưa qua công đoạn gắn phụ kiện như nút, dây kéo, nhãn để tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh. Sản phẩm tạo thành được kiểm tra lần cuối, nếu sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ thải bỏ và xử lý như chất thải thông thường; đóng gói nếu sản phẩm đạt yêu cầu, lưu vào kho và chờ xuất hàng

❖ **Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng tại dự án được thể hiện như sau:**

Hiện nay Công ty đã nâng công suất sản xuất của các dây chuyền sản xuất của dự án đầu tư lên đến 10.000.000 sản phẩm/năm, tuy nhiên công suất sản xuất trên thực tế năm 2022 chưa đạt 10.000.000 sản phẩm/năm (theo thống kê năm 2022 6.240.000 sản phẩm/năm và 6 tháng đầu năm 2023 là 3.240.000 sản phẩm/năm). Các máy móc thiết bị được trang bị tại nhà máy phục vụ cho hoạt động sản xuất hiện hữu được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1. 5. Danh mục các máy móc, thiết bị

STT	Máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Công suất	Hiện trạng
Xưởng 3A					
1	Máy may 340	cái	555	316W	Mới 80%
2	Máy may 380	cái	65	246W	Mới 80%
3	Máy may 390	cái	65	246W	Mới 80%
4	Máy may 2 kim	cái	43	216W	Mới 80%
5	Máy may ziczăc	cái	82	246W	Mới 80%
6	Máy khâu	cái	1	316W	Mới 80%
7	Máy ủi nóng	cái	35	12W	Mới 80%
8	Máy cắt nóng	cái	5	100W	Mới 80%
9	Đèn chiếu sáng	cái	1.006	60W	Mới 80%
10	Quạt hút lớn	cái	21	10W	Mới 80%
11	Quạt hút nhỏ	cái	10	5W	Mới 80%
12	Máy dập đầu đai	cái	02	330W	Mới 80%
13	Máy chạy gân	cái	02	132W	Mới 80%
14	Máy cắt bằng tay	cái	6	76W	Mới 80%
15	Máy cắt đầu bàn	cái	02	140W	Mới 80%
16	Máy đóng nút lớn	cái	04	100W	Mới 80%
17	Máy đóng nút nhỏ	cái	05	50W	Mới 80%
18	Băng chuyền	HT	01	879W	Mới 80%
19	Băng tải	HT	03	200W	Mới 80%
20	Máy rà kim	cái	03	100W	Mới 80%
21	Máy đóng thùng	cái	01	30W	Mới 80%
22	Máy ép nylon	cái	02	172W	Mới 80%
23	Máy cắt Meca	cái	01	330KW	Mới 80%

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

24	Máy cắt Lazer	cái	01	946W	Mới 80%
25	Máy cắt đai	cái	03	9W	Mới 80%
26	Máy mài	cái	01	350W	Mới 80%
27	Máy ép nóng	cái	02	50W	Mới 80%
28	Máy lạnh mút	cái	02	120W	Mới 80%
29	Máy rà kim loại	cái	01	375W	Mới 80%
30	Máy ép tem	cái	01	1,5KW	Mới 80%
Xưởng 3B					
31	Máy may 340	Cái	633	316W	Mới 80%
32	Máy may 380	Cái	77	246W	Mới 80%
33	Máy may 390	Cái	83	246W	Mới 80%
34	Máy 2 kim	Cái	33	216W	Mới 80%
35	Máy may Zizăc	Cái	8	246W	Mới 80%
36	Máy dùi nóng nhỏ	Cái	66	12W	Mới 80%
37	Máy dùi nóng lớn	Cái	1	30W	Mới 80%
38	Máy khâu	Cái	1	316W	Mới 80%
39	Máy ép nóng	Cái	2	172W	Mới 80%
40	Máy rà kim	Cái	1	375W	Mới 80%
41	Quạt hút lớn	cái	22	10W	Mới 80%
42	Quạt hút nhỏ	cái	20	5W	Mới 80%
43	Đèn chiếu sáng	cái	1.669	60W	Mới 80%
44	Máy cắt đai	Cái	5	9W	Mới 80%
45	Máy mài	Cái	1	350W	Mới 80%
46	Máy LaZer	Cái	1	946W	Mới 80%
47	Máy Lectra	Cái	2	125W	Mới 80%
48	Máy cắt vải nhỏ	Cái	4	100W	Mới 80%
49	Máy cắt vải bằng tay	Cái	5	76W	Mới 80%
50	Máy cuốn gân	Cái	2	54W	Mới 80%
51	Máy Rivet	Cái	8	25W	Mới 80%
52	Máy Elet	Cái	3	15W	Mới 80%
53	Băng chuyền	HT	1	879W	Mới 80%
54	Băng tải nhỏ	HT	3	200W	Mới 80%
55	Máy gấp đầu đai	Cái	1	330W	Mới 80%
56	Quạt hút	Cái	4	10W	Mới 80%
57	Máy dập	Cái	1	330W	Mới 80%
58	Máy lạnh mút	Cái	1	120W	Mới 80%
59	Máy trải vải	Cái	1	40W	Mới 80%
60	Máy ép tem	Cái	9	1,5KW	Mới 80%
61	Máy cắt nóng	Cái	13	100W	Mới 80%
Xưởng 3C					
62	Máy may 340	cái	327	316W	Mới 80%
63	Máy may 380	cái	19	246W	Mới 80%
64	Máy may 390	cái	22	246W	Mới 80%
65	Máy rà kim	cái	1	375W	Mới 80%
66	Máy thổi hơi	cái	1	100W	Mới 80%
67	Máy ép tem	cái	1	172W	Mới 80%

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

68	Máy Elet	cái	5	15W	Mới 80%
69	Máy lạnh da	cái	1	120W	Mới 80%
70	Máy dán keo	cái	1	45W	Mới 80%
71	Máy cắt vải bàn	cái	3	76W	Mới 80%
72	Máy mài	cái	1	350W	Mới 80%
73	Quạt hút nhỏ	cái	3	5W	Mới 80%
74	Quạt hút lớn	cái	24	10W	Mới 80%
75	Đèn chiếu sáng	cái	800	60W	Mới 80%
76	Băng tải nhỏ	cái	1	200W	Mới 80%

(Nguồn: Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III, năm 2023)

3.3. Sản phẩm của dự án

Bảng 1. 6. Danh mục sản phẩm của dự án

Tên sản phẩm	Công suất đầu tư (Sản phẩm/năm)	2022 (Sản phẩm/năm)	06/2023 (Sản phẩm/6 tháng)
Túi xác và hành lý tổng hợp	10.000.000	6.240.000	3.240.000

4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN NƯỚC CỦA DỰ ÁN

4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu và hóa chất sử dụng

Danh sách các nguyên, nhiên vật liệu chính và hóa chất được sử dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. 7. Nhu cầu tiêu thụ nguyên, nhiên trung bình trong một năm của công ty

TT	Tên nguyên liệu	Thành phần, tính chất	Đơn vị	Tổng	Nguồn gốc
1	Vải các loại	Polyester, cotton, nylon	m ²	18.763.817	Hàn quốc
2	Nhân	Nhựa, giấy, kim loại	Cái	55.625.833	Việt nam
3	Dây kéo	Nhựa, kim loại	Cái	10.467.392	Việt nam
4	Thanh nhựa	Nhựa	Cái	83.862	Việt nam
5	Đệm mút	Thành phần: PolyUrethane, có tính đàn hồi	Cái	32.653.739	Việt nam
6	Dây đai	100% polyester	m	66.467.190	Việt nam
7	Giấy lót	Xenlulose	Cái	3.797.616	Việt nam
8	Chỉ	Polyester hoặc cotton	Cuộn	15.488	Việt nam
9	Tay kéo	Nhựa	Bộ	417.210	Việt nam
10	Bánh xe	Nhựa	Cái	784.596	Việt nam
11	Băng keo	-	m	5.848.024	Việt nam
12	Keo dán	Thành phần: methylcyclohexane, ethyl acetate, butanol, Acetone, rosin Tính chất: chất sệt màu vàng nhạt, sôi ở 130°C	kg	5.198	Việt nam
13	Sơn Da	Thành phần: N-ethyl-2-pyrrolidone, Acrylic resins, PU resins Tính chất: chất lỏng dạng sữa, có mùi thơm nhẹ	kg	645	Việt nam
14	Khoen, khóa, móc, chốt chặn	Kim loại	Bộ	42.622.562	Việt nam
15	Thùng carton	Xenlulose	Cái	493.976	Việt nam
16	Dầu DO	-	Lít	968	Việt nam
17	Dầu bôi trơn	-	Lít	1.382	Việt nam
18	Dầu thủy lực	-	Lít	746	Việt nam

(Nguồn: Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III, năm 2023)

4.2. Nhu cầu về điện, nước

4.2.1. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn điện cấp cho hoạt động của nhà máy được lấy từ mạng lưới điện quốc gia chạy ngang qua khu vực. Tổng nhu cầu sử dụng điện hiện tại được trình bày trong bảng sau: Theo thống kê hóa đơn tiền điện tháng 4,5,6 năm 2023 từ đồng hồ điện, lượng điện dự án sử dụng trung bình khoảng 5.450 KWh/tháng, tương đương khoảng 65.400 KWh/năm, nếu hoạt động dự kiến tối đa công suất ước tính khoảng 125.000 KWh/năm.

Bảng 1. 8. Lượng điện tiêu thụ của dự án sản xuất năm 2023

Nhu cầu sử dụng điện	Hiện hữu (Kw/năm)	Hoạt động tối đa công suất (Kw/năm)
	65.400	125.000

Như vậy, khi nhà máy sản xuất đạt công suất 10.000.000 sản phẩm/năm tổng nhu cầu sử dụng điện tại nhà máy khoảng 125.000 Kw/năm. Ngoài ra, để đảm bảo cung cấp đủ nguồn điện cho hoạt động của toàn nhà máy khi có sự cố mất điện xảy ra, Công ty đã trang bị 4 máy phát điện dự phòng với công suất 650 KVA. Công ty sẽ tiếp tục sử dụng 4 máy phát điện này, không trang bị thêm máy phát điện mới.

4.2.2. Nhu cầu sử dụng nước

Với hoạt động sản xuất của nhà máy, nước sẽ cung cấp cho hoạt động sinh hoạt của công nhân viên (nước cấp cho hoạt động vệ sinh và nước cấp cho nhà ăn), nước cấp cho hệ thống làm mát, tưới cây và PCCC. Hiện tại Công ty đã nâng công suất sản xuất của các dây chuyền lên 10.000.000 sản phẩm/năm, tuy nhiên công suất sản xuất hiện nay chưa đạt 10.000.000 sản phẩm/năm. Nhu cầu sử dụng nước hiện tại và dự kiến tăng thêm trong tương lai cụ thể như sau:

Bảng 1. 9. Thống kê lưu lượng nước sử dụng tại dự án năm 2023

STT	Kỳ tính nước	Lưu lượng sử dụng	
		m ³ /tháng	m ³ /ngày
1	Tháng 01/2023	1.238	41,4
2	Tháng 02/2023	1.454	48,5
3	Tháng 03/2023	3.109	103,7
Trung bình		1933,7	64,5

(Nguồn: Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III, năm 2022)

Nhu cầu sử dụng nước theo từng mục đích của dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. 10. Nhu cầu sử dụng nước tại dự án

STT	Mục đích sử dụng	Lưu lượng thực tế (m ³ /ngày)	Ghi chú
01	Cung cấp cho sinh hoạt của công nhân viên (1.800 công nhân viên)	144	Có phát sinh nước thải
02	Nước cấp cho hệ thống làm mát nhà xưởng	1	Tuần hoàn làm mát
03	Cung cấp cho tưới cây trong khuôn viên dự án	4,7	Thấm vào cây đất trồng cây
04	Cung cấp cho rửa đường trong khuôn viên dự án	1,9	Thấm vào bề mặt bê tông
Tổng		151,6	

(Nguồn: Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III, năm 2023)

Chi tiết nhu cầu sử dụng nước tại dự án:

Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt của công nhân: Tổng số lượng cán bộ, nhân viên làm việc tại dự án hiện tại khoảng 1.800 công nhân viên, lưu lượng nước cấp cho sinh hoạt tối đa của dự án trong ngày là:

$$Q_{sh} = 80 \text{ lít/người}^{(1)} \times 1.800 \text{ công nhân} = 144 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Ghi chú: ⁽¹⁾ Định mức theo QCVN 01/2021/TT-BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

Nhu cầu sử dụng nước cấp bù cho tháp giải nhiệt: 1 m³/ngày.đêm

Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động tưới cây xanh: Nước sử dụng cho mục đích tưới cây tại dự án được tính theo tiêu chuẩn cấp nước TCVN 33:2006/BXD. Với diện tích cây xanh trong dự án khoảng 5.697,13 m², trung bình 4 ngày tưới 1 lần thì tiêu chuẩn cấp nước cho việc tưới cây khoảng 3,3 lít/m² nên tổng khối lượng nước cấp sử dụng cho mục đích tưới cây là:

$$(5.697,13 \text{ m}^2 \times 3,3 \text{ lít/m}^2/\text{lần}) / 4 \text{ ngày/lần} = 4,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động rửa đường, sân bãi nội bộ dự án: Nước sử dụng cho mục đích rửa đường, sân bãi nội bộ tại dự án được tính theo tiêu chuẩn

cấp nước TCVN 33:2006/BXD. Với diện tích đường sân bãi trong dự án khoảng 11.240,04 m², trung bình 2 ngày rửa 1 lần thì tiêu chuẩn cấp nước cho việc tưới cây khoảng 0,5 lít/m² nên tổng khối lượng nước cấp sử dụng cho mục đích rửa đường sân bãi là:

$$(11.240,04 \text{ m}^2/\text{ngày} \times 0,5 \text{ lít/ m}^2) / 3 \text{ ngày/lần} = 1,87 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

❖ **Lưu lượng xả nước thải của dự án:**

Căn cứ hoạt động sản xuất hiện hữu tại dự án thì lưu lượng xả nước thải như sau:

Bảng 1. 11. Lưu lượng xả nước thải tại dự án

STT	Hạng mục	Đơn vị	Lưu lượng nước cấp	Lưu lượng xả thải	Biện pháp xử lý
1	Nước cấp cho mục đích sinh hoạt	m ³ /ngày	144	144	Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó thoát vào HTXLNT 120 m ³ /ngày
2	Nước tại bể giải nhiệt	m ³ /lần	1	-	Tuần hoàn
Tổng			145	145	

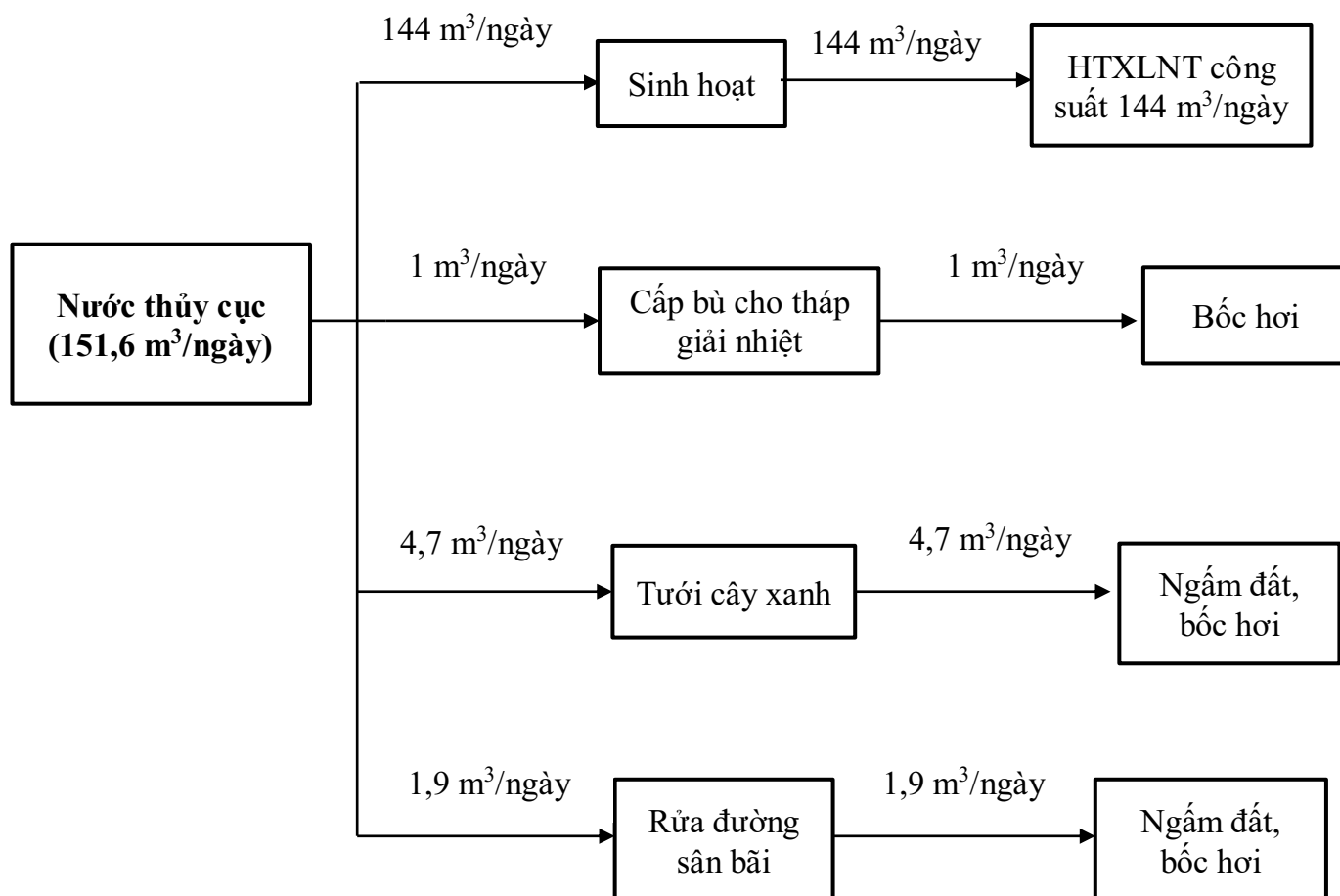
(Nguồn: Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III, năm 2023)

- Đối với nước thải sinh hoạt tiến hành thực hiện thu gom vào HTXL nước thải tập trung của nhà máy với công suất 190 m³/ngày.đêm

- Đối với nước tại bể chứa nước giải nhiệt tuần hoàn giải nhiệt cho máy móc thiết bị làm việc trong nhà xưởng

Khi hoạt động đạt công suất tối đa theo đề án bảo vệ môi trường đã được duyệt, Dự án không tăng số lượng công nhân viên so với giai đoạn hiện tại, không lắp đặt thêm máy móc thiết bị mà chỉ tăng hiệu suất làm việc của máy móc, thiết bị hiện hữu để đáp ứng công suất sản xuất. Theo đó, nhu cầu sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt không thay đổi. Ngoài ra, nước cung cấp cho quá trình sản xuất chủ yếu là nước giải nhiệt thiết bị không phát thải ra ngoài; nước làm mát tại dự án được tuần hoàn tái sử dụng, chỉ cấp bù, không thải bỏ ra ngoài. Vì vậy, nhu cầu xả nước thải tối đa của dự án không đổi theo giấy phép xả thải số 54/ GP-STNMT với lưu lượng xả thải là 190 m³/ngày.

Nhu cầu sử dụng nước theo từng mục đích của dự án và lưu lượng xả thải của dự án được thể hiện qua sơ đồ cân bằng như sau:



Hình 1. 3. Sơ đồ cân bằng nước tại dự án

CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư số 3235182410 do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 2006, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 03 tháng 08 năm 2017. Công ty hoạt động trong lĩnh vực chính là sản xuất túi sách và túi hành lý tại khu phố 1A, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương từ năm 2007 với tổng diện tích khu đất hoạt động là 29.048,8 m² (trong đó diện tích đất thuộc hành lang an toàn đường bộ là 2.301,7 m²).

Theo giấy chứng nhận số CT07704 thì khu đất trên được UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III cũng thuộc đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. Do đó, hoạt động của công ty trên khu đất này là phù hợp với quy hoạch và mục đích sử dụng đất của địa phương.

Theo quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2020 – 2030 tỉnh Bình Dương sẽ trở thành đô thị loại I, trực thuộc Trung ương, theo đó thị . Tuy nhiên để di trì hoạt động sản xuất đến khi có quyết định di dời thì Công ty sẽ thực hiện đúng thủ tục di dời nhà máy theo quy định. Trong qua trình lập giấy phép môi trường cho dự án để dự án đi vào hoạt động tuân thủ luật môi trường 2020, song song đó Công ty sẽ có kế hoạch di dời nhà máy tới Cụm công nghiệp và cam kết thực hiện theo quy hoạch.

2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Dự án “ Nhà máy sản xuất túi xách và túi hành lý với tổng công suất 10.000.000 sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III với loại hình hoạt động là sản xuất đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất túi xách, túi hành lý với tổng diện tích đất là 29.048,8 m². Trong quá trình sản xuất dự án có phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải nhà ăn, khí thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

Để hạn chế phát sinh và giảm thiểu tác động từ các nguồn thải, đáp ứng được sự phù hợp của dự án đối với sự chịu tải của môi trường khu vực, Chủ dự án đã áp dụng các biện pháp để xử lý các nguồn thải đó như sau:

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó toàn bộ lượng nước thải phát sinh được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 190 m³/ngày.đêm xử lý đạt quy chuẩn cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của khu sản xuất. Nguồn tiếp nhận nước thải cuối cùng của dự án là suối Bưng Củ tại Phường An Phú, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo giấy phép xả thải số 220/GP-STNMT do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/12/2020.

Bụi tại khu vực nạp liệu được thu gom và xử lý bằng 07 hệ thống lọc bụi túi vải, lượng bụi được thu hồi tái sử dụng, không khí sau khi qua hệ thống lọc bụi túi vải đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ sau đó theo ống khói thoát ra môi trường.

Trong hoạt động sản xuất tại công đoạn may có phát sinh bụi, tuy nhiên không đáng kể đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B khi xả ra ngoài môi trường xung quanh, nhà máy thực hiện lấy mẫu kiểm soát đánh giá môi trường lao động hàng năm đảm bảo sức khỏe cho công nhân trong quá trình làm việc, bên cạnh đó nhà máy thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

- + Bố trí các khu vực cắt, may thành từng cụm riêng biệt đồng thời phân công công nhân thường xuyên dọn dẹp vệ sinh nhằm làm giảm lượng bụi đến mức thấp nhất.
- + Trang bị khẩu trang chuyên dụng cho công nhân khi thao tác ở các công đoạn này
- + Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn xưởng sản xuất, thu dọn bụi và chỉ vụn rơi vãi để không phát tán vào môi trường không khí.

Đối với khí thải từ khu vực dán keo hay sơn da dự án có đầu tư hệ thống xử lý bằng than hoạt tính gắn trong đường ống để hấp phụ các hợp chất hữu cơ trước khi xả thải ra môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 20:2009/BTNMT

Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại được thu gom, lưu trữ và ký kết với Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam) định kỳ vận chuyển và mang đi xử lý.

Dự án bố trí các máy móc sản xuất có không gian và khoảng cách phù hợp, các máy móc phát sinh tiếng ồn lớn được tập trung vào các khu vực riêng, chân máy lắp đệm cao su hạn chế độ rung, thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc.

Dự án cũng áp dụng các biện pháp phòng ngừa ứng phó với các sự cố môi trường nhằm hạn chế thấp nhất mức độ tác động của các sự cố đến môi trường, sức khỏe người lao động cũng như tình hình sản xuất của dự án.

Chủ dự án đã thực hiện quan trắc môi trường cho dự án định kỳ hàng năm, kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2021, 2022 tại dự án đều nằm trong giới hạn của quy chuẩn cho phép, điều này cho thấy hoạt động sản xuất tại dự án chưa ảnh hưởng đến môi trường trong khu vực, chi tiết kết quả quan trắc được trình bày như sau:

2.1. Kết quả quan trắc nước thải

Năm 2021

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

- Đơn vị lấy mẫu: Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động.
- Ngày lấy mẫu: Quý 1: Ngày 24/03/2021, Quý 2: Ngày 09/06/2021, Quý 3: Ngày 05/10/2021, Quý 4: Ngày 06/12/2021.
- Vị trí lấy mẫu: nước thải sinh hoạt tại hố ga sau hệ thống xử lý.
- Kết quả phân tích:

Bảng 2. 1. Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau HTXLNT năm 2021

STT	Thông số	Đơn vị	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A, Kq=0,9; Kf=1,1
1	pH	-	6,9	8,2	8,06	6,3	6 – 9
2	TSS	mg/L	15	13	12	13	49,5
3	BOD ₅	mg/L	8	9	7	9	29,7
4	COD	mg/L	17	20	18	20	74,25
5	Tổng Nito	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	19,8
6	Tổng Photpho	mg/L	0,58	0,75	0,42	0,77	3,96
7	Coliform	MPN/ 100mL	44	64	75	110	3.000

(Nguồn: Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động – PTN môi trường, 2021)

Nhận xét: Nồng độ các thông số quan trắc trong nước thải đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq = 0,9, Kf = 1,1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, điều đó cho thấy hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đang hoạt động ổn định.

2.2. Kết quả quan trắc nước mặt

Năm 2022

- Đơn vị lấy mẫu: Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động.
- Ngày lấy mẫu: Quý 1: Ngày 14/03/2022, Quý 2: Ngày 06/06/2022, Quý 3: Ngày 14/09/2022, Quý 4: Ngày 21/11/2022.

- Vị trí lấy mẫu: nước mặt tại suối Bưng Cù.
- Kết quả phân tích:

Bảng 2. 2. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt năm 2022

STT	Thông số	Đơn vị	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	QCVN 08-MT:2015/BTNMT, Cột B1
1	pH	-	6,8	6,2	6,2	6,4	5,5-9
2	TSS	mg/L	38	28	40	33	50
3	BOD ₅	mg/L	24	10	12	11	15
4	COD	mg/L	11	24	29	26	30
5	Nitrat	mg/L	9,2	7,02	6,8	7,45	10
6	Phosphate	mg/L	0,22	0,19	0,23	0,26	0,3
7	Tổng Nito	mg/L	15,1	10,6	12,5	13,0	-
8	Tổng Photpho	mg/L	0,26	0,31	0,44	0,41	-
9	Coliform	MPN/100mL	4.000	3.500	4.000	3.700	7.500

(Nguồn: Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động – PTN môi trường, 2022)

Nhận xét: Nồng độ các thông số quan trắc trong nước mặt tại suối Bưng Cù đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT, Cột B1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, điều đó cho thấy chất lượng nước tại Suối Bưng Cù vẫn đủ khả năng tiếp nhận nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn của Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III.

2.3. Kết quả quan trắc khí thải

Năm 2022

- Đơn vị lấy mẫu: Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

- Ngày lấy mẫu: Quý 1: Ngày 14/03/2022, Quý 2: Ngày 06/06/2022, Quý 3: Ngày 14/09/2022, Quý 4: Ngày 21/11/2022.

- Vị trí lấy mẫu:

- Khí thải sau HTXL hơi dung môi khu vực chi tiết lễ xưởng 3A
- Khí thải sau HTXL hơi dung môi khu vực chi tiết lễ xưởng 3B

- Kết quả phân tích:

Bảng 2. 3. Kết quả phân tích chất lượng khí thải năm 2022

STT	Thông số	Đơn vị	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	QCVN 20:2009/BTNMT
Khí thải sau HTXL hơi dung môi khu vực chi tiết lễ xưởng 3A							
1	Metyl axetate	mg/Nm ³	3,47	5,17	7,15	3,52	610
2	n-butanol	mg/Nm ³	4,32	6,81	3,52	3,65	360
3	n-Heptan	mg/Nm ³	1,20	3,48	2,85	4,21	2000
4	Etylaxetat	mg/Nm ³	4,49	6,85	10,4	8,25	1400
5	Metylcyclohexan	mg/Nm ³	1,31	3,62	5,84	2,58	460
6	Axeton	mg/Nm ³	3,57	5,61	7,65	6,35	-
Khí thải sau HTXL hơi dung môi khu vực chi tiết lễ xưởng 3B							
1	Metyl axetate	mg/Nm ³	2,53	5,68	5,69	4,21	610
2	n-butanol	mg/Nm ³	3,36	5,21	4,01	2,89	360
3	n-Heptan	mg/Nm ³	1,32	3,72	1,67	5,26	2000
4	Etylaxetat	mg/Nm ³	6,24	8,27	14,6	9,36	1400
5	Metylcyclohexan	mg/Nm ³	1,19	3,18	4,27	1,99	460
6	Axeton	mg/Nm ³	4,23	6,45	9,66	8,04	-

(Nguồn: Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động – PTN môi trường, 2022)

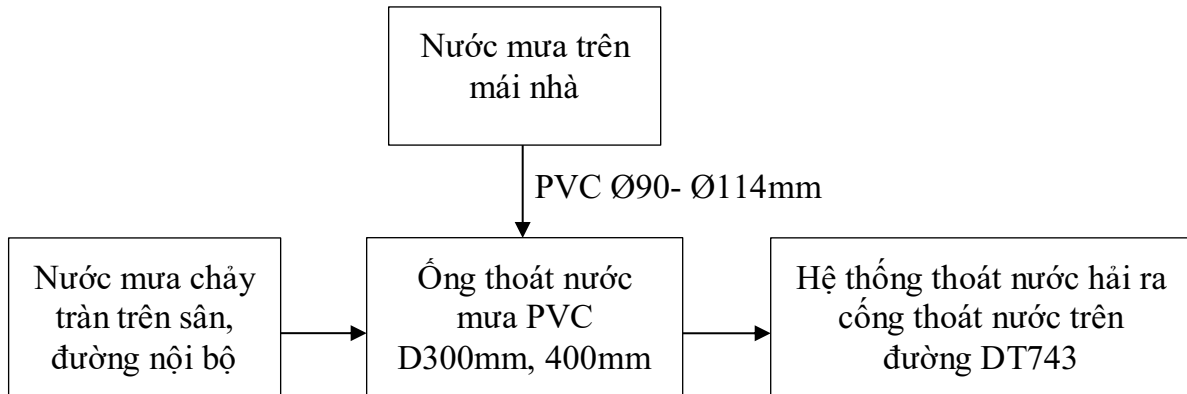
Nhận xét: Nồng độ các thông số trong khí thải đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn QCVN 20:2009/BTNMT.

CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa của toàn dự án được tách riêng biệt với hệ thống thoát nước thải. Hệ thống thoát nước mưa bao gồm các mương kín và hồ, xây dựng xung quanh các nhà xưởng và khuôn viên dự án, hệ thống thu gom nước mưa tầng mái.



Hình 3. 1 Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa tại dự án

Thuyết minh sơ đồ:

Toàn bộ nước mưa từ trên mái nhà của các nhà xưởng sẽ được thu gom bằng hệ thống senô thu nước mưa và được dẫn xuống các mương thoát nước mưa bằng ống nhựa PVC Ø90- Ø114mm đặt dọc bên hông các nhà xưởng dẫn nước từ trên mái nhà xuống cống thoát nước mưa xung quanh dự án.

Nước mưa trên mái nhà và nước mưa chảy tràn sẽ theo độ dốc về các hố ga thu nước mưa được xây dựng xung quanh các nhà xưởng và chạy dọc đường giao thông nội bộ sau đó thoát vào hệ thống ống PVC D300mm, D400mm và theo độ dốc thoát ra hệ thống thoát nước hải ra cống thoát nước tại điểm đầu nối trên đường DT743 và chảy về nguồn tiếp nhận là suối Bưng Củ → suối Cái → sông Đồng Nai.

Tại các miệng ống thoát nước mưa có song chắn rác, thu gom rác thường xuyên, tránh tình trạng chất thải rắn làm bít miệng cống và làm tắc đường ống. Định kỳ, Chủ dự án tiến hành kiểm tra nạo vét hố ga thu nước mưa để tránh tình trạng tắc nghẽn gây ngập úng dự án.

Dự án có sử dụng tháp giải nhiệt máy móc để giải nhiệt, làm mát máy móc thiết bị trong quá trình sản xuất nước được cấp vào tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra môi trường.

Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại dự án được trình bày tại bảng sau:

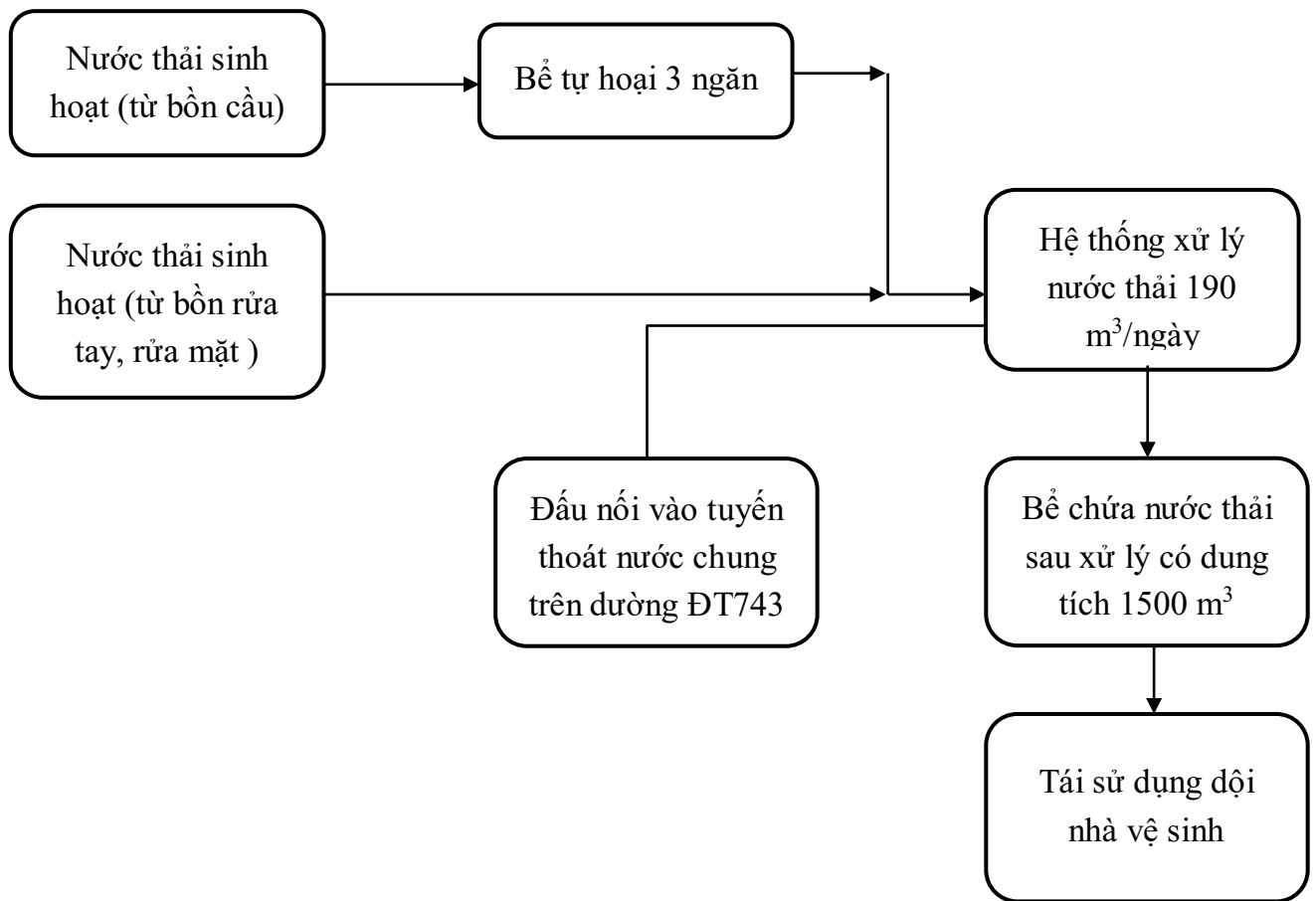
Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại dự án

STT	Hạng mục công trình	Thông số kỹ thuật
1	Ống nhựa PVC	Kích thước: Ø90- Ø114mm (chiều dài = 386m), Chất liệu: Ống nhựa PVC
2	Cống BTCT	Kích thước: Ø300mm (chiều dài = 160 m), Ø400mm (chiều dài = 280m) Chất liệu: BTCT
2	Hố ga thu gom nước mưa	Kích thước: dài 400-7.000mm, rộng 500-8.000mm, sâu 600-1.000mm Chất liệu: Hố BTCT Số lượng: 18 hố ga
7	Hố ga đầu nối nước mưa vào hệ thống thoát nước khu sản xuất Tân Đông Hiệp	Kích thước: dài 1,2m; rộng 1,2m, sâu 1,2m Chất liệu: Hố BTCT Số lượng: 1 hố ga Tọa độ: Hố 1: X=1214408; Y=0690020

(Nguồn: Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III, năm 2023)

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải phát sinh tại dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt (nhà vệ sinh và nhà ăn), dự án không phát sinh nước thải trong dây chuyền sản xuất. Toàn bộ nước thải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra hệ thống thoát nước trên đường DT743. Quy trình thu gom và thoát nước thải tại dự án như sau:



Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom xử lý nước thải tại dự án

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh, bồn rửa tay, nhà ăn. Thành phần chủ yếu của nước thải sinh hoạt là các chất ô nhiễm COD, BOD₅, Nitơ, Photpho và một số loại vi sinh vật gây bệnh như Coliform, chất hoạt động bề mặt,...

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh (bồn cầu, âu tiểu) tại các nhà xưởng được thu gom và được xử lý sơ bộ bằng 11 bể tự hoại 03 ngăn có tổng thể tích các bể là 78m³.

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn sẽ theo đường ống PVC Ø114mm đặt bên trong mương thoát nước mưa hiện hữu về 02 trạm bơm trung chuyển, mỗi trạm trung chuyển lắp đặt 02 bơm chìm công suất 5 m³/h để bơm nước thải qua cống ống Ø400mm về HTXLNT sinh hoạt công suất 190m³/ngày.đem tiếp tục xử lý.

Toàn bộ lượng nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án công suất 190 m³/ngày để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q=0,9, K_f=1,1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Nước thải sau xử lý có 2 nhánh thoát nước như sau:

+ Nhánh thứ nhất: Nước thải sau xử lý đạt chuẩn chứa trong bể chứa 1500 m³, tái sử dụng cho mục đích dội nhà vệ sinh

+ Nhánh thứ hai: Nước thải sau xử lý không cần thiết tái sử dụng sẽ đưa vào hệ thống thoát nước chung trên đường ĐT743, phương thức tự chảy, chế độ xả thải: 24 giờ/ngày.đêm. Định kỳ 3 tháng/lần, chủ dự án thuê đơn vị có chức năng nạo vét, hút bùn thải tại bể tự hoại và vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

Bảng 3. 2. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước thải tại dự án

STT	Hạng mục công trình	Thông số kỹ thuật
1	Ống nhựa PVC	Kích thước: Ø400mm, dài 120m, dốc 0,3% Chất liệu: Ống nhựa PVC
2	Bể chứa nước thải sau xử lý	Kích thước hố: dài 25 ; rộng 10 m và sâu 6,0 m Chất liệu: Hố BTCT Số lượng: 01 bể Bơm chìm: 02 bơm/bể, công suất: 5 m ³ /h
3	Hố ga đầu nối thoát nước thải vào hệ thống thoát nước trên đường ĐT743	Kích thước: dài 1,2m; rộng 1,2m, sâu 1,2m Chất liệu: Hố BTCT Số lượng: 1 hố ga Tọa độ: Hố 1: X=1214408; Y=0690020
4	Nguồn tiếp nhận nước thải	Suối Bưng Củ → Suối Cái → Sông Đồng Nai

(Nguồn: Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III, năm 2023)

1.3. Hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh tại các nhà xưởng được thu gom và xử lý sơ bộ bằng 11 bể tự hoại 03 ngăn cho nhà vệ sinh cũ và 1 bể tự hoại 3 ngăn cho nhà vệ sinh mới có tổng thể tích các bể là 78 m³.

Chủ Dự án đã bố trí 11 bể tự hoại để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh có kích thước và thể tích như sau:

Bảng 3. 3 Kích thước và thể tích các bể tự hoại tại Dự án

STT	Hạng mục công trình	Kích thước D x R x C (m)	Thể tích (m ³)	Vị trí đặt công trình
1	Bể tự hoại 1	2 x 1,5 x 1,45	4,4	Văn phòng

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

2	Bể tự hoại 2	6 x 3,3 x 1,3	25,7	Nhà hành chính
3	Bể tự hoại 3	2,2 x 2,2 x 1,3	6,3	Nhà văn phòng
4	Bể tự hoại 4	2,6 x 2,6 x 1,2	8,1	Xưởng sản xuất
5	Bể tự hoại 5	2 x 1,5 x 1,3	3,9	Xưởng sản xuất
6	Bể tự hoại 6	2 x 1,5 x 1,3	3,9	Xưởng sản xuất
7	Bể tự hoại 7	2 x 1,5 x 1,3	3,9	Xưởng sản xuất
8	Bể tự hoại 8	2 x 1,5 x 1,3	3,9	Xưởng sản xuất
9	Bể tự hoại 9	2 x 1,5 x 1,3	3,9	Xưởng sản xuất
10	Bể tự hoại 10	2 x 1,5 x 1,3	3,9	Xưởng sản xuất
11	Bể tự hoại 11	3,9 x 2 x 1,3	10,1	Xưởng sản xuất
Tổng			78	-

(Nguồn: Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III, năm 2023)

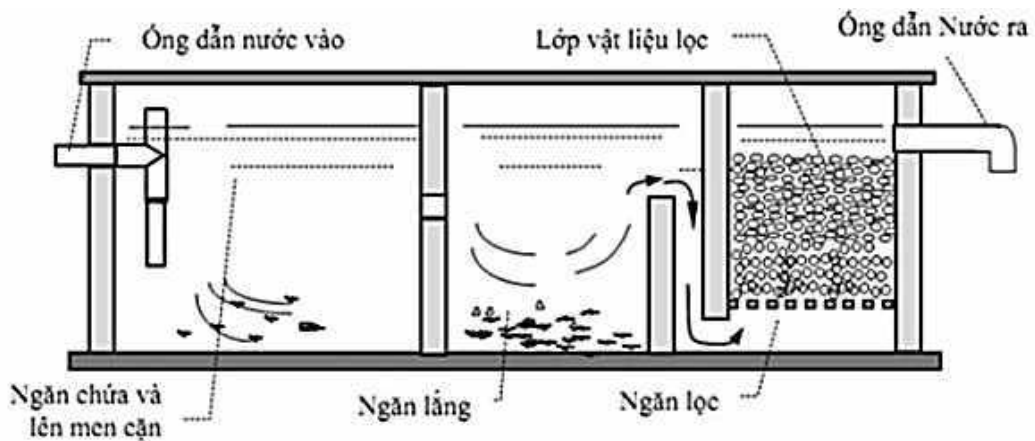
Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:

Bể tự hoại là công trình xử lý nước nhờ hai quá trình là lắng cặn và phân hủy bằng vi sinh vật. Do tốc độ nước qua bể rất chậm (thời gian lưu lại của dòng chảy trong bể tối thiểu là 3 ngày) nên quá trình lắng cặn trong bể có thể xem như quá trình lắng tĩnh, dưới tác dụng trọng lực bản thân của các hạt cặn (cát, bùn, phân) lắng dần xuống đáy bể, tại đây các chất hữu cơ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí tạo thành khí CH_4 , H_2S . Cặn lắng được phân hủy làm giảm mùi hôi, thu hẹp thể tích bể chứa đồng thời giảm được các tác nhân gây ô nhiễm môi trường. Tốc độ phân hủy chất hữu cơ nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, pH của nước thải và lượng vi sinh vật có mặt trong lớp cặn.

Quá trình chuyển hóa chất hữu cơ nhờ vi sinh kỵ khí chủ yếu được diễn ra theo nguyên lý lên men qua các bước sau:

- + Vi sinh vật phân hủy các chất hữu cơ phức tạp và lipit thành các chất hữu cơ đơn giản có trọng lượng riêng nhẹ.
- + Vi khuẩn tạo men axit, biến đổi các chất hữu cơ đơn giản thành axit hữu cơ.
- + Vi khuẩn tạo men metan chuyển hóa hydro và các axit được tạo thành ở giai đoạn trước thành khí metan và cacbonic.

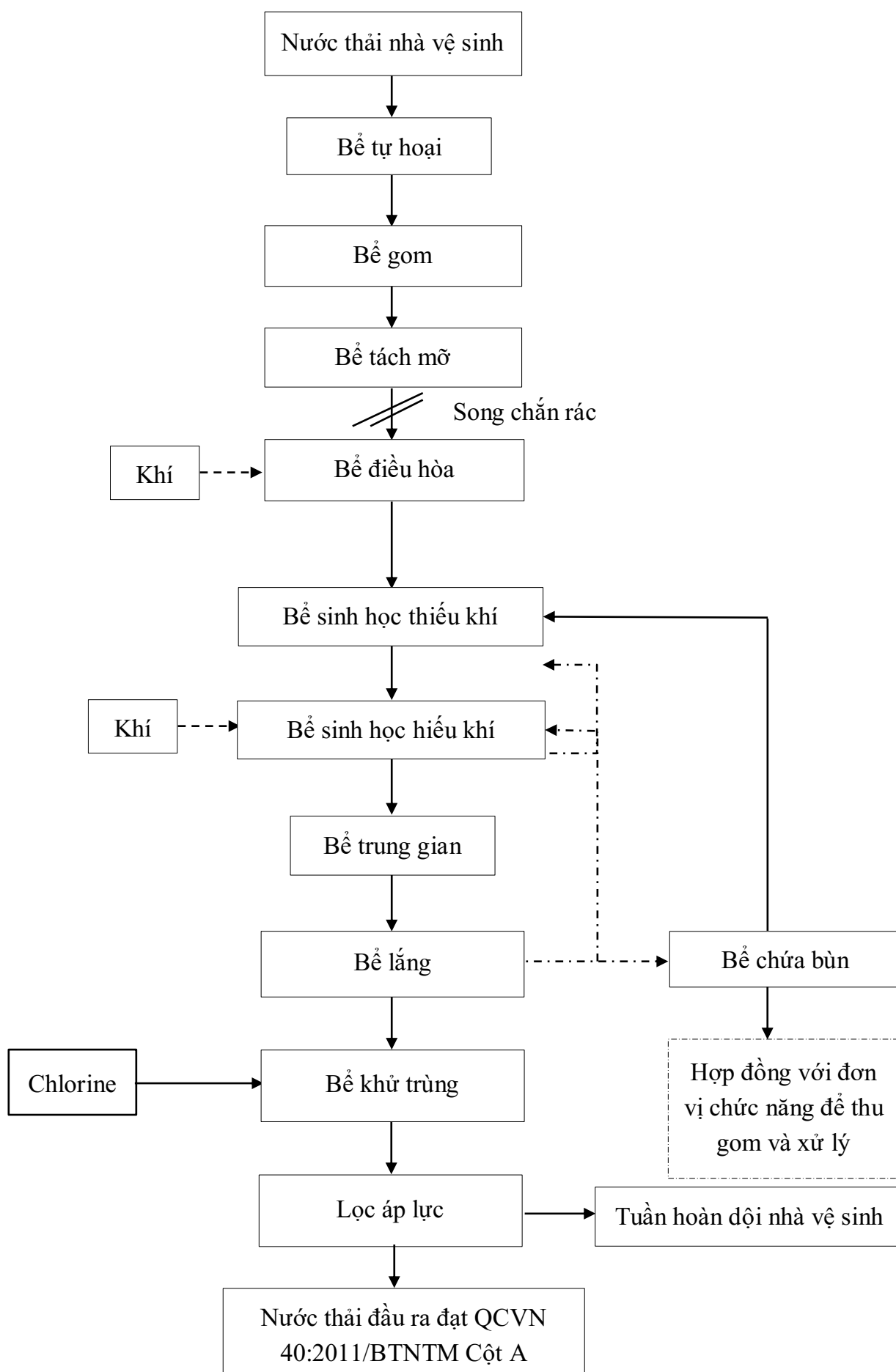
Sơ đồ xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án được mô phỏng tại hình sau:



Hình 3. 3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại

Nước thải từ nhà ăn được thu gom theo đường ống dẫn riêng để tập trung vào hồ gom của HTXL nước thải, sau đó sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải 190 m³/ngày để xử lý đạt chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$ – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sau đó thoát ra hệ thống thoát nước trên đường DT743

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên dự án được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án công suất 190 m³/ngày. Quy trình công nghệ HTXLNT tại dự án như sau:



Hình 3. 4. Quy trình xử lý nước thải công suất 190 m³/ngày tại dự án

Thuyết minh quy trình xử lý nước thải:

- **Bể gom và tách mỡ:** Bể gom và tách mỡ Nước thải thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy sẽ được tập trung về bể gom qua song chắn rác để loại bỏ các thành phần rác thô, sau đó dẫn về bể tách dầu mỡ.

- **Bể điều hòa:** Từ bể điều hòa nước thải được bơm vào thiết bị xử lý sinh học, tại đây xảy ra quá trình xử lý các chất hữu cơ trong nước thải nhờ các vi sinh vật bám cố định bên trong thiết bị. Trong các phản ứng sinh học, các giá thể vi sinh vật vi sinh vật bằng polymer được chất đầy, làm môi trường phát triển cho các quần thể vi sinh vật, chúng sẽ tiêu thụ các chất bẩn có trong nước thải, nhờ oxy cung cấp từ máy thổi khí.

- **Bể khử nitơ (thiếu khí):** có nhiệm vụ khử nitơ và bổ sung lượng oxy cho nước thải trước khi cho qua bể xử lý sinh học. Các hợp chất nitơ dạng ni-tric ($\text{NO}_2\text{-N}$), nitrat ($\text{NO}_3\text{-N}$) sẽ được khử thành nitơ tự do dưới sự hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí tùy nghi trong bùn hoạt tính. Tại đây, nước thải sẽ được bổ sung thêm chất dinh dưỡng để cung cấp chất hữu cơ dạng cacbon cho các vi sinh vật sử dụng. Quá trình khử nitrat sẽ sinh ra oxy và lượng oxy này sẽ sử dụng để oxy hóa các chất hữu cơ trong nước thải như BOD, COD và khí nitơ sinh ra sẽ bay vào khí quyển dưới dạng nitơ tự do. Bùn hoạt tính trong bể được khuấy đảo nhờ các cánh khuấy đặt chìm ở đáy bể để đảm bảo hoạt động của bể theo nguyên lý thiếu khí.

- **Bể sinh học hiếu khí (Aerotank):** có nhiệm vụ xử lý các chất hữu cơ còn lại trong nước thải. Tại đây, nước được cung cấp oxy bằng máy sục khí dưới tác dụng của các vi sinh vật hiếu khí nước thải sẽ được xử lý hầu hết các chất ô nhiễm hữu cơ có trong nước thải.

- **Bể lắng:** nước thải từ bể trung gian 1 được dẫn sang bể lắng. Tại đây diễn ra quá trình phân tách giữa nước thải và bùn hoạt tính. Bùn hoạt tính lắng xuống đáy, nước thải phía trên được dẫn qua bể trung gian 2. Bùn dư định kỳ sẽ được rút bỏ vào bao giao cho bên thu gom chất thải nguy hại tiếp tục xử lý.

- **Bể khử trùng và trung gian:** nước thải được châm hóa chất khử trùng để tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh có trong nước thải và làm trong nước. Thời gian tiếp xúc để loại vi sinh vật và trộn đều hóa chất là khoảng 20 – 30 phút. Nước thải xả ra ngoài cống thu gom đạt quy chuẩn theo quy định. Tại đây nước thải sẽ được bơm qua bể lọc áp lực để tiếp tục xử lý.

- **Bể lọc áp lực:** tiếp nhận nước thải từ bể trung gian 2 bơm qua, trong bể có chứa vật liệu đỡ (sỏi lớn) và vật liệu lọc (cát, sỏi nhỏ) có chức năng lọc phần cặn còn lại của nước thải sau pha lắng ở bể sinh học. Sau một thời gian hoạt động cần rửa lọc để duy trì hiệu quả của bể lọc, nước rửa lọc được dẫn về bể điều hòa.

Bùn từ hệ thống xử lý được thu gom ở dạng rắn, thành phần chủ yếu là As, Pb, Cd, Hg... đây là dạng bùn hữu cơ phát sinh mùi hôi nên bùn này được công ty thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng để xử lý theo quy định Nước thải sau khi xử lý được

đưa qua bể chứa nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước trên đường DT743

Thông số kỹ thuật các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải công suất 190 m³/ngày.đêm của dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 4 Thông số kỹ thuật các hạng mục công trình của HTXLNT 190 m³/ngày.đêm

STT	Hạng mục công trình	Dài (mm)	Rộng (mm)	Cao (mm)	Thể tích (m ³)
1	Bể gom	4	1,2	3	14,4
2	Bể tách dầu	4	1,2	3	14,4
3	Bể điều hòa	11,2	2,9	3,5	113,7
4	Bể Anoxic	2,25	2,25	3,5	35,4
5	Bể Aerotank	3,6	2,55	3,5	32,1
		2,55	1,65	3,5	14,7
		2,55	1,65	3,5	14,7
		3,5	2,55	3,5	31,2
		3,6	2,55	3,5	32,1
6	Bể trung gian	2,7	2,55	3,5	24,1
7	Bể lắng	2,7		4	45,8
8	Bể khử trùng	2,55	0,8	3,5	3,2
9	Bồn lọc áp lực	0,75		1,5	0,65
10	Bể chứa bùn	2,55	1,75	3,5	17,9
		1,75	1,1	3,5	17,9
	Hố ga chứa nước sau xử lý	2.000	2.000	1.900	7,6

(Nguồn: Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III, năm 2023)

Danh mục máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải công suất 160 m³/ngày.đêm của dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 5 Danh mục máy móc, thiết bị của HTXLNT 190 m³/ngày.đêm

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Công suất	Xuất xứ
1	Máy bơm chìm	3 máy	P=0.88 kw, Q=10 m ³ /h	Italy
2	Máy bơm tuần hoàn	1 máy	P = 0.75 kw, Q = 5 m ³ /h	Nhật Bản
3	Máy thổi khí	2 máy	P = 3.75 kw ; Q = 1.8 m ³ /phút	Hàn Quốc
4	Thùng nhựa chứa dung dịch khử trùng	1 thùng	V = 0.5 m ³ /h	Việt Nam
5	Bơm định lượng dung dịch khử trùng	1 máy	P = 30w ; Q = 2 l/h	Italy
6	Tủ điều khiển	2 tủ	-	Việt Nam
7	Thiết bị xử lý hợp khối V69	1 thiết bị	-	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III, năm 2023)

Khối lượng hóa chất sử dụng của hệ thống xử lý nước thải công suất 190 m³/ngày.đêm của dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 6. Khối lượng hóa chất sử dụng cho HTXLNT 190 m³/ngày.đêm

STT	Tên hóa chất	Đơn vị	Khối lượng sử dụng	Nguồn gốc
1	Chlorine	kg/năm	20	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III, năm 2023)

Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 190 m³/ngày.đêm:

Kiểm tra hệ thống trước khi vận hành

❖ Kiểm tra lượng hóa chất sử dụng

Lượng hóa chất pha chế trong bồn phải đảm bảo cho hệ thống hoạt động ít nhất trong vòng một ngày.

❖ Kiểm tra thiết bị

Trước khi bật máy cũng như sau khi máy đã hoạt động cần kiểm tra tình trạng của tất cả các thiết bị trong các HTXLNT. Sau khi hệ thống hoạt động liên tục, ổn

định cần kiểm tra lại tình trạng của các thiết bị, máy móc sau mỗi ngày. Chú ý những hiện tượng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của chúng.

Bảng 3. 7. Các thiết bị cần kiểm tra trước khi vận hành

STT	Hạng mục thiết bị	Công tác kiểm tra
1	Bơm nước thải	- Nguồn điện cấp vào bơm. - Tín hiệu truyền về hệ thống điều khiển - Hoạt động của bơm theo phao hoặc/và chương trình điều khiển tự động. - Lưu lượng bơm khi hoạt động. - Độ rung, tiếng ồn khi hoạt động. - Rò rỉ tại các mối hàn, khớp nối, van, ... - Các phụ tùng, linh kiện hao mòn trong quá trình hoạt động: phốt bơm, lượng dầu, nhớt, mỡ bôi trơn, mỡ nối,...
2	Motor khuấy	- Nguồn điện cấp vào máy - Tín hiệu truyền về hệ thống điều khiển - Hoạt động của máy chương trình điều khiển tự động - Độ rung, tiếng ồn khi hoạt động - Các phụ tùng, linh kiện hao mòn trong quá trình hoạt động: dầu, nhớt, mỡ bôi trơn, mỡ nối,...
3	Phao mức nước	- Khả năng đóng/mở tiếp điểm. - Chế độ đóng/mở bơm.
4	Đầu dò và màn hình hiển thị pH	- Nguồn điện cấp vào thiết bị đo. - Tín hiệu truyền về hệ thống điều khiển - Màn hình hiển thị. - Hoạt động chương trình điều khiển tự động.

(Nguồn: Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III, năm 2023)

❖ Kiểm tra điện

Kiểm tra về điện áp: Điện áp (380V), đủ pha (3 pha), dòng định mức cung cấp (A). Nếu không đủ điều kiện vận hành: mất pha, thiếu hoặc dư áp, dòng thiếu hoặc

dòng cao hơn mức cho phép thì không nên hoạt động hệ thống vì lúc này các thiết bị sẽ dễ xảy ra sự cố.

- Kiểm tra trạng thái làm việc của các công tắc, cầu dao. Tất cả các thiết bị phải ở trạng thái sẵn sàng làm việc.

Các ký hiệu bên trong tủ điện điều khiển:

- ON, OFF - Đóng mở nguồn cấp cho tủ điện điều khiển
- AUTO, MAN - Chế độ điều khiển tự động và bằng tay Đèn của máy nào trên tủ điện sáng thì máy đó đang hoạt động.
- Đèn báo xanh : Mở máy
- Đèn báo đỏ : Tắt máy
- Đèn báo vàng : Báo lỗi
- Hệ thống xử lý nước thải được điều khiển ở 02 chế độ:
- Chế độ tự động - Hoạt động theo chế độ điều khiển tự động bằng Timer và hệ thống phao mực nước.
- Chế độ điều khiển bằng tay - Hoạt động theo sự điều khiển của công nhân vận hành tại tủ động lực.
- Khi tủ điện có báo sự cố đèn vàng của thiết bị, người vận hành lập tức tới tủ điện ngắt điện toàn hệ thống (CB tổng). Kiểm tra máy có sự cố và kịp thời sửa chữa

Kỹ thuật vận hành – các thông số cần kiểm soát

- Lưu lượng: Kiểm tra lưu lượng nước thải là cần thiết cho sự duy trì hoạt động ổn định của hệ thống. Nếu lưu lượng vào hoặc nồng độ chất ô nhiễm trong dòng vào tăng đáng kể (quá 10%), cần phải điều chỉnh các thông số vận hành và kiểm soát lại việc xả thải của dự án sản xuất.

- pH: Quá trình xử lý hóa lý động tốt ở pH = 6 – 8. Nếu pH thay đổi thì cần phải bổ sung axit/xút để đưa pH của bể về môi trường thích hợp cho quá trình sinh học

❖ Pha chế và định lượng hóa chất

- Thường xuyên kiểm tra lượng dung dịch hóa chất trong thùng đựng hóa chất.
- Nếu hết hóa chất thì phải tắt bơm hóa chất và pha hóa chất như các bước pha hóa chất đã nêu ở trên.
- Không nên bơm khi hóa chất chưa hòa tan hoàn toàn (có thể làm nghẽn đường ống hoặc hư màng bơm khi còn cặn). Đọc thêm tài liệu an toàn hóa chất (MSDS) tại phòng vận hành.

❖ Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì công trình xử lý nước thải của dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục.

2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

Để hạn chế ảnh hưởng của nguồn ô nhiễm bụi, khí thải đến sức khỏe người lao động và các hộ dân sống bên cạnh cũng như chất lượng môi trường không khí. Công ty đã thực hiện một số các biện pháp giảm thiểu như sau:

2.1. Đối với bụi và khí thải của phương tiện giao thông

- Bê tông hóa đường nội bộ, sân bãi và kho chứa nguyên liệu
- Thường xuyên phun nước tạo ẩm độ đường và khuôn viên nội bộ vào mùa nắng mỗi khi xe tải ra vào xuất nhập nguyên liệu, sản phẩm.
- Các phương tiện khi chạy trong khuôn viên phải giảm tốc < 5km/h.
- Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên Công ty.
- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phải được bảo trì và thay thế nếu không còn đảm bảo kỹ thuật.

Việc thực hiện các biện pháp trên đã làm giảm thiểu bụi và khí thải đáng kể tại công ty. Theo kết quả đo đạc môi trường không khí xung quanh công ty (tại khu vực cổng) có thể ước tính được nồng độ các chất gây ô nhiễm trong không khí như bảng sau:

Bảng 2. 15: Nồng độ bụi và các chỉ tiêu trong môi trường không khí xung quanh tại khu vực cổng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Nồng độ	QCVN 05:2013/BTNMT
1	Bụi	mg/m ³	0,15	0,3
2	CO	mg/m ³	2,25	30
3	SO ₂	mg/m ³	0,041	0,35
4	NO ₂	mg/m ³	0,012	0,2

(Nguồn: Kết quả phân tích môi trường không khí xung quanh công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III, 12/2022)

2.2. Biện pháp giảm thiểu khí thải tại phát sinh từ máy phát điện

Để việc sản xuất không bị gián đoạn do quá trình mất điện Chủ Dự án đã đầu tư 02 máy phát điện dự phòng loại nhập khẩu, 2 máy phát điện được bố trí tại khu vực đặt

trạm điều khiển các máy móc, thiết bị, bố trí khu vực riêng tránh làm ảnh hưởng đến các công nhân viên làm việc tại dự án. Cụ thể như sau:

- + Số lượng: 4 cái
- + Hãng sản xuất: Spark Energy, Italya
- + Công suất 650 KVA/máy
- + Vị trí lắp đặt: Nhà điều khiển trạm điện
- + Năm sản xuất: 2001
- + Nhiên liệu đốt: Dầu DO

Máy phát điện khi sử dụng nhiên liệu là dầu DO (0,05% S) thì nồng độ các chất ô nhiễm có trong khói thải vẫn đạt quy chuẩn cho phép. Tuy nhiên, để hạn chế những tác động của khí thải đến chất lượng môi trường làm việc cũng như môi trường xung quanh thì ống khói thải khí phải có đường kính và chiều cao thích hợp nhằm nhanh chóng khuếch tán lượng khí thải.

Hiện tại, Dự án đã lắp đặt ống khói thải khí thải từ máy phát điện cao 2m để dẫn khí thoát ra ngoài môi trường và chỉ sử dụng nguyên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp nhằm giảm các chất gây ô nhiễm khí thải trong quá trình đốt nhiên liệu. Mặt khác, trên thực tế máy phát điện hoạt động không thường xuyên, chỉ sử dụng trong trường hợp mất điện đột xuất nên việc áp dụng thoát khí thải thông qua ống thải cao là phù hợp.



Hình 3. 5 Hình ảnh nhà máy phát điện tại Dự án

2.3. Đối với bụi trong xưởng sản xuất

- Bố trí các khu vực cắt, may thành từng cụm riêng biệt đồng thời phân công công nhân thường xuyên dọn dẹp vệ sinh nhằm làm giảm lượng bụi đến mức thấp nhất.

- Trang bị khẩu trang chuyên dụng cho công nhân khi thao tác ở các công đoạn này
- Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn xưởng sản xuất, thu dọn bụi và chỉ vụn rơi vãi để không phát tán vào môi trường không khí.

2.4. Khí thải phát sinh từ quá trình dán keo, cắt dây đai

- Khí thải từ quá trình dán keo và cắt dây đai được Công ty thu gom chung bằng chụp hút, sau đó thải ra môi trường
- Trang bị khẩu trang và bao tay chuyên dùng cho công nhân

Việc thực hiện các biện pháp trên đã làm giảm đáng kể lượng hơi keo phát sinh tại khu vực dán keo. Theo kết quả đo đạc không khí môi trường lao động tại khu vực chi tiết lẻ (khu vực dán keo) có thể ước tính được nồng độ các chất gây ô nhiễm trong không khí như bảng sau:

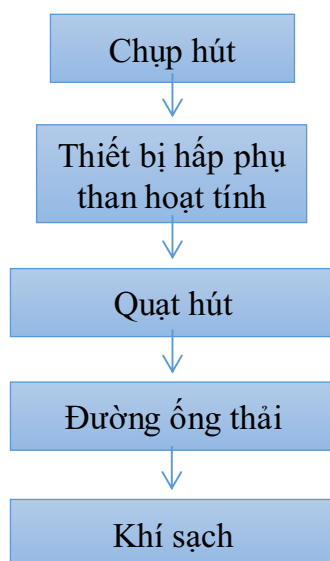
Bảng 2.18: Nồng độ các chỉ tiêu trong môi trường không khí khu vực chi tiết lẻ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Điểm đo		QĐ số 3733/2002/QĐ BYT
			Xưởng 3A	Xưởng 3B	
1	Metyl acetat	mg/m ³	KPH	KPH	-
2	Acetone	mg/m ³	KPH	KPH	-
3	Butanol	mg/m ³	KPH	KPH	-
4	n- Heptane	mg/m ³	0,85	0,72	800
5	Etylaxetat	mg/m ³	1,96	1,36	-
6	Metyl Cyclohexanon	mg/m ³	-	-	-

(Nguồn: Kết quả đo đạc môi trường không khí khu vực chi tiết lẻ công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III)

Ghi chú:

- Theo bảng kết quả phân tích nồng độ khí thải trong khu vực chi tiết lẻ của công ty đều thấp hơn giới hạn cho phép theo Tiêu chuẩn vệ sinh lao động 3733/2002/QĐ-BYT.
- Điều này chứng tỏ môi trường không khí khu vực sản xuất của công ty vẫn rất tốt không làm ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân.
- Đồng thời, để đánh giảm thiểu các hợp chất hữu cơ có trong khí thải từ quá trình dán keo, hơi dung môi sau thiết bị chụp hút sẽ được dẫn về hộp lọc than hoạt tính trước khi thoát ra bên ngoài môi trường xung quanh. Với quy trình xử lý như sau



Bảng 3. 8. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý hơi dung môi từ dán keo

Mỗi khu vực quét keo phát sinh khí thải đều được chụp hút toàn bộ khu vực khí thải phát sinh, Trong mỗi khu vực diện tích làm việc khoảng 8 m^2 , nên lượng thải phát sinh với hàm lượng tương đối ít, nhà máy đề xuất xử lý bằng thiết bị tháp hấp phụ than hoạt tính có vách ngăn để khử mùi và dung môi hữu cơ.

- Hơi dung môi hữu cơ được thu về hệ thống xử lý qua các chụp hút và được hút vào tháp hấp phụ bằng quạt hút;
- Hệ thống hấp phụ có cấu tạo 2 vách ngăn để đảm bảo loại bỏ hiệu quả hơi hữu cơ và mùi từ khí thải;
- Khí thải sau vách ngăn được quạt hút hút qua đường ống thải và đẩy ra ngoài môi trường

❖ **Nguyên lý hoạt động của thiết bị hấp phụ**

Than hoạt tính là một dạng của carbon được xử lý để có những lỗ rỗng bé thể tích nhỏ để tăng diện tích bề mặt cho hấp phụ hoặc phản ứng hóa học. Do mức độ vi mao quản cao, chỉ một gam than hoạt tính có diện tích bề mặt vượt quá 3000 m^2 được xác định bởi phương pháp hấp phụ khí. Một mức độ hoạt hóa đủ cho ứng dụng có ích có thể đạt được duy nhất từ diện tích bề mặt cao, hơn nữa, sự xử lý hóa học thường

làm tăng tính chất hấp phụ. Than hoạt tính thường thu từ than củi và thỉnh thoảng là than sinh học. Những loại thu được từ than đá hay cốc thì được gọi là than đá hoạt tính hoặc cốc hoạt tính.

Than hoạt tính có cá khe hở, hay còn gọi là lỗ xốp. Kích thước của lỗ xốp được tính bằng khoảng cách giữa hai cạnh của rãnh hoặc đường kính của ống xốp. Theo tiêu chuẩn của IUPAC thì kích thước lỗ xốp được chia ra làm ba loại: micro pore có kích thước bé hơn 2 nm , meso pore có kích thước từ $2\text{-}50 \text{ nm}$ và macro pore có kích thước từ 50 nm trở lên.

Dòng khí thải khi đi qua 3 lớp của than hoạt tính, theo cơ chế hấp phụ lý học phân tử khí bị ô nhiễm hữu cơ và mùi sẽ bị hấp phụ bởi các lỗ vi xốp và vĩ xốp trên than hoạt tính, còn dòng khí sạch sẽ được thoát ra ngoài.

Giải hấp: sự khử hấp phụ chính là giai đoạn quan trọng của những chu trình xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ, khẳng định được tính kinh tế trong suốt quá trình làm sạch khí thải. Với quá trình này nhằm khôi phục lại than hoạt tính vốn có của chất hấp phụ và chính là quá trình hấp phụ ngược, tuy nhiên với lượng khí thải không quá lớn nhà máy sử dụng thay thế các tấm hấp phụ than hoạt tính mà không phải đi giải hấp.

❖ Thông số kỹ thuật

Thiết bị hấp phụ: cần phải đảm bảo về kích thước để có thể chứa những chất hấp phụ đủ lớn, đảm bảo về vận tốc khí trên toàn bề mặt diện tích ngang của thiết bị nằm ở trong từ 0,1- 0,5 m/s. Trong hệ thống này, vận tốc khí thải qua thiết bị hấp phụ được lựa chọn là 0,6 m/s, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của thiết bị và hiệu quả xử lý của hệ thống.

Bảng 1. Thông số các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải hơi dung môi

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Quạt hút ly tâm	Công suất 3 HP, lưu lượng 2.500 m ³ /h	Cái	2
2	Thiết bị hấp phụ vách ngăn	Thiết bị có 3 tấm lọc không khí (hấp phụ bằng than hoạt tính), Tấm lọc khung nhôm kích thước 24 x 24 x 2 inch	Cái	2
3	Chụp hút	Dạng phễu, chiều dài là 5 m, chiều rộng 1m	Cái	2
4	Đường ống thoát khí	Ống thép mạ kẽm, đường kính 200 mm, chiều dài > 20 m	Cái	2

❖ Thuyết minh quy trình vận hành, ứng phó sự cố của hệ thống:

➤ Yêu cầu đối với người vận hành

Có chuyên môn trong lĩnh vực xử lý khí thải hoặc có kinh nghiệm vận hành thiết bị xử lý khí thải hấp phụ hoặc tương đương. Hoặc nhân viên chuyên ngành điện đã từng tham gia vận hành các hệ thống xử lý khí thải tương đương. Hoặc nhân viên

thuộc bộ phận kỹ thuật được sự hướng dẫn của đơn vị tư vấn thiết kế hệ thống xử lý khí thải trong một thời gian nhất định cho đến khi có khả năng vận hành thành thạo.

➤ *Kiểm tra hệ thống trước khi vận hành*

Trước khi bắt đầu vận hành, người vận hành phải tuyệt đối tuân thủ đầy đủ và đúng các bước sau:

Bước 1: Kiểm tra nguồn điện:

Kiểm tra nguồn điện vào của tủ điện điều khiển bằng cách kiểm tra đồng hồ đo volt kế và ampe kế cùng với hệ thống đèn báo hiệu, dùng bút thử điện kiểm tra lại lần lượt các điểm đấu nối nguồn vào của MCCB tổng.

Kiểm tra an toàn điện, cơ khí: Độ cách điện của động cơ tốt thông thường phải lớn hơn 1MW, các thiết bị bảo vệ hoạt động đảm bảo đủ độ tin cậy, kiểm tra xem máy có bị vướng kẹt cơ khí không, đồng thời phải đảm bảo trong buồng máy công tác của quạt đã sạch sẽ, không bị quên, sót các vật dụng thừa trong quá trình lắp đặt để lại.

Bước 2: Kiểm tra các tấm lọc than hoạt tính

Kiểm tra các tấm lọc còn có khả năng khử mùi và lọc khí không, thời gian sử dụng tấm lọc đã được bao lâu có cần thay thế tấm lọc mới không.

Kiểm tra xem gắn tấm lọc vào thiết bị có khớp không, xem có rò rỉ khí thải ra ngoài.

Bước 3: Kiểm tra quạt hút và hệ thống đường ống dẫn khí:

Kiểm tra hoạt động của quạt hút: động cơ, đường ống dẫn khí. Trong quá trình hoạt động ban đầu cần rà soát thật kỹ đường ống dẫn khí xem có rò rỉ không, theo dõi áp suất đầu vào và đầu ra của thiết bị hấp phụ có phù hợp với vật liệu hấp phụ.

Nếu chênh lệch áp suất giữa đầu vào và đầu ra quá nhỏ khí thải không qua được vật liệu hấp phụ. Cần kiểm tra tình trạng của quạt hút.

Ngược lại nếu chênh lệch áp suất giữa đầu vào và đầu ra quá lớn, có thể khi đó vật liệu lọc bị nghẹt, khí không đi qua được. Hậu quả có thể dẫn đến làm rách tấm lọc, giảm tuổi thọ động cơ của quạt hút, nặng hơn có thể làm hỏng, cháy quạt hút. Vì vậy cần kiểm tra và thay thế vật liệu lọc nếu cần trước khi tiếp tục vận hành hệ thống.

➤ *Vận hành thiết bị hấp phụ thanh hoạt tính*

- Khởi động hệ thống: Sau khi hoàn tất quá trình kiểm tra hệ thống trước khi vận hành như nêu trên, người vận hành lần lượt thực hiện các bước sau:

- Đóng van hút gió về vị trí nhỏ nhất;
- Bật cầu dao điện tổng sang chế độ “ON”;
- Khởi động quạt;
- Đóng điện cho động cơ;

- Khi quạt hút chạy ổn định mở dần van khí cho tới khi chênh lệch áp suất ban đầu đạt **35 Pa** thì dừng lại. Nếu mở hết van mà áp suất không đạt yêu cầu hay khi chưa điều chỉnh van hút gió mà chênh lệch áp suất ban đầu quá cao thì phải cắt điện dừng máy. Kiểm tra, khắc phục sự cố và đảm bảo toàn bộ hệ thống hoạt động bình thường mới tiến hành khởi động lại hệ thống;

- Theo dõi khi vận hành quạt cần thường xuyên theo dõi các thông số như: Nhiệt độ các bộ phận ổ đỡ, nhiệt độ động cơ (70 °C), tránh các va đập cơ khí, dòng điện tăng quá định mức, trường hợp có hiện tượng bất thường hay nguy cơ mất an toàn thì phải cắt điện dừng máy;

➤ *Một số yêu cầu khi vận hành*

- Thường xuyên theo dõi quá trình hoạt động của các động cơ gắn liền với hệ thống, thường xuyên vệ sinh và tra dầu mỡ bôi trơn để các thiết bị luôn hoạt động ổn định và kéo dài được tuổi thọ;
- Thường xuyên theo dõi các thiết bị điện, kiểm tra hệ thống đèn báo, ampe kế, volt kế... nhằm phát hiện kịp thời các sự cố về điện có thể ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống;
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống dẫn khí cũng như các dây dẫn điện từ nguồn điện đến động cơ;
- Định kỳ 3 tháng thay tấm lọc thang hoạt tính một lần.

➤ *Hướng dẫn thay thế than hoạt tính trong tấm lọc*

Bước 1: Tắt máy hút đang hoạt động, bao gồm việc tắt đèn, chế độ quạt và bất kì tính năng nào khác của máy. Sau đó rút phích cắm của máy hút.

Bước 2: Tháo màng lọc bằng nhôm bằng cách nhấn nhẹ lấy cài vị trí trung tâm phía dưới xuống. Kéo màng lọc ra khỏi máy hút và để sang một bên (để lúc sau tháo bộ lọc than hoạt tính ra rồi vệ sinh cùng).

Bước 3: Gỡ bộ lọc (chảo lọc) dầu mỡ phía sau máy nếu có. Hãy cẩn thận nếu không bạn sẽ làm tổn thương chính mình do các cạnh và góc nhọn của máy.

Bước 4: Vỉ than hoạt tính nằm bên trong. Đây chính là bộ lọc này là bộ lọc than hoạt tính có tác dụng làm sạch không khí, bạn tháo rời lưới lọc này rồi nhấc, đẩy khốp nhẹ nhàng là có thể tháo vỉ than hoạt tính khỏi thiết bị.

Bước 5: Kiểm tra quạt gió bên trong máy hút để chắc chắn rằng chúng vẫn sạch sẽ và không có vật gì lạ làm tắc nghẽn bên trong.

Bước 6: Bắt đầu vệ sinh tổng thể:

- Vệ sinh vỉ lọc: Nhúng vỉ lọc than hoạt tính trong một ít xà phòng hoặc nước rửa chén pha với nước nóng. Thỉnh thoảng khuấy khuấy vỉ lọc để loại bỏ dầu mỡ. Sử dụng một

bàn chải lông mềm để chà rửa trên vỉ lọc nếu cần. hãy nhẹ nhàng chà rửa để tránh làm hỏng vỉ lọc, bạn cần thay nước nóng nếu thấy cần thiết.

- Vệ sinh màng lọc nhôm hoặc thép không gỉ của máy bằng dung dịch nước nóng pha dung dịch rửa chén hoặc xà phòng.

- Làm sạch quạt bằng giẻ ẩm trong dung dịch tẩy rửa pha loãng, nếu thấy dầu mỡ bị bám vào, trộn một ít hỗn hợp Baking soda với nước rồi lau chùi chúng khỏi quạt, bạn nên lau theo chuyển động tròn với giẻ lau để loại bỏ sự tích tụ của dầu mỡ.

- Làm sạch bề mặt bên trong mũ hút bằng giẻ ẩm trong dung dịch làm sạch, chùi sạch và lau khô mọi bề mặt bằng giẻ (khăn) mềm để loại bỏ bụi bẩn hoặc các mảnh vụn mắc kẹt phía trong có thể là nguyên nhân cháy động cơ sau này.

Bước 7: Sau khi rửa sạch vỉ lọc, lấy khăn sạch lau khô nước và đem hong khô. Các bộ phận khác của máy hút sau khi lau chùi cũng để khô ráo. Sau đó, bạn đổ than hoạt tính mới vào vỉ lọc:

+ Cho lớp than mới vào vỉ lọc đối với loại vỉ lọc được làm hoàn toàn bằng nhựa cứng không có lớp vải than hoạt tính. Nếu giữa hai mép vỉ có nút gài bạn mở chúng ra rồi đổ vào và nhớ gắn chút keo vào mỗi gài cho chắc chắn; nếu không có nút gài thì bạn cắt theo đường mép giữa hai mặt vỉ lọc rồi đổ than vào, dùng keo dán nhựa dán lại chỗ cắt, để 5 phút cho keo khô.

+ Đối với loại vỉ lọc cấu tạo một mặt là nhựa, một mặt là vải than hoạt tính: bạn đổ than hoạt tính mới vào vỉ lọc, cắt miếng vải dạng chất vải giống trên vỉ than hoạt tính theo kích thước vỉ lọc. Dùng keo dán mặt nhựa và vải của vỉ lọc, để 5 phút keo khô.

Bước 8: Lắp các bộ phận đã tháo ra lúc đầu vào máy hút: đặt lại vỉ lọc than hoạt tính. Trượt đóng lẫy cài của màng lọc trở lại sau cùng vào máy hút, nhớ sắp xếp các màng lọc đúng vị trí của nó.

Bước 9: Cắm phích điện của máy hút vào ổ điện cho chạy thử, nếu máy hút vận hành tốt, hút, khử mùi và xử lý khí hiệu quả thì quá trình thay than hoạt tính mới đã hoàn thành.

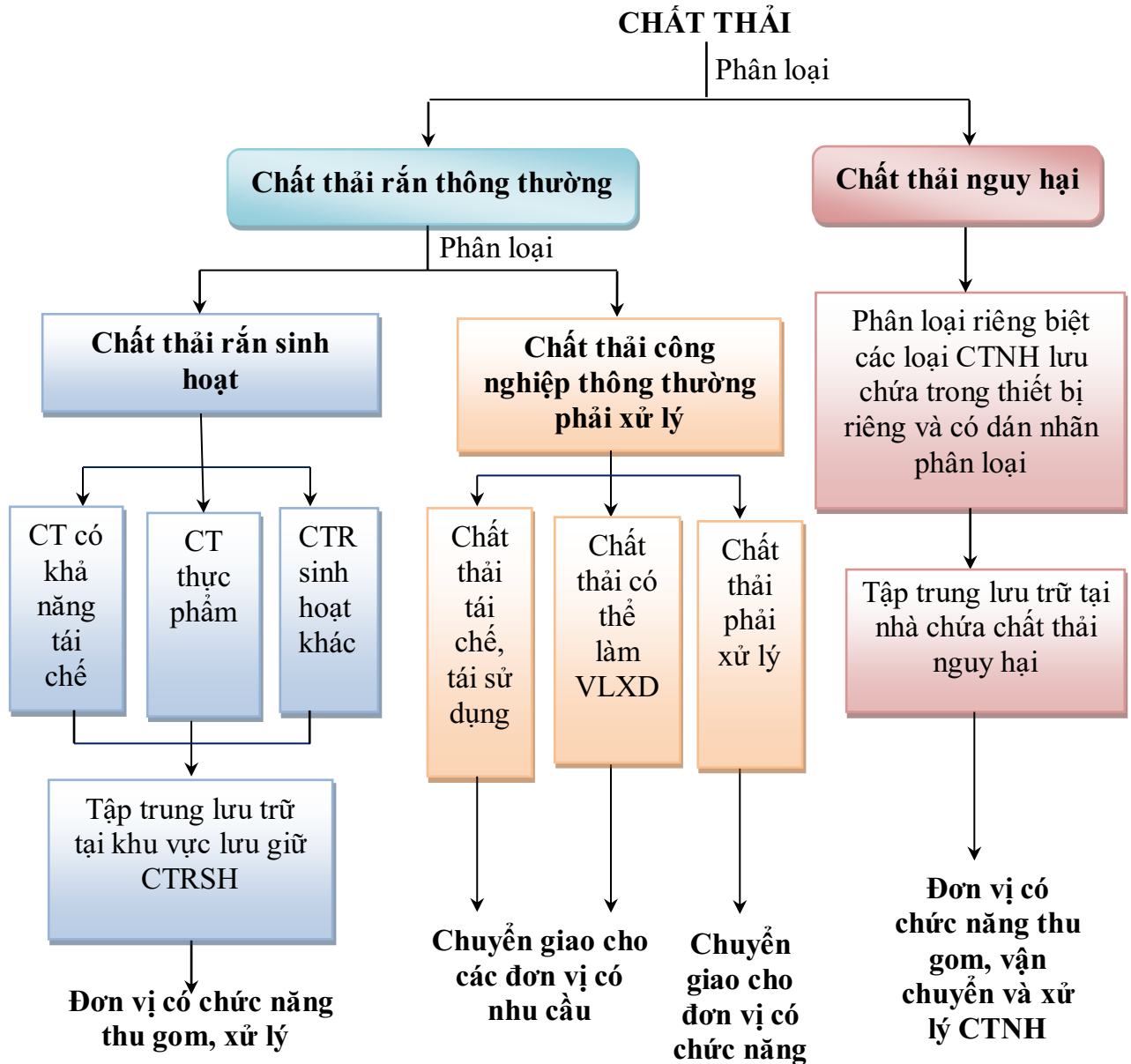
2.5. Hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục

Toàn bộ lượng khí thải phát sinh tại dự án đều được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường bằng các ống khói. Căn cứ theo Điều b Khoản 2 Điều 98 của Nghị Định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III – Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera cần thực hiện quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục hoặc thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ. Do đó Chủ Dự án sẽ thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ 06 tháng/ lần đối với 18 ống khói thải tương ứng của 18 hệ thống lọc bụi tại dự án mà ***không thực hiện quan trắc khí thải tự động liên tục.***

Ngoài ra, dự án có 04 máy phát điện dự phòng công suất 650 kVA/máy. Tuy nhiên, máy phát điện dự phòng được nhập khẩu của hãng Spark Energy từ Italya, sử dụng nhiên liệu dầu DO 0,05% S. Do đó, báo cáo đề xuất không coi khí thải phát sinh từ máy phát điện là nguồn khí thải công nghiệp.

3. CÔNG TRÌNH LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

Dự án đã và đang áp dụng các phương pháp thu gom, phân loại và xử lý các loại chất thải rắn phát sinh tại Dự án như sau:



Hình 3. 6 Các phương pháp phân loại và xử lý chất thải phát sinh tại dự án

3.1. Chất rắn thải sinh hoạt

➤ Nguồn phát sinh

Chất thải rắn (CTR) sinh hoạt của dự án phát sinh trong giai đoạn này chủ yếu là do hoạt động ăn uống của công nhân tại dự án. Thành phần chủ yếu của chất thải này là chất thải hữu cơ dễ phân hủy như thức ăn thừa, vỏ trái cây,... và các chất vô cơ như: các loại bao bì nilon, các loại chai nhựa rất khó phân hủy, lon, các loại giấy,...

➤ *Chủng loại, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở:*

Theo tài liệu Quản lý CTR, NXB Xây dựng thì khối lượng rác thải sinh hoạt tính bình quân ở Việt Nam từ $0,35 \div 0,8$ kg/người/ngày, mà dự án có thực hiện nấu ăn tại Nhà ăn của Dự án phục vụ cho các cán bộ công nhân viên tại dự án nên lấy bình quân 0,5 kg/người/ngày. Vậy khối lượng chất thải rắn sinh hoạt tối đa tính cho một ngày tại dự án được thể hiện như sau:

$$0,5 \text{ kg/người/ngày} \times 1800 \text{ người} = 900 \text{ kg/ngày}$$

Chất thải rắn sinh hoạt nếu không có biện pháp xử lý sẽ có một số tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng. Cụ thể tác động của chúng như sau:

- Thành phần của loại chất thải này là những chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học nếu không có biện pháp xử lý sẽ gây ra các tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh và người lao động.

- Theo đánh giá tác động của CTR sinh hoạt, khi quá trình phân hủy yếm khí xảy ra, do tính chất CTR sinh hoạt chứa hàm lượng các chất hữu cơ cao nên phát sinh các khí độc, mùi khó chịu như CH_4 , CH_3SH , H_2S , NH_3 ,... và nước rỉ từ rác.

- Các khí và mùi hôi trong CTR sinh hoạt có thể gây ảnh hưởng đến tâm lý và sức khỏe của người tiếp xúc. Ngoài ra CTR sinh hoạt còn gây tác động đến môi trường đất (do nước rỉ rác), môi trường không khí (mùi hôi và khí độc phân hủy từ rác), môi trường nước gây ô nhiễm nguồn nước, gây hại cho hệ vi sinh vật đất, các sinh vật thủy sinh trong nước.

➤ *Biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:*

- Thực hiện quản lý, phân loại CTR sinh hoạt phát sinh tại Dự án theo đúng quy định tại Điều 75 của Luật Bảo vệ môi trường 2020. Chất thải sẽ được phân loại theo nguyên tắc thành 3 nhóm chính bao gồm: chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng; chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác. Phương án phân loại như sau:

- + Đối với chất thải có thể tái chế được như: hộp, chai, lọ, giấy vụn... được thu gom, định kỳ chuyển giao cho đơn vị thu mua phế liệu.

- + Đối với chất thải sinh hoạt thực phẩm và CTR sinh hoạt khác được thu gom vào thùng chứa và định kỳ cuối ngày chuyển về khu vực tập kết chất thải rắn của Công ty để đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đem đi xử lý theo đúng quy định.

- Công ty đã bố trí các thùng rác nhựa phân bố rải rác tại nhà xưởng, văn phòng, nhà ăn... chức năng của mỗi thùng như sau:
 - + Đã trang bị các thùng 10 lít đặt tại khu vực nhà vệ sinh văn phòng, nhà xưởng.
 - + Đã trang bị các thùng 120 lít đặt tại khu vực nhà xưởng sản xuất, đường nội bộ
 - + Đã trang bị các thùng 660 lít đặt tại khu tập trung lưu trữ chất thải của dự án.
 - + Bàn giao lại cho đơn vị Công ty Cổ Phần Nước - Môi Trường Nước Bình Dương – Chi nhánh xử lý chất thải để thu gom và xử lý đúng quy định .
- Tần suất thu gom: 2 lần/tuần vào thứ 2 và thứ 6 (trừ ngày lễ và ngày tết)
- Đồng thời Công ty đã xây dựng nội quy yêu cầu cán bộ công nhân viên tuân thủ mọi quy định về vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi. Định kỳ, Công ty Cổ Phần Nước - Môi Trường Nước Bình Dương – Chi nhánh xử lý chất thải sẽ thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng Hợp đồng 2 bên đã ký kết (*Hợp đồng 2035-RSH/HĐ-KT/22 ngày 01 tháng 12 năm 2022 kèm theo tại Phụ lục 2 của báo cáo*).
- Số lượng thùng rác sinh hoạt bố trí tại Dự án như sau:

Bảng 3. 9 Số lượng thùng rác sinh hoạt tại Dự án

STT	Loại thùng rác	Số lượng (cái)	Thông số kỹ thuật	Vị trí đặt
1	Dung tích 120 lít	20	- Dung tích lưu chứa hữu dụng: 120 lít/thùng - Vật liệu: Nhựa dẻo HDPE - Khối lượng khả năng lưu chứa: 120 kg/thùng.	Khu nhà xưởng sản xuất, đường nội bộ của dự án
2	Dung tích 660 lít	6	- Dung tích lưu chứa hữu dụng: 660 lít/thùng - Vật liệu: Nhựa dẻo HDPE - Khối lượng khả năng lưu chứa: 660 kg/thùng	Khu sản xuất, khu vực tập kết CTR sinh hoạt

(Nguồn: Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III, 2023)

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

➤ Nguồn phát sinh

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án chủ yếu từ công đoạn đóng gói, công đoạn vận chuyển nguyên vật liệu vào khu nhập liệu. Môi trường xung quanh Dự án được bố trí trồng rất nhiều cây xanh cho bóng mát có tác dụng nên thành phần chất thải rắn công nghiệp cũng có lá cây, đất, cát, sà bần,....

➤ *Chủng loại, khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại Dự án*

Thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án như: thùng carton, bao nylon, dây đai bị hỏng do sử dụng lâu ngày phát sinh từ công đoạn đóng gói, các bao tải vận chuyển nguyên vật liệu lâu ngày bị hỏng, rách, bên cạnh đó trong thành phần chất thải rắn công nghiệp còn chứa các loại lá cây, cây cỏ, đất, cát, sà bần, pallet gỗ, các nguyên liệu trộn sai không dính thành phần nguy hại,...

Định kỳ 2 5 ngày Chủ Dự án sẽ bàn giao toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án cho Công ty Cổ Phần Nước – Môi Trường Bình Dương để thu gom và xử lý. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án trong năm 2022 được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. 10 Khối lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án

STT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Vải vụn + chỉ vụn	1.040
2	Giấy carton	50
3	Giấy khác	50
4	Da	5
5	Da nhân tạo	5
6	Bao nylon	20
7	Kim loại	10
8	Mút xốp (EVA)	5
9	Lõi chỉ	10
10	Nhựa (PVC)	10
11	Pallet gỗ	10
Tổng cộng		1.215

➤ *Biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường*

Chất thải rắn sản xuất của dự án không thuộc thành phần chất thải nguy hại gồm có bao bì carton, nilon, dây đai, giấy phế liệu từ hoạt động của khối văn phòng,... và chất thải rắn sinh hoạt.

Chất thải công nghiệp thông thường theo quy định tại khoản 1 điều 81 của luật bảo vệ môi trường được phân loại thành 3 nhóm chính: nhóm chất thải thông thường được tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu sản xuất (1); nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật được sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng (2); nhóm chất thải rắn thông thường phải xử lý (3). Chất thải thông thường tại dự án sẽ được quản lý phân loại trong quá trình sản xuất như sau:

Nhóm (3) – Nhóm chất thải rắn thông thường phải xử lý

Toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án được Chủ dự án thu gom bằng các thùng rác và cuối mỗi buổi làm việc được tập kết và lưu trữ tại nhà kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp được bố trí phía sau dự án. Kho chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích khoảng 64 m², có kết cấu nền bê tông chống thấm, tường bê tông cốt thép, không có mái che.

Để đảm bảo thu gom triệt để lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh Chủ dự án đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV Toàn Hữu Đạt tiến hành thu gom và xử lý toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án (*Hợp đồng số 52/2022/PK-HĐ ngày 30 tháng 06 năm 2022 đính kèm theo Phụ lục 2 của báo cáo*).

Hình 3. 7 Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường tại dự án

3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

➤ Nguồn phát sinh

Chất thải nguy hại của Dự án phát sinh chủ yếu từ công đoạn tháo dỡ bao bì, thùng chứa hóa chất, dầu nhớt phục vụ cho sản xuất; các công đoạn sản xuất; quá trình bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển; chiếu sáng; hoạt động in ấn của khu vực văn phòng...

➤ Chứng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Dự án

Chất thải nguy hại phát sinh tại dự án chứa các thành phần chủ yếu bao gồm bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dầu mỡ, bao bì hóa chất thải, giẻ lau dính các thành phần nguy hại,...Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thực tế tại dự án trong năm 2022 được trình bày tại bảng sau:

Bảng 3. 11 Khối lượng CTNH phát sinh thực tế tại dự án

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
1	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/lỏng	100	08 01 01
2	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn	49	08 02 04
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/lỏng	350	08 03 01
4	Bùn thải có thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	Bùn	4.500	12 06 06
4	Chất thải dễ lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/lỏng	35	13 01 01
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh thải hoạt tính khác	Rắn	330	16 01 06
6	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	280	17 01 06
7	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn khác thải	Lỏng	360	17 02 04
8	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi khác	Lỏng	250	17 08 03
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	450	18 01 02
10	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	300	18 01 03
11	Chất hấp thụ, vật liệu lọc	Rắn	220	18 02 01

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
	(bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại			
12	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	30	19 06 01
Tổng cộng			1.165	

(Nguồn: Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III, 2020)

➤ *Biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại*

– Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại (CTNH) mã số Quản lý CTNH 74.000339.T ngày 10 tháng 08 năm 2020 (điều chỉnh lần 03). Chất thải nguy hại được thu gom 01 tháng/lần và chứa trong kho lưu chứa chất thải nguy hại, các chất thải nguy hại được phân loại, bảo quản theo chủng loại trong các bồn/thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, bảo đảm không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường.

– Công ty đã bố trí 01 kho lưu giữ CTNH với diện tích khoảng 32 m², bên cạnh khu vực kho chất thải rắn công nghiệp thông thường, các CTNH phát sinh trong quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị sản xuất sẽ được thu gom và lưu trữ trong thùng chứa đặc biệt được dán nhãn, tập trung tại kho chứa CTNH. Kho chứa CTNH của dự án đã được xây dựng đáp ứng các yêu cầu của Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Đặc điểm kỹ thuật kho chứa CTNH như sau:

- + Kho chứa khép kín, tường bao quanh xây bằng gạch và phía trên bao bằng tôn, nền bê tông.
- + Gờ chống tràn xây bằng gạch đặc cao 10 cm tại khu vực cửa ra vào.
- + Gờ chống tràn tại mỗi ô lưu chứa từng loại chất thải nguy hại
- + Trang bị đầy đủ thiết bị PCCC như bình bột chữa cháy, xẻng, cát...
- + Trong kho chứa, không để lẫn CTNH với các loại chất thải khác và không để lẫn các loại CTNH với nhau. Mỗi loại CTNH trong quá trình lưu giữ sẽ có mỗi biển báo chất thải nguy hại có ghi đầy đủ tên, mã số, trạng thái tồn tại của từng loại chất thải là ô lưu chứa có gờ chống tràn.

- Công ty đã thực hiện lưu giữ các chứng từ, nộp chứng từ và lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương định kỳ theo quy định.
- Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với Công ty TNHH Siam City Cement (*Hợp đồng số 104/GEOS/2023 ngày 02 tháng 07 năm 2023 kèm theo tại Phụ lục 2 của báo cáo*). Tần suất chuyển giao loại chất thải này là 1 tháng/lần hoặc khi phát sinh khối lượng lớn. Phương tiện thu gom, vận chuyển là xe chuyên dụng.

Hình 3. 8 Khu vực lưu chứa CTNH tại dự án

Biển cảnh báo CTNH được dán bên ngoài thùng chứa các loại CTNH theo đúng quy định. Quy ước ký hiệu sử



Hình 3. 9 Quy ước ký hiệu sử dụng trên nhãn

3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ỒN, ĐỘNG RUNG

- Đặt các công trình, máy móc, thiết bị có tạo ra tiếng ồn ở khu vực riêng biệt cách xa khu sản xuất.

- Tạo khoảng cây xanh cách ly với bề dày tối thiểu từ 2m so với khu vực xung quanh.
- Trang bị quần áo lao động, giày bảo hộ và nút bịt tai chống ồn cho công nhân và bắt buộc công nhân phải mang khi làm việc. Điều này sẽ hạn chế bệnh nghề nghiệp do tiếp xúc thường xuyên với nguồn ồn lớn.
- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.
- Thường xuyên bôi trơn các hệ trục bánh răng của băng tải.
- Áp dụng các biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ.
- Điều tiết các phương tiện giao thông ra vào Dự án, hạn chế sử dụng còi trong khu vực Dự án, tắt máy trong quá trình bốc dỡ cũng như chất sản phẩm lên xe.
- Các phương tiện vận chuyển được đăng kiểm theo định kỳ.
- Máy móc, thiết bị được kiểm tra vệ sinh, bảo trì và thay thế các chi tiết có nguy cơ hư hỏng gây ồn.
- Nếu đã áp dụng các biện pháp giảm ồn, nếu tiếng ồn vẫn chưa đạt tiêu chuẩn cho phép, Chủ Dự án sẽ xem xét, bố trí, phân công thời gian làm việc phù hợp để đảm bảo thời gian tiếp xúc cho phép với nguồn ồn, rung theo quy định của QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT tại các khu vực làm việc trong Bảng 3.16 và Bảng 3.17)

Bảng 3. 12 Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn cho phép tại dự án

STT	Từ 6 – 21 giờ (dAB)	Từ 21 – 6 giờ (dAB)	Ghi chú
1	55	45	Khu vực đặc biệt
2	70	55	Khu vực thông thường

(Nguồn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn)

Bảng 3. 13 Giới hạn tối đa cho phép về độ rung cho phép của dự án

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ	
1	60	55	Khu vực đặc biệt
2	70	60	Khu vực thông thường

(Nguồn: QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung)

3.5. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.5.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- dự án đã tiến hành niêm yết quy trình vận hành HTXLNT trong nhà điều hành.
- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành theo đúng quy định.
- Chuẩn bị các bơm, thiết bị sục khí, thiết bị dự phòng khác nhằm thay thế ngay khi các thiết bị này hư hỏng, không làm gián đoạn quá trình xử lý. Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của các trạm xử lý nước thải, kiểm tra đường ống thu gom nước thải kịp thời nhằm khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng đối với HTXLNT chưa thể khắc phục ngay, sẽ tạm dừng sản xuất để khắc phục sự cố. Sau khi đã khắc phục sự cố xong, nước thải sẽ được bơm về HTXL công suất 190 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý, đảm bảo nước xả ra môi trường đạt tiêu chuẩn nằm trong khả năng tiếp nhận của Suối Bưng Cù.
- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành HTXLNT, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho HTXLNT của Dự án.
- Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý chưa đạt tiêu chuẩn cần tiến hành ngưng hoạt động của hệ thống và kiểm tra, sửa chữa. Trong thời gian này, nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh và nhà ăn sẽ được lưu ở bể chứa nước dự phòng có thể tích 1500 m³. Sau khi hệ thống được sửa chữa hoàn tất nước thải sẽ tiếp tục được bơm về hệ thống để xử lý, không tái sử dụng lại cho đội nhà vệ sinh khi có sự cố xảy ra. Báo ngay các sự cố cho cơ quan chức năng để có biện pháp khắc phục kịp thời. Trong quá trình thiết kế HTXLNT, đơn vị thiết kế có tính toán đến khả năng xảy ra sự cố, dễ dàng thao tác sửa chữa, khắc phục đảm bảo sự cố được giải quyết nhanh nhất không làm ảnh hưởng đến hoạt động của Dự án.

 *Biện pháp ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải theo kịch bản chi tiết*

Đối với nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án sau khi xử lý sơ bộ bằng 11 bể tự hoại và cùng với nước thải phát sinh tại Nhà ăn sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ tiếp tục được thoát ra hệ thống xử lý nước thải công suất 130 m³/ngày để xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, K_q = 0,9, K_f = 1,1. Nước thải sau khi xử lý thải ra hố ga chứa nước phía sau dự án, sau đó được thoát ra Suối Bưng Cù theo Giấy phép xả thải số 220/GP-STNMT do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/12/2020 tại vị trí xả nước thải vào Suối Bưng Cù (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45',

múi chiều 3°): X = 1214408 ; Y = 0690020 tại Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương theo phương thức tự chảy, chế độ xả thải: 24 giờ/ngày.đêm.

Đối với sự cố hệ thống xử lý nước thải:

– Sự cố máy bơm:

Cần kiểm tra máy bơm xem nước có được đẩy lên hay không. Khi máy bơm hoạt động nhưng không lên nước, cần kiểm tra lần lượt các nguyên nhân sau:

- + Nguồn điện cung cấp năng lượng có ổn định không
- + Cánh bơm có bị chèn vào chướng ngại vật không
- + Nếu trong lúc bơm có âm thanh lạ cũng cần ngừng bơm ngay lập tức và tìm ra nguyên nhân để khắc phục sự cố

Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà đưa ra phương án sửa chữa máy bơm kịp thời. Chủ đầu tư trang bị 01 máy bơm dự phòng để sử dụng dự phòng trường hợp máy bơm chính gặp sự cố.

– Sự cố về điện khi vận hành bơm, máy thổi khí và các thiết bị điện khác (điện áp bị tụt, tăng đột ngột): Sử dụng chung máy phát điện dự phòng của Công ty duy trì được hệ thống bơm và máy thổi khí.

– Sự cố hỏng hóc thiết bị làm gián đoạn hoạt động của hệ thống: Dự phòng một số loại thiết bị, máy móc cần thiết như: bơm nước thải, bơm định lượng hóa chất, máy khuấy, máy thổi khí,...

– Sự cố người ngã vào bể, ngạt khí, tai nạn lao động;

Phương án phòng ngừa:

- + Không cho người lạ, không phận sự đến khu vực xử lý nước thải.
- + Bể xử lý thiết kế cao, có hành lang công tác đủ rộng.
- + Khi lắp đặt hệ thống điện, tủ điện đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và được tiến hành bởi người có chuyên môn.
- + Hóa chất sử dụng cho hệ thống và máy móc, thiết bị dự phòng được đặt nơi có mái che, hóa chất bố trí hợp lý tránh khả năng tương tác giữa các loại hóa chất.

Ứng phó sự cố:

- + Tìm cách nhanh nhất đưa người bị nạn ra khu vực an toàn.
- + Hô hấp nhân tạo và sơ cứu tại chỗ.
- + Nhanh chóng đưa người bị nạn đến trạm y tế gần nhất.
- + Lập báo cáo, tường trình sự cố, rút kinh nghiệm và phổ biến cho nhân viên để phòng ngừa tái diễn.

3.5.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

Quá trình hoạt động của hệ thống xử lý khí thải đôi khi cũng gặp sự cố do đó dự án đã có biện pháp phòng ngừa sau:

- Đầu tư thiết kế hệ thống xử lý khí thải phù hợp với công suất, lưu lượng phát thải nhằm tránh tình trạng quá tải của hệ thống.
- Chuẩn bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với bộ phận dễ hư hỏng:
 - + Dự trữ chụp hút dự phòng cần thiết trong kho để có thể thay thế kịp thời khi chụp hút bị hư hỏng
 - + Dự phòng mô tơ để có thể thay thế kịp thời khi cần
- Tuân thủ các yêu cầu về bảo dưỡng định kỳ của nhà cung cấp thiết bị.
- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải. Giám sát vận hành hàng ngày, tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho các HTXL khí thải.
- Viết báo cáo sự cố và lưu hồ sơ.

Để kịp thời ứng phó với các sự cố HTXLKT có thể xảy ra, dự án đã chuẩn bị các kịch bản sự cố và đưa ra các biện pháp xử lý phù hợp như sau:

Trường hợp 1:

- Tình huống sự cố môi trường: chụp hút bị thủng, khí thải thoát ra ngoài theo đường ống thải được nhân viên vận hành ghi nhận.
- Phương án ứng phó sự cố: Ngưng ngay hoạt động sản xuất, kiểm tra, thay thế chụp hút bị thủng, hỏng.

Trường hợp 2:

- Tình huống sự cố môi trường: quạt hút gặp sự cố, không thể tiếp tục hoạt động. Lực hút âm trên đường ống hút khí giảm dần đến khả năng không thể hút hết khí về hệ thống xử lý. Khả năng bụi bị phát tán ra toàn xưởng và khu vực lân cận là rất lớn.
- Phương án ứng phó sự cố: Ngưng ngay hoạt động sản xuất, thay thế thiết bị dự phòng.

3.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại

Khu vực lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ chất thải, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo đúng theo quy định.

– Dự án đã xây dựng kế hoạch và diễn tập ứng phó sự cố chất thải, thành lập đội xử lý khi có sự cố xảy ra.

– Trường hợp sự cố trong khả năng ứng phó của Dự án, các nhân viên dự án tiến hành thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố theo kế hoạch, kịch bản đã được phê duyệt; Đồng thời có trách nhiệm báo cáo với cơ quan, đơn vị liên quan về ứng phó sự cố trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện sự cố.

– Trường hợp sự cố vượt ngoài khả năng tự ứng phó của cơ sở, Chủ Dự án tiến hành báo ngay đến ban phòng chống sự cố của phường An Phú để được tổ chức ứng phó; Chỉ đạo lực lượng ứng phó sự cố của Dự án thực hiện theo yêu cầu của Ban chỉ huy cấp cao hơn.

3.5.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Để kịp thời ứng phó với các sự cố liên quan đến Chất thải rắn sinh hoạt có thể xảy ra, Chủ Dự án đã chuẩn bị các kịch bản sự cố và đưa ra các biện pháp xử lý phù hợp như sau:

Trường hợp 1:

– Tình huống sự cố môi trường: lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tăng đột biến, số lượng thùng chứa rác không chứa hết được và có nguy cơ tràn đổ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

– Phương án ứng phó sự cố: tăng số lượng thùng chứa rác, thỏa thuận với các đơn vị thu gom, xử lý tăng cường tần suất thu gom.

Trường hợp 2:

– Tình huống sự cố môi trường: thùng chứa chất thải bị vỡ, dưới ảnh hưởng của môi trường thì chất thải phát tán ra các khu vực xung quanh và phát tán mùi hôi cục bộ ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe nhân viên.

– Phương án ứng phó sự cố: dùng thùng mới thay cho thùng bị vỡ, thu gom triệt để lượng chất thải bị phát tán, lau chùi sạch sẽ khu vực bị sự cố.

3.5.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Để kịp thời ứng phó với các sự cố liên quan đến Chất thải rắn công nghiệp thông thường có thể xảy ra, Chủ Dự án đã chuẩn bị các kịch bản sự cố và đưa ra các biện pháp xử lý phù hợp như sau:

Trường hợp 1:

– Tình huống sự cố môi trường: bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển các nguyên vật liệu bị lỗi, các loại bao bì hỏng, xà bần đến khu vực lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Phương án ứng phó sự cố: phun nước để làm ẩm bụi, liên hệ với đơn vị thu mua nhanh chóng tiến hành thu gom.

Trường hợp 2:

- Tình huống sự cố môi trường: hệ thống kho chứa chất thải bị đầy.
- Phương án ứng phó sự cố: tăng tần suất chuyển giao cho đơn vị xử lý để tránh tồn đọng nhiều trong dự án.

3.5.3.3. Chất thải nguy hại

Để kịp thời ứng phó với các sự cố liên quan đến chất thải nguy hại có thể xảy ra, Chủ Dự án đã chuẩn bị các kịch bản sự cố và đưa ra các biện pháp xử lý phù hợp như sau:

Trường hợp 1:

- Tình huống sự cố môi trường: thùng phuy chứa dầu thải bị thủng đáy, dầu thải tràn đổ khắp trong kho chứa.
- Phương án ứng phó sự cố: di dời toàn bộ CTNH trong khu vực bị ảnh hưởng bởi sự cố ra khỏi kho. Thu hồi toàn bộ dầu thải đã chảy vào hố thu vào thùng phuy khác. Dùng giẻ lau, cát khô để thấm, hút toàn bộ dầu thải trên mặt sàn, vệ sinh mặt sàn và hố thu sạch sẽ. Chuyển giao toàn bộ CTNH cho đơn vị xử lý.

Trường hợp 2:

- Tình huống sự cố môi trường: thùng chứa giẻ lau dính thành phần nguy hại bị hỏng, đổ tràn ra ngoài nền
- Phương án ứng phó sự cố: thay thùng chứa mới đảm bảo chứa đủ khối lượng giẻ lau, di dời toàn bộ lượng CTNH khu vực bị ảnh hưởng bởi sự cố ra khỏi kho. Thu hồi và lau dọn khu vực xảy ra sự cố có dính các thành phần nguy hại.

3.5.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Công tác phòng ngừa sự cố cháy nổ cần thực hiện nghiêm túc theo Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 quy định một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.

Nhằm đề phòng và khắc phục các sự cố về cháy nổ và hỏa hoạn có thể xảy ra trong dự án, các biện pháp về phòng chống và ứng cứu cháy nổ đã được áp dụng nghiêm túc và tuân theo quy định về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy của Chính Phủ Việt Nam:

- Niêm yết các nội quy dự án về công tác PCCC.
- Để đảm bảo nguồn nước dự phòng cho công tác PCCC, Chủ Dự án đã xây dựng 01 bể chứa nước ngầm, 48 m² để cấp nước khi có sự cố xảy ra.

- Đặt các biển cảnh báo về các khu cấm lửa, cấm hút thuốc tại các khu vực có nguy cơ dễ cháy hoặc nguy cơ cháy cao.
- Công ty đã thành lập đội phòng cháy chữa cháy được đào tạo, huấn luyện và định kỳ được ôn luyện, thực tập cứu hoả bộ phận dễ gây cháy nổ và luôn thường trực sẵn sàng chiến đấu khi có sự cố xảy ra.
- Huấn luyện định kỳ hằng năm cho các cán bộ công nhân viên dự án để nâng cao kiến thức về PCCC và cứu nạn cứu hộ.
- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị PCCC cho Dự án (bình CO₂ và các vật liệu khác như cát, thang chữa cháy). Những vật liệu này được đặt tại các vị trí thích hợp nhất để tiện việc sử dụng và thường xuyên tiến hành kiểm tra sự hoạt động tốt của bình CO₂).
- Mỗi khu vực có tài sản của dự án đều được lắp đặt hệ thống báo cháy bằng đầu dò khói, nhiệt, beam, nút nhấn, chuông.
- Lắp đặt đầy đủ các hệ chống sét, tiếp địa nhà xưởng để tránh rủi ro từ thiên nhiên.
- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị PCCC: quần áo, ủng, nón, khẩu trang phòng độc cho đội PCCC. Ngoài ra, còn trang bị sẵn sàng các bình chữa cháy tại các khu vực xưởng trong dự án, hệ thống chữa cháy bằng nước, các xe chuyên dụng để vận chuyển hàng hóa và cứu tài sản...
- Dự phòng các máy móc, thiết bị để thay thế những máy móc hư hỏng.
- Đường nội bộ đến được tất cả các vị trí nhỏ nhất trong từng khu vực của dự án; đảm bảo tia nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể khống chế được lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào trong các công trình.
- Hệ thống cấp nước chữa cháy luôn được đảm bảo, hệ thống máy bơm chữa cháy được lắp đặt đúng theo thiết kế kỹ thuật, trang bị thêm dụng cụ chữa cháy xách tay. Đường ống dẫn nước cứu hỏa đến các họng lấy nước cứu hỏa luôn luôn ở trong tình trạng sẵn sàng làm việc.
- Đối với các loại nhiên liệu dễ cháy (như dầu DO dự trữ để chạy máy móc, phương tiện...) được bảo quản nơi thoáng mát, có khoảng cách ly hợp lý để ngăn chặn sự cháy tràn lan khi có sự cố. Kho lưu trữ không có chướng ngại vật.
- Sắp xếp bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn và khoảng cách an toàn.
- Tại mỗi phòng, kho chất thải nguy hại, nhà lưu chứa máy bơm đều được bố trí khu vực lưu chứa các thiết bị PCCC.

Công tác báo động và huy động nhân lực để ứng phó sự cố cháy nổ:

- Nhân viên tại khu vực xảy ra sự cố có trách nhiệm thông báo cho cấp trên của mình biết về sự cố đó và đồng thời khoanh vùng khu vực sự cố.
- Nhân viên quản lý sẽ thông báo cho bộ phận có trách nhiệm xử lý sự cố.
- Bộ phận ứng phó sự cố sẽ triển khai lực lượng đến khu vực xảy ra sự cố.
- Tùy vào tình hình xảy ra sự cố thì bộ phận ứng phó sự cố sẽ bố trí nhân lực để xử lý.
- Nếu sự cố quá lớn hoặc ngoài tầm kiểm soát thì phải nhờ đến sự hỗ trợ từ các bộ phận khác trong xưởng hoặc các công ty lân cận và cảnh sát PCCC (nếu cần thiết).
- Sau khi xử lý xong sự cố thì làm biên bản sự việc và điều tra nguyên nhân sự cố. Sau đó ngồi họp lại và rút kinh nghiệm để tránh xảy ra lần sau. Cuối cùng là làm báo cáo gửi lên ban giám đốc Công ty để cải thiện vấn đề trên.

Ngoài ra, Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III đã được Bộ Công An Tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC tại số 325/TD-PCCC ngày 04 tháng 06 năm 2007 (*đính kèm tại Phụ lục 1*).

3.5.5. Phương án phòng ngừa và ứng cứu tai nạn bỏng

- Biện pháp phòng ngừa:
 - + Niêm yết các nội quy dự án về an toàn lao động
 - + Đặt các biển cảnh báo tại các khu vực có nguy cơ cao (lò nung thủy tinh, bể thiếc,...)
 - + Trang bị đầy đủ quần áo, ủng, nón, khẩu trang, bao tay... cho công nhân làm việc tại khu vực có nhiệt độ cao
 - + Sắp xếp bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn và khoảng cách an toàn, lối đi lại thuận tiện cho công nhân làm việc.
- Biện pháp ứng phó sự cố:
 - + Xác định tình trạng của nạn nhân: sự cố tai nạn bị bỏng do nguyên nhân gì
 - + Bọc vùng bỏng chắc chắn rồi đổ nước lạnh lên. Với những vết bỏng ở tay có thể để cho nước từ vòi nước máy chảy trực tiếp lên vùng bỏng hoặc ngâm phần chi bị bỏng trong nước lạnh lên vùng bỏng nhưng phải thay thường xuyên 3-4 phút một lần cho đến khi nào nạn nhân thấy đỡ đau rát.
 - + Tháo bỏ những vật cứng trên vùng bỏng như giày, ủng, vòng nhẫn trước khi vết bỏng sưng nề.
 - + Che phủ vùng bỏng bằng gạc, vải vô khuẩn nếu có hoặc bằng gạc hay vải sạch.

+ Nếu bỏng bàn tay thì có thể cho bàn tay vào một túi nhựa rồi băng lỏng cổ tay, làm như vậy sẽ cho phép nạn nhân vẫn cử động được các ngón tay một cách dễ dàng vừa tránh làm bẩn vết bỏng.

+ Nếu vết bỏng ở cổ tay hoặc chân thì trước hết phủ vết bỏng bằng gạc vô khuẩn hoặc vải sạch sau đó cho vào một túi nhựa. Có thể đặt nẹp cố định chi bị bỏng, nhưng trong bất kỳ trường hợp nào cũng phải nâng cao chi bị bỏng để chống sưng nề các ngón chân, ngón tay và phải khuyến nạn nhân vận động sớm các ngón chân, ngón tay nếu có thể được.

+ Đưa nạn nhân đến Dự án y tế gần nhất (nếu cần thiết).

3.5.6. Phương án đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông

Các tai nạn lao động tại dự án có thể xảy ra do sự bất cẩn về điện, vận hành máy móc và rơi hàng hóa khi bốc dỡ. Xác suất xảy ra các sự cố này tùy thuộc vào việc chấp hành các nội quy và quy tắc an toàn trong lao động. Để tránh tình trạng tai nạn lao động xảy ra, dự án đã thực hiện các biện pháp sau:

- Tập huấn định kỳ về an toàn lao động.
- Cung cấp thiết bị bảo hộ lao động: mũ, găng tay, ủng, quần áo... Các điều kiện về ánh sáng và tiếng ồn được tuân thủ chặt chẽ.
- Niêm yết nội quy an toàn lao động cho từng công đoạn sản xuất, biển báo nhắc nhở nơi sản xuất nguy hiểm.
- Khi vận hành sử dụng máy móc phải tuân theo quy định kỹ thuật.
- Ngừng hoạt động của các máy móc, thiết bị khi thấy có dấu hiệu không đảm bảo an toàn hoặc có tiếng kêu không bình thường của thiết bị.

Để đảm bảo an toàn giao thông, dự án đã áp dụng một số biện pháp sau:

- Quy định tốc độ ra vào khu vực Dự án, không được phóng ẩu, chở quá tải.
- Tuyên truyền ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ đối với các cán bộ công nhân viên làm việc trong dự án.
- Phương tiện tham gia vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm phải được đảm bảo các thông số kỹ thuật đúng quy định.

3.5.7. Phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố vệ sinh an toàn thực phẩm

Phương án phòng ngừa sự cố vệ sinh an toàn thực phẩm:

- Đưa ra quy định cho nhân viên làm việc tại Nhà ăn về các biện pháp về biện pháp an toàn thực phẩm trong khâu chế biến thực phẩm:

- + Chọn mua các loại rau củ quả và thịt tươi sống tránh chọn mua hàng đông lạnh và không rõ nguồn gốc

- + Rửa tay và vệ sinh các bề mặt thường xuyên khi chế biến thực phẩm
- + Rửa sạch trái cây và rau củ qua tươi và các thực phẩm tươi sống dưới vòi nước chảy để hạn chế vi khuẩn bám trên bề mặt thực phẩm
- + Phân loại thực phẩm tránh lây nhiễm chéo (giữ thịt sống, thịt gia cầm, hải sản và trứng tách biệt với tất cả các loại thực phẩm khác trong tủ lạnh,...)
- + Chế biến các loại thực phẩm ở nhiệt độ thích hợp (chế biến thực phẩm với nhiệt độ tâm của thực phẩm đủ cao để tiêu diệt các vi trùng có thể gây bệnh,...)
- + Bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh đúng cách
- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật, kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm và có hướng dẫn cụ thể các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm đối với bếp ăn.
- Thường xuyên tổ chức tự kiểm tra, chấn chỉnh hoạt động của bếp ăn tập thể tại đơn vị

Ứng phó khi xảy ra ngộ độc thực phẩm:

- Ghi rõ các địa chỉ liên hệ cần thiết như người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, trạm xá, bệnh viện,... tại vị trí dễ thấy;
- Tiến hành sơ cấp cứu cho người bị ngộ độc hoặc chuyển người bị ngộ độc đến trạm xá, bệnh viện gần nhất hoặc gọi cấp cứu để kịp thời cứu chữa người bị ngộ độc.

3.5.8. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố giữa Dự án với các công trình lân cận

Phòng ngừa và ứng phó nhằm hạn chế rủi ro cháy nổ giữa khu vực dự án và Công ty lân cận:

- Nghiêm cấm việc sử dụng nguồn lửa hoặc nguồn nhiệt bên trong hoặc bên cạnh nhà kho, nhà xưởng.
- Thiết bị tự ngắt (aptomat) là tối cần thiết trong quy định PCCC nhà xưởng cần được đầu tư bài bản. Để tăng độ an toàn, lắp cho hệ thống điện tổng và đối với từng thiết bị tiêu thụ điện có công suất lớn.
- Đầu tư hệ thống PCCC, hệ thống cảnh báo tự động đảm bảo đúng quy định; thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt, các phương tiện và thiết bị chữa cháy hiệu quả.

3.5.9. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

3.5.9.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

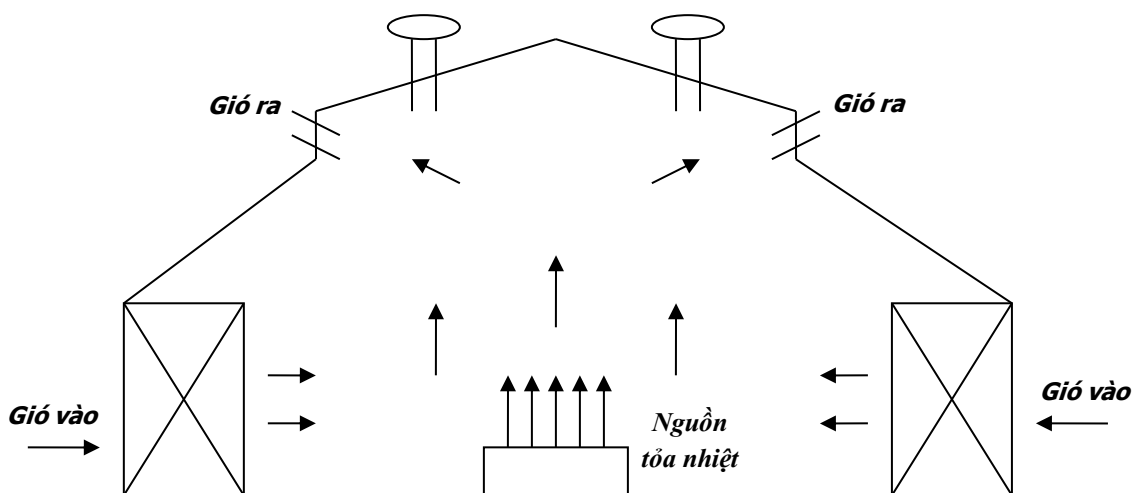
Để hạn chế các tác động do tiếng ồn, độ rung trong sản xuất ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động, Dự án đã thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí nhà xưởng hợp lý, khu vực xưởng sản xuất được xây dựng cách biệt với khu vực văn phòng.
- Lắp đặt nền móng, bệ đỡ máy móc, thiết bị đảm bảo quy cách kỹ thuật để giảm thiểu độ rung, tiếng ồn.
- Tất cả các máy móc, thiết bị sử dụng tại dự án đảm bảo đúng yêu cầu về các thông số kỹ thuật trong quá trình hoạt động.
- Thường xuyên bảo dưỡng định kỳ các thiết bị.
- Bọc tiêu âm cục bộ tại một số thiết bị.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.
- Tiếng ồn, rung từ hoạt động của HTXLNT, HTXL khí thải:
- HTXL nước thải, HTXL khí thải được bố trí tại khu vực tách riêng với các khu vực sản xuất khác.
- HTXL nước thải và HTXL khí thải được kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên, định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.

3.5.9.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư

Để đảm bảo môi trường làm việc tốt cho công nhân tại dự án, Công ty đã thực hiện các biện pháp thông thoáng nhà xưởng để hạn chế tác động của nhiệt dư như sau:

- Nhà xưởng được xây dựng cao, thông thoáng, có hệ thống chụp hút bụi và khí ô nhiễm cho lò luyện.
- Trang bị hệ thống thông gió cưỡng bức phù hợp với từng khu vực sản xuất. Ngoài ra, dự án cũng thiết kế nhà xưởng thông thoáng theo nguyên tắc thông gió tự nhiên. Không khí ngoài trời vào khu vực sản xuất qua các cửa thông gió (gió vào), qua các khe hở hay lỗ cửa trên tường nhà, nhiệt được hút lên cửa gió ra tạo môi trường thông thoáng trong nhà xưởng. Sơ đồ thông gió tự nhiên được trình bày trong Hình 3.22



Hình 3. 10 Sơ đồ thông gió tự nhiên trong khu vực sản xuất

- Trang bị bảo hộ lao động chống nóng cho công nhân, sử dụng bảo hộ lao động đặc biệt chống nóng cho các công nhân trực tiếp là việc tại khu vực có nhiệt độ cao.
- Trang bị máy móc tự động hóa, hiện đại để giảm nhiệt, mùi phát tán ra ngoài cũng như giảm mức độ tiếp xúc của công nhân với các loại nguyên liệu, hóa chất trong quá trình sản xuất.
- Các dây dẫn thiết bị nhiệt được bọc bảo ôn.
- Chất thải được kiểm soát tốt, đặc biệt là chất thải từ nguyên liệu và các loại chất thải dễ phân hủy gây mùi (thu gom xử lý hàng ngày, không để chất thải tồn đọng phân hủy gây mùi).
- Thường xuyên vệ sinh nhà xưởng, thiết bị.

3.5.9.3. Biện pháp giảm thiểu mâu thuẫn xã hội, an ninh trật tự khu vực

Nhằm giảm thiểu khả năng xảy ra mâu thuẫn do tập trung một lượng lớn công nhân tại dự án, Chủ Dự án đã thực hiện các biện pháp sau:

- Tăng cường sử dụng lao động tại địa phương.
- Giáo dục, tuyên truyền ý thức cho người lao động.
- Tổ chức và khuyến khích công nhân tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí lành mạnh.
- Tăng cường giám sát, nhắc nhở công nhân tuân thủ nội quy tại dự án cũng như tuân thủ pháp luật trong cuộc sống.

3.5.9.4. Biện pháp giảm thiểu Sự cố hóa chất

❖ Biện pháp lưu trữ

- Kho chứa hóa chất phải có biển báo.
- Có dữ liệu an toàn về hóa chất:

- Tên (Tên thương mại và tên thường gọi nếu có).
 - Thành phần hóa chất.
 - Tên và địa chỉ người cung cấp hoặc nơi sản xuất.
 - Cách sử dụng và lưu giữ hóa chất.
 - Những biện pháp sơ cứu, biện pháp phòng chống cháy...
 - Thông tin về tính chất vật lý, tính chất hóa học, độc tính...
- Kho chứa hóa chất phải đảm bảo về nhiệt độ, độ ẩm, độ thoáng khí.
 - Kho chứa hóa chất phải chia ra thành nhiều chỗ khác nhau tránh tập trung 1 kho lớn, đặc biệt là những chất dễ gây cháy nổ, hoặc những chất dễ phản ứng với nhau và phát sinh nhiệt hoặc ngọn lửa.
 - Nhà kho phải có tính chịu lửa, ngăn cách cháy, thoát hiểm, vật liệu cách nhiệt, hệ thống báo cháy, hệ thống chữa cháy và phòng chống cháy.
 - Vật liệu xây dựng kho là vật liệu không bắt lửa và khung nhà được gia cố chắc chắn bằng bê tông hay thép.
 - Nhà kho có lối ra, vào phù hợp, có kích cỡ tương xứng để cho phép vận chuyển một cách an toàn.
 - Được giữ khô và tránh sự gia tăng nhiệt độ. Được đánh dấu với ký hiệu cảnh báo thích hợp, có bảng hướng dẫn cụ thể tính chất của từng hóa chất, những điều cần tuân thủ khi sắp xếp, vận chuyển, san rót... hóa chất.
 - Ngăn cấm công nhân mang vật dụng phát sinh nhiệt ra vào khu vực lưu trữ hóa chất.
 - Không được hút thuốc hay ăn uống khi sử dụng hóa chất.
 - Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động (Găng tay, khẩu trang, mắt kính...) cho công nhân viên khi chiết rót hóa chất.
 - Cung cấp cho công nhân bản hướng dẫn sử dụng hay bảng dữ liệu an toàn hóa chất của nhà cung cấp và mức độ độc hại của hóa chất khi sử dụng (Các ký hiệu nguy hiểm thường được biểu diễn bằng màu cam và đen và được giải thích mỗi nguy hiểm của loại hóa chất đó).
 - Đảm bảo hóa chất giao nhận được lưu giữ vào kho đúng vị trí, đảm bảo an toàn và có thể dễ dàng nhìn thấy nhãn.
 - Không sử dụng hóa chất đã quá hạn sử dụng.
 - Có tủ thuốc để sơ cứu khi xảy ra sự cố, tủ thuốc phải có băng tiệt trùng, băng tam giác, gạc đệm vô trùng cho mắt, kim tây, băng vết thương tiệt trùng, thuốc rửa vết thương...
 - Tuân thủ và chấp hành theo Luật Hóa chất Việt Nam 2007; Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 25/11/2017 của Chính phủ: Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất; Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày

28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất

- Tiến hành lập kế hoạch và biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất tại nhà xưởng trình cơ quan có chức năng phê duyệt.

❖ **Các biện pháp an toàn trong vận chuyển nguyên liệu, hóa chất**

- Vận chuyển hóa chất phải tuân thủ theo những quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và các quy định của pháp luật có liên quan.
- Vận chuyển hóa chất theo đúng lịch trình được ghi trong hợp đồng hoặc giấy tờ khác có liên quan về vận chuyển giữa chủ phương tiện và chủ sở hữu hàng hóa.
- Nghiêm cấm việc vận chuyển hóa chất trên các phương tiện cùng với chuyên chở khách hàng, chuyên chở vật nuôi, chuyên chở lương thực, thực phẩm, các chất dễ gây cháy, nổ và các hàng hóa khác.
- Người vận chuyển phải hiểu rõ tính chất nguy hiểm của hóa chất như: độc hại, dễ cháy, dễ nổ, ăn mòn và phải biết xử lý sơ bộ khi sự cố xảy ra trong quá trình vận chuyển; Khi đi theo hàng, nhân viên vận chuyển phải mang theo đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân.
- Thùng chứa hóa chất để vận chuyển phải được làm bằng các vật liệu dai, bền, ít thấm nước.
- Tất cả các thùng chứa thuốc phải được dán biểu tượng nguy hiểm.
- Trước khi xếp hóa chất nguy hiểm lên phương tiện vận chuyển, người xếp hàng và người phụ trách phương tiện vận chuyển phải cùng kiểm tra, nếu phương tiện vận chuyển đảm bảo an toàn mới được xếp hàng lên.

❖ **Các biện pháp ngăn ngừa chảy tràn đổ và rò rỉ hóa chất**

- Nhà xưởng bố trí khu vực chứa hóa chất tại vị trí thoáng mát, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời, có mái che chắn.
- Các bồn chứa hóa chất luôn phải đóng chặt nắp;
- Bồn chứa hóa chất thường xuyên được bảo trì, bảo dưỡng nhằm sửa chữa, thay thế và khắc phục kịp thời việc rò rỉ nhiên liệu.
- Khu vực chứa hóa chất không được đặt bất cứ vật gì phía trên.
- Tại khu vực chứa có gắn biển “Cấm lửa”, các loại xe và động cơ hoạt động phải cách ly với khu vực chứa khoảng 10m.
- Trong trường hợp bị rò rỉ trên mặt bằng nhà xưởng:
 - Dùng giẻ lau, bông thấm lau sạch và thu gom giẻ lau vào thùng chứa và đậy kín.

- Không cho chất lỏng thoát vào cống, ống thoát nước hoặc các vùng ẩm thấp.
 - Dùng đất cát để xử lý chất lỏng bị đổ, tuyệt đối không sử dụng nguyên liệu dễ cháy như mùn cưa.
 - Tham khảo ý kiến của các chuyên gia về việc sử dụng các nguyên liệu nào để khắc phục những hậu quả xảy ra và đảm bảo phải tuân thủ theo những nguyên tắc của địa phương.
- Hạn chế công nhân làm việc tại khu vực phát sinh hơi hóa chất, trang bị đủ các phương tiện để đảm bảo an toàn lao động như: Nón bảo hộ, quần áo, giày, khẩu trang, bao tay, kính, mặt nạ che mặt...
- Khi gặp trường hợp bị dính, hay nuốt phải dung môi thực hiện các biện pháp sơ cứu sau:
- Nếu nuốt phải: Ngay lập tức gọi trung tâm cấp cứu hoặc gọi bác sỹ hoặc chở bệnh nhân đến bệnh viện.
 - Nếu bị dính trên da hoặc tóc: Cởi bỏ ngay lập tức quần áo bị dính sản phẩm. Ngâm bộ phận bị dính bằng nước vòi hoặc vòi hoa sen ít nhất 15 phút và sau đó rửa lại bằng xà bông và nước nếu có thể. Nếu da trở nên đỏ, sưng, đau và hoặc phỏng rộp, chuyển bệnh nhân đến dự án y tế gần nhất để điều trị thêm
 - Nếu hít phải: Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí, giữ ngực nạn nhân ở tư thế thuận lợi cho hô hấp. Liên hệ với trung tâm giải độc hoặc bác sỹ nếu thấy mệt mỏi. Nếu không hồi phục nhanh chóng, chuyển nạn nhân đến dự án y tế gần nhất để có các điều trị tiếp theo.
 - Nếu bị dính vào mắt: Thận trọng rửa bằng nước trong vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu đang đeo và nếu thấy dễ dàng. Sau đó tiếp tục rửa mắt bằng nước sạch. Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.
 - Nếu có hoả hoạn: Dùng loại bột chống cồn, nước phun có áp hoặc ở dạng phun sương để dập lửa.

CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

4.1.1. Nội dung đề nghị cấp phép xả nước thải

4.1.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt công nhân viên trong nhà máy 144 m³/ngày.đêm

4.1.1.2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

(1) *Nguồn tiếp nhận nước thải*: Suối Bưng Cù, Phường An Phú, thị xã Thuận An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

(2) *Vị trí xả thải*

- Dòng nước thải số 01: tương ứng với ống xả nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung tại dự án công suất 190 m³/ngày. Tọa độ vị trí hố ga đầu nổi trên đường DT743 xả nước thải sau hệ thống xử lý: X = 1208801; Y = 0609499. Tọa độ vị trí xả thải tại Suối Bưng Cù: X= 1214408; Y= 00690020

Như vậy, số điểm xả thải là: 01 điểm

(3) *Lưu lượng xả nước thải lớn nhất*

- Dòng nước thải số 01: lưu lượng xả nước thải lớn nhất là: 144 m³/ngày.đêm

(3.1) *Phương thức xả thải*:

- Nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 190 m³/ngày được dẫn theo đường ống D300 ra vị trí đầu nổi trên đường DT743

- Phương thức xả thải: tự chảy

(3.2) *Chế độ xả nước thải*: 24 giờ/ngày

(3.3) *Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; K_q = 0,9; K_f = 1,1), cụ thể như sau:*

Bảng 4. 1 Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng thải số 01				
1	pH	-	6-9	06 tháng/lần	Không thuộc

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

2	TSS	mg/L	49,5		đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục
3	BOD ₅	mg/L	29,7		
4	COD	mg/L	74,25		
5	Tổng Nito	mg/L	19,8		
6	Tổng Phospho	mg/L	3,96		
7	Coliform	mg/L	3.000		

(3.4) *Chất lượng nước thải xả định kỳ của bể chứa nước tháo giải nhiệt trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$), cụ thể như sau:*

Bảng 4. 2 Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$
1	pH	-	6-9
2	TSS	mg/L	54
3	BOD ₅	mg/L	32,4
4	COD	mg/L	81
5	Tổng Ni tơ	mg/L	21,6
6	Tổng Phospho	mg/L	4,32
7	Đồng (Cu)	mg/L	2,16
8	Kẽm (Zn)	mg/L	3,24
9	Tổng dầu mỡ khoảng	mg/L	5,4
10	Coliform	MPN/100mL	3.000

4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

– Nguồn số 01: Thu gom nước thải từ nhà vệ sinh bằng đường ống thu gom nước thải của dự án, thu gom nước thải từ nhà vệ sinh mới bằng ống PVC Ø42, thu gom nước thải từ nhà ăn bằng ống PVC Ø42 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án sau đó thải ra môi trường bằng đường ống thoát nước thải D300

b) Công trình, thiết bị xử lý khí thải

❖ Hệ thống xử nước thải 190 m³/ngày:

– Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại → Bể gom → Bể tách mỡ → Song chắn rác → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể trung gian → Bể lắng → Bể khử trùng → Lọc áp → Nguồn tiếp nhận. Công suất thiết kế: 190 m³/ngày.

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

d) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

– Đầu tư thiết kế hệ thống xử lý nước thải phù hợp với công suất, lưu lượng phát thải nhằm tránh tình trạng quá tải của hệ thống.

– Thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, bảo dưỡng định kỳ máy móc, giám sát tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

– Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành trạm xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày thực hiện vận hành và ghi chép vào sổ nhật ký vận hành hàng ngày.

– Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

– Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

– Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

– Trường hợp trạm xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, sẽ tạm dừng sản xuất để khắc phục sự cố. Sau khi đã khắc phục sự cố xong hệ thống xử lý công suất 190 m³/ngày mới tiếp tục vận hành sản xuất, bảo đảm nước thải được xử lý đạt yêu cầu trước khi xả thải vào Suối Bưng Cù

4.1.2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

4.1.2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, đảm bảo theo yêu cầu xả thải của nguồn nước tiếp nhận là Suối Bưng Cù.
- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.
- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả nước thải sau xử lý vào Suối Bưng Cù.

4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

4.2.1. Nội dung đề nghị cấp phép xả khí thải

4.2.1.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh tại công đoạn dán keo khu vực chi tiết lễ xưởng 3A
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh tại công đoạn dán keo khu vực chi tiết lễ xưởng 3B
- Nguồn số 03: Khí thải máy phát điện dự phòng ống khói 1 (công suất 650 KVA, sử dụng nhiên liệu dầu DO)
- Nguồn số 04: Khí thải máy phát điện dự phòng ống khói 2 (công suất 650 KVA, sử dụng nhiên liệu dầu DO)
- Nguồn số 05: Khí thải máy phát điện dự phòng ống khói 3 (công suất 650 KVA, sử dụng nhiên liệu dầu DO)
- Nguồn số 06: Khí thải máy phát điện dự phòng ống khói 4 (công suất 650 KVA, sử dụng nhiên liệu dầu DO)

4.2.1.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

a) Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh tại công đoạn dán keo khu vực chi tiết lễ xưởng 3A, tọa độ vị trí xả thải: X = 1208970, Y = 0609209

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh tại công đoạn dán keo khu vực chi tiết lễ xương 3B, tọa độ vị trí xả thải: X = 1209024, Y = 0609181
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống thải từ máy phát điện dự phòng 1, tọa độ vị trí xả thải: X = 1209018, Y = 0609161
- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống thải từ máy phát điện dự phòng 2, tọa độ vị trí xả thải: X = 1209043, Y = 0609135
- Dòng khí thải số 05: Tương ứng với ống thải từ máy phát điện dự phòng 3, tọa độ vị trí xả thải: X = 1209052, Y = 0609126
- Dòng khí thải số 06: Tương ứng với ống thải từ máy phát điện dự phòng 4, tọa độ vị trí xả thải: X = 1209061, Y = 0609121

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$ múi chiều 3°)

Như vậy, số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép môi trường: 6 dòng.

b) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 2.500 m³/h.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 2.500 m³/h.
- Dòng khí thải số 03: Chưa xác định
- Dòng khí thải số 04: Chưa xác định
- Dòng khí thải số 05: Chưa xác định
- Dòng khí thải số 06: Chưa xác định

4.2.1.3. Phương thức xả khí thải

- Các dòng khí thải số 01 – 02: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải tương ứng, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.
- Các dòng khí thải số 03 – 06: Chỉ xả ra khi máy phát điện dự phòng hoạt động

4.2.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, $K_p = 1,0$; $K_v = 1,0$ – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và khí thải phát sinh từ khu vực quét keo đảm bảo đạt QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể được trình bày tại Bảng 4.2

Bảng 4. 3 Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải trước khi xả vào môi trường

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới	Tần suất	Quan trắc tự
----	--------------	--------	--------------	----------	--------------

		tính	hạn cho phép	quan trắc định kỳ	động, liên tục
I	Dòng thải số 01,02				
1	Metyl axetate	mg/Nm ³	610	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục
2	b-butanol	mg/Nm ³	360		
3	n- Heptan	mg/Nm ³	2.000		
4	Etylaxetat	mg/Nm ³	1.400		
5	Metylcyclohexan	mg/Nm ³	2.000		
6	Axeton	mg/Nm ³	-		
I	Dòng thải số 03-06				
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục
2	SO ₂	mg/Nm ³	500		
3	CO	mg/Nm ³	1000		
4	NO _x	mg/Nm ³	850		

4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

a) Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01,02: Thu gom bằng đường ống về từng thiết bị hấp phụ than hoạt tính tại các xưởng sản xuất để xử lý, sau đó xả thải ra môi trường qua từng ống khói thải tương ứng số 01 và 02

- Nguồn số 3 – 6 : Khí thải phát sinh được xả ra môi trường qua ống khói thải của máy phát điện dự phòng tương ứng.

b) Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- ❖ Hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn dán keo khu vực chi tiết lễ xưởng 3A và 3B

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dung môi → Chụp hút → Thiết bị hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thải số 01,02

- Công suất thiết kế: 2.500 m³/giờ cho mỗi hệ thống.

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt

d) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đầu tư thiết kế hệ thống xử lý khí thải phù hợp với công suất, lưu lượng phát thải nhằm tránh tình trạng quá tải của hệ thống.
- Tuân thủ các yêu cầu về bảo dưỡng định kỳ của nhà cung cấp thiết bị.
- Chuẩn bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với bộ phận dễ hư hỏng
- Khi có sự cố, dừng hoạt động sản xuất, kiểm tra hệ thống xử lý khí thải.
- Trường hợp hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc xử lý không đạt yêu cầu, ngừng hoạt động sản xuất để sửa chữa, khắc phục sự cố.

4.2.2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

a) Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

❖ Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống thu gom, lọc bụi tròn khu vực băng tải kính vụn (06 hệ thống), công suất thiết kế 8.000 m³/giờ/hệ thống
- Hệ thống thu gom, lọc bụi thùng vuông khu vực phối liệu (04 hệ thống), công suất thiết kế 2.400 m³/giờ/hệ thống
- Hệ thống thu gom, lọc bụi thùng khu vực phối liệu (05 hệ thống), công suất thiết kế 15.000 m³/giờ/hệ thống

❖ Vị trí lấy mẫu

- Trên ống khói thải số 01 – 06 (dòng khí thải số 01 – 06) sau hệ thống thu gom, lọc bụi tròn khu vực băng tải kính vụn.
- Trên ống khói thải số 10 – 13 (dòng khí thải số 10 – 13) sau hệ thống thu gom, lọc bụi thùng vuông khu vực phối liệu.
- Trên ống khói thải số 14 – 18 (dòng khí thải số 14 – 18) sau hệ thống thu gom, lọc bụi thùng khu vực phối liệu.

❖ Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 4.2.1.4 của báo cáo này.

b) Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần trong ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào (nếu có) và mẫu tổ hợp đầu ra của công trình xử lý khí thải)
- Giai đoạn vận hành ổn định: lấy 3 mẫu đơn cho 3 ngày liên tiếp (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường của công trình xử lý khí thải)

4.2.2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 4.2.1.4 của báo cáo này trước khi xả thải ra môi trường.
- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải tại xưởng sản xuất ống thẳng.
- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, chủ Dự án phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương theo quy định.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải, hơi dung môi.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 4.2.1.4 của báo cáo này và phải dừng ngay việc khí thải, hơi dung môi để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

4.3.1. Nội dung đề nghị cấp phép tiếng ồn, độ rung

4.3.1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy thổi khí của HTXL khí thải 01
- Nguồn số 02: Máy thổi khí của HTXL khí thải 02

4.3.1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X: 1209164; Y: 0609068.

- Nguồn số 02: Tọa độ: X: 1209198; Y: 0609142

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $105^{\circ}30'$ múi chiều 3^0)

4.3.1.3. Giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 4. 4 Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn của Dự án

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và độ ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)		
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

Bảng 4. 5 Giới hạn tối đa cho phép về độ rung của Dự án

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

4.3.2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung tại chân máy móc, thiết bị.
- Kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

4.3.2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

CHƯƠNG 5. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

5.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Tại dự án xin cấp giấy phép môi trường lần này, dự án đã hoàn thiện đầy đủ các hạng mục xử lý môi trường về nước thải cũng như khí thải. Tuy nhiên, Chủ dự án vẫn tiến hành Kế hoạch vận hành thử nghiệm, phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định củ từng công trình xử lý chất thải tại nhà máy. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: từ tháng 02 năm 2024 đến tháng 05 năm 2024

Bảng 7. 1. Các công trình xử lý chất thải hiện hữu tại dự án

Công trình xử lý chất thải	Công suất dự kiến đạt được	Quy trình xử lý	Tình hình
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 190 m ³ /ngày.đêm	190 m ³ /ngày.đêm	Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ, nước thải sản xuất sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom nước thải → Bể điều hòa → Bể aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B theo yêu cầu trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Becamex – Bình Phước	Đã hoàn thành và ổn định
Hệ thống xử lý hơi dung môi từ công đoạn dán keo khu vực chi tiết lễ 3A	2.500 m ³ /h	Hơi dung môi → Chụp hút → Thiết bị hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thải	Đã hoàn thành và ổn định
Hệ thống xử lý hơi dung môi từ công đoạn dán keo khu vực chi tiết lễ 3B	2.500 m ³ /h	Hơi dung môi → Chụp hút → Thiết bị hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thải	Đã hoàn thành và ổn định

5.1.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

5.1.1.1. Đối với hệ thống xử lý khí thải

Căn cứ theo quy định tại điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì dự án không thuộc đối tượng được quy định tại Phụ lục XXVIII (ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của

Chính phủ); do đó dự án sẽ không lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải.

Ngoài ra, dự án có 04 máy phát điện dự phòng công suất 650 kVA/máy. Tuy nhiên, máy phát điện dự phòng được nhập khẩu từ nước Italya đến từ thương hiệu Spark Energy, sử dụng nhiên liệu dầu DO 0,05%S. Do đó, báo cáo đề xuất không coi khí thải phát sinh từ máy phát điện là nguồn khí thải công nghiệp.

5.1.1.2. Đối với hệ thống xử lý nước thải

Căn cứ theo quy định tại điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì dự án không thuộc đối tượng được quy định tại Phụ lục XXVIII (*ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ*); do đó dự án sẽ không lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

5.1.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ Dự án

5.1.2.1. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt

- Vị trí: khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt
- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, hợp đồng thu gom;
- Tần suất giám sát: hàng ngày
- Quy định: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

5.1.2.2. Giám sát chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Vị trí: 02 kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường
- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, hợp đồng thu gom;
- Tần suất giám sát: hàng ngày;
- Quy định: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

5.1.2.3. Giám sát chất thải nguy hại

- Vị trí: kho lưu chứa chất thải nguy hại;
- Thông số giám sát: khối lượng, thành phần, hợp đồng thu gom;
- Tần suất giám sát: hàng ngày;
- Quy định: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

5.2. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM

Tổng kinh phí dự toán cho chương trình giám sát môi trường hàng năm của dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5. 1 Tổng kinh phí dự toán cho chương trình giám sát môi trường hàng năm của dự án

STT	Hạng mục	Chi phí giám sát môi trường hàng năm (VNĐ/năm)
1	Thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp	150.000.000
2	Thu gom, xử lý CTNH	10.000.000
3	Tổng hợp lập báo cáo	5.000.000
Tổng cộng		205.000.000

Kinh phí giám sát này có thể thay đổi tùy theo từng đợt giám sát.

Tổ chức thực hiện chương trình giám sát môi trường

Chủ dự án chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện chương trình giám sát môi trường.

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng và khả năng để thực hiện.

Chủ dự án sẽ báo cáo kết quả quan trắc môi trường theo định kỳ lên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

Kết quả giám sát môi trường sẽ được cập nhật, lưu giữ tại dự án để phục vụ quá trình bảo vệ môi trường của doanh nghiệp. Đồng thời cung cấp cho các cơ quan thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường khi được yêu cầu.

CHƯƠNG 6. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn II –bảo đảm về độ trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này, kể cả các tài liệu đính kèm. Nếu có sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn II –cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và báo cáo đề xuất cấp phép môi trường. Đồng thời chúng tôi cam kết một số nội dung cụ thể như sau:

1. Cam kết các chất thải phát sinh trong hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam như sau:

- Nước thải sinh hoạt và nước thải nhà ăn được xử lý bằng HTXLNT công suất 190 m³/ngày.đêm đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$ – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là suối Bưng Cù.

- Cam kết không xả nước thải ngoài các vị trí đã đề xuất trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

- Khí thải phát sinh từ 02 hệ thống xử lý hơi dung môi từ khu vực dán keo đạt QCVN 20:2009/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- Cam kết không xả nước thải, khí thải chưa được xử lý ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

- Tiếng ồn trong khu vực xung quanh và khu vực làm việc đảm bảo nằm trong giới hạn quy chuẩn QCVN26:2010/BTNMT và QCVN26:2016/BYT.

- Việc thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn được thực hiện theo đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

- Việc thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

2. Cam kết thực hiện nghiêm túc kế hoạch quan trắc môi trường định kỳ đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

3. Cam kết thực hiện Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo quy định tại Điều 119, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 của Quốc hội và Điều 66, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quyết định 3323/QĐ-BTNMT ngày 01/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thay đổi theo quy định hiện hành.

4. Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình sản xuất kinh doanh của Dự án.

5. Cam kết thực hiện đầy đủ các thủ tục về môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành khi có sự thay đổi về các hạng mục sản xuất và công trình bảo vệ môi trường.

Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn II – cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm các quy định bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1:

**VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN,
PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

PHỤ LỤC 2:

**HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO, XỬ LÝ TẠP CHẤT, CHẤT THẢI
CHỨNG TỪ CHUYỂN GIAO CHẤT THẢI**

PHỤ LỤC 3:

HÓA ĐƠN ĐIỆN NƯỚC

PHỤ LỤC 4:

**HỒ SƠ HOÀN CÔNG (BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BẢN VẼ LIÊN QUAN ĐẾN
DỰ ÁN)**

PHỤ LỤC 1
VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN,
PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

PHỤ LỤC 2

**HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO, XỬ LÝ TẠP CHẤT, CHẤT THẢI
CHỨNG TỪ CHUYỂN GIAO CHẤT THẢI**

PHỤ LỤC 3
HÓA ĐƠN ĐIỆN NƯỚC

PHỤ LỤC 4
HỒ SƠ HOÀN CÔNG (BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BẢN VẼ LIÊN QUAN ĐẾN
DỰ ÁN)

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3700379491

Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 07 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 04 tháng 03 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PUNGKOOK SAI GON II

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PUNGKOOK SAIGON TWO CORPORATION

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 2A, Đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274.3732.715

Fax: 0274.3732.717

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

142.619.933.778 đồng

Bằng chữ: Một trăm bốn mươi hai tỷ sáu trăm mười chín triệu chín trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: PUNGKOOK CORPORATION

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 110111-0017601

Ngày cấp: 12/06/1954 Nơi cấp: Văn phòng thuế quận Seongnam, Hàn Quốc

Địa chỉ trụ sở chính: 53, Dunchon-daero 457beon-gil, Jungwon-gu, Seongnam-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PARK SOON TAE

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 16/10/1963

Dân tộc:

Quốc tịch:

Hàn Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: M78500731

Ngày cấp: 03/12/2015

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú: 101-1302 Jugong Apartment, 552-15, Sanseong-daero, Jungwon-gu, Seongnam-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc

Địa chỉ liên lạc: B6-3 Park View, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thanh An

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 13, tờ bản đồ số: 14
 b) Địa chỉ: phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
 c) Diện tích: 29048.8 m², (bằng chữ: Hai mươi chín nghìn không trăm bốn mươi tám phẩy tám mét vuông)
 d) Hình thức sử dụng: riêng: 29048.8 m²; chung: Không m²
 đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (SKC)
 e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 31/8/2056
 g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà máy Pung Kook Sài Gòn III

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm hoàn thành xây dựng	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng	8017	45950	Móng, khung, sàn bê tông cốt thép. Kèo thép. Nền, tường tầng hầm bê tông cốt thép. Mái tole cách nhiệt. Nền phủ hardener, sàn gạch ceramic. Tường gạch sơn nước	III	08	2009	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Tổng diện tích thửa đất: 29.048,8m² (trong đó diện tích đất thuộc HLATĐB là 2.301,7m²).
- * Diện tích đất thuộc HLATĐB là 2.301,7m² thực hiện theo quy định của pháp luật về hành lang an toàn đường bộ.
- Hợp thửa từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 977289 ngày 25/12/2006, AH 504306 ngày 27/7/2007 do UBND tỉnh Bình Dương cấp và chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng.

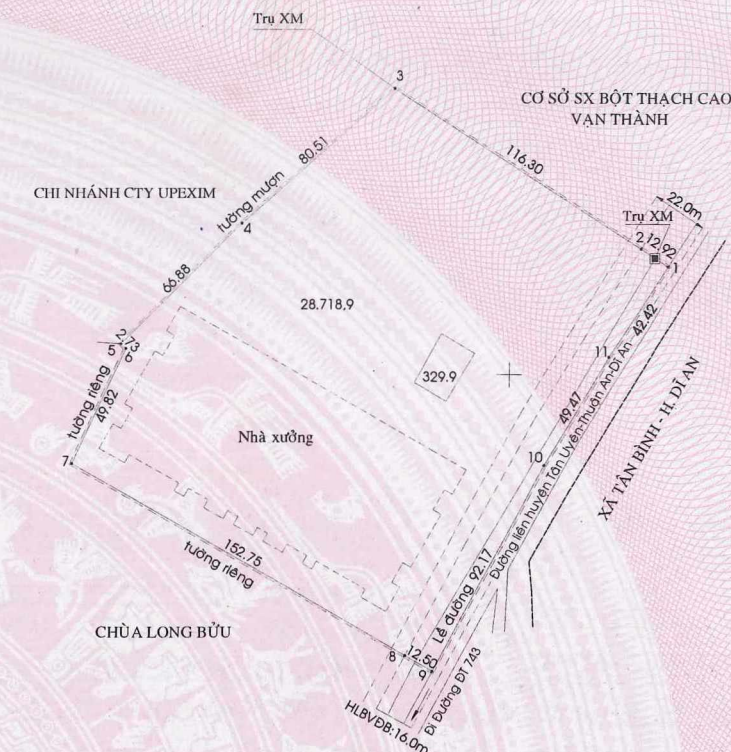
Bình Dương, ngày 23 tháng 6 năm 2014
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TUQ.CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Phạm Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT07704

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

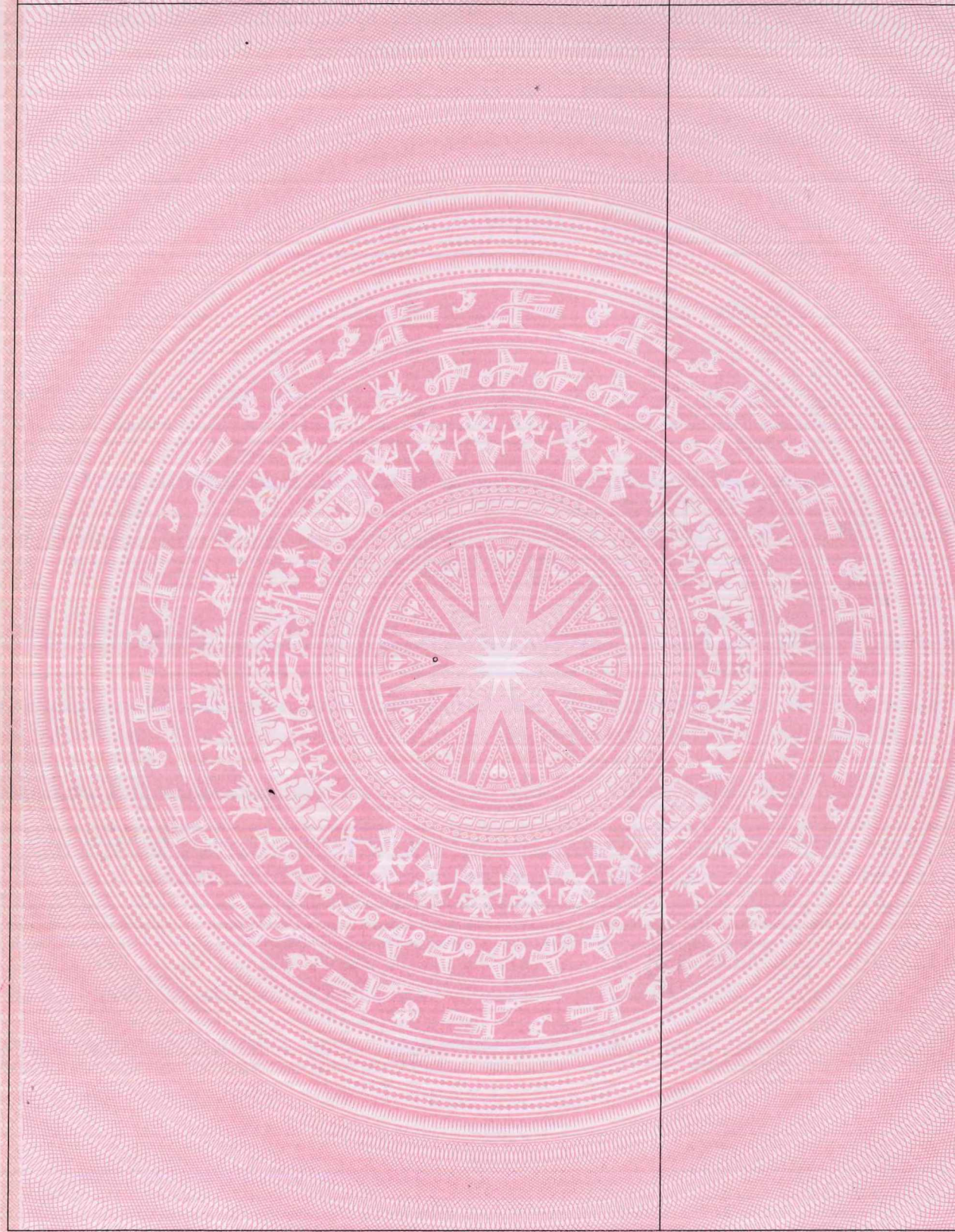


IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III đổi tên thành Công ty TNHH PungKook Sai gon II do sáp nhập doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 3700379491, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 06/01/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, theo hồ sơ số 1887. Đổi tên phường An Phú, thị xã Thuận An thành phường An Phú, thành phố Thuận An. Cập nhật số hiệu tờ bản đồ là: 142.	18. 12. 2020 PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Thị Tuyết

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH PUNG KOOK SÀI GÒN III

Giấy chứng nhận đầu tư số 461043000005.

Chứng nhận lần đầu ngày 31/8/2006, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 25/01/2011.

Do UBND tỉnh Bình Dương cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: khu phố 1A, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 3235182410

Chứng nhận lần đầu: ngày 31 tháng 8 năm 2006

(Giấy chứng nhận đầu tư số 462042000005

của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chứng nhận thay đổi lần thứ 5: ngày 15 tháng 01 năm 2020

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700379491 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 07 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 06 tháng 01 năm 2020.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3235182410 chứng nhận lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do CÔNG TY TNHH PUNGKOOK SAI GON II nộp ngày 08 tháng 01 năm 2020.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BÌNH DƯƠNG

Chứng nhận:

Dự án NHÀ MÁY PUNGKOOK SAIGON III hiện đang thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3235182410 chứng nhận lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

đăng ký điều chỉnh các nội dung sau:



- Cập nhật thay đổi thông tin nhà đầu tư và thông tin tổ chức kinh tế thực hiện dự án trong Tổ chức kinh tế thực hiện dự án là CÔNG TY TNHH PUNGKOOK SAI GON II đã được phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 06 tháng 01 năm 2020 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3700379491.

- Thay đổi tên dự án.

Nhà đầu tư:

PUNGKOOK CORPORATION; Giấy chứng nhận thành lập số 110111-0017601 do Văn phòng thuế quận Seongnam, Hàn Quốc cấp ngày 12 tháng 6 năm 1954; trụ sở đăng ký tại 53, Dunchon,-daero 457 beon-gil, Jungwon-gu, Seongnam-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc.

Đại diện bởi: Ông LEE CHUNG WON; sinh ngày 05 tháng 02 năm 1944; quốc tịch Hàn Quốc; hộ chiếu số M80851368 do Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc cấp ngày 08 tháng 11 năm 2018; địa chỉ thường trú tại 86 Jamsil-dong, Songpa-ku, Seoul, Hàn Quốc; chỗ ở hiện nay tại 86 Jamsil-dong, Songpa-ku, Seoul, Hàn Quốc; chức vụ: Chủ tịch.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH PUNGKOOK SAI GON II, mã số doanh nghiệp số 3700379491 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 07 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 06 tháng 01 năm 2020.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY PUNGKOOK SAIGON III

2. Mục tiêu dự án:

Số TT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC
01	Sản xuất túi xách và túi hành lý.	1512	

3. Quy mô dự án: Sản lượng 10.000.000 cái/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Khu phố 1A, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

5. Diện tích đất sử dụng cho dự án: 27.184 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 109.577.000.000 (Một trăm lẻ chín tỷ năm trăm bảy mươi bảy triệu) đồng Việt Nam, tương đương 6.500.000 (Sáu triệu năm trăm nghìn) đô la Mỹ.

Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 65.031.088.889 (Sáu mươi lăm tỷ không trăm ba mươi một triệu không trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng Việt Nam, tương đương 4.000.000 (Bốn triệu) đô la Mỹ; chiếm tỷ lệ 62% vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau:

Số TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ %	Phương thức góp vốn	Tiền độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			
1	PUNGKOOK CORPORATION	65.031.088.889	4.000.000	100	Tiền mặt	Đã góp đủ

6. Thời hạn hoạt động của dự án là 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2006.

7. Tiến độ thực hiện dự án: Theo báo cáo của doanh nghiệp, dự án đã hoạt động.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn có liên quan và các quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

3. Ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

4. Các biện pháp hỗ trợ đầu tư: không.

Điều 3. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án.

1. Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại Điều 70 Luật Đầu tư và chịu sự kiểm tra và giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Nếu nhà đầu tư không thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động đầu tư, báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư thì sẽ bị xử phạt theo quy định tại Khoản 2, Điều 13, Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

3. Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải tuân thủ và đáp ứng điều kiện đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư chỉ được triển khai hoạt động đối với các lĩnh vực đầu tư kinh doanh có điều kiện khi đáp ứng các điều kiện và/hoặc được cấp Giấy phép/Giấy chứng nhận/chứng chỉ hành nghề hoặc văn bản xác nhận... theo quy định pháp luật liên hành; chấp hành quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các quy định về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và quy định pháp luật khác có liên quan đến lĩnh vực hoạt động đầu tư kinh doanh đã đăng ký.

5. Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và đảm bảo quyền sử dụng hợp pháp, sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật đối với địa điểm thực hiện dự án đã đăng ký. Cơ quan đăng ký đầu tư không giải quyết tranh chấp phát sinh (nếu có) liên quan đến địa điểm thực hiện dự án đăng ký của nhà đầu tư.

6. Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

Điều 4:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3235182410 chứng nhận lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Điều 5:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Sao gửi:

- UBND tỉnh Bình Dương;
- UBND TX Thuận An;
- Các Sở: TNMT, CT, XD, TC, TTTT, VH-TTDL, KHCN, LĐT-BXH, NgV;
- Cục: Thuế, Thống kê, Hải quan;
- LĐTĐ tỉnh, BHXH tỉnh, NHNN tỉnh;
- Công an tỉnh, Bộ CHQS tỉnh;
- Phòng ĐKKD, Ttra Sở;
- Lưu KTĐN (Phg).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phú Hữu Minh

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

SỐ : 15.15 /GPXD



1./ **Cấp cho:** Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III.

- Địa chỉ: xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III số 462042000005 cấp ngày 31/8/2006 do UBND tỉnh Bình Dương cấp.



2./ **Được phép xây dựng công trình:** Nhà máy Pung Kook Sài Gòn III.

- Gồm các hạng mục sau:

+ Nhà xưởng:

- Nhà 8 tầng. Diện tích tầng hầm: 7.290m², tầng trệt: 8.017m², lầu một 1.917m², lầu hai 8.088m², lầu ba 2.231m², lầu bốn 8.088m², lầu năm 2.231m², lầu sáu 8.088m²; tổng diện tích: 44.950m². Chiều cao đỉnh mái 26,5m.

- Móng, khung, sàn bê tông cốt thép (BTCT). Kèo thép.

- Nền, tường tầng hầm BTCT.

- Mái tôn cách nhiệt. Nền phủ hardener, sàn gạch ceramic. Tường gạch sơn nước. Cửa kính khung thép.

+ Nhà bảo vệ 1,2:

- Nhà 1 tầng. Diện tích mỗi nhà 24m², tổng diện tích: 48m².

- Móng, khung, nền BTCT. Kèo thép.

- Mái ngói. Tường gạch sơn nước. Cửa kính khung thép.

+ Nhà phát điện:

- Nhà 1 tầng. Diện tích 96m². Móng, khung, nền BTCT. Kèo thép.

- Mái tôn. Nền phủ hardener. Tường gạch sơn nước. Cửa thép.

+ Tram hạ thế:

- Diện tích 32m². Móng, nền BTCT. Khung thép, rào lưới B40.

- Mái tôn. Nền phủ hardener. Tường gạch sơn nước. Cửa thép.

+ Nhà rác:

- Nhà 1 tầng. Diện tích 96m². Móng, khung, nền BTCT.

- Mái tôn. Nền phủ hardener. Tường gạch sơn nước. Cửa thép.

+ Bể nước ngầm: bể BTCT 6x10x3,4m.

+ Cổng rào:

- Cổng, rào chính : 03 cổng inox; rào chính: móng, trụ BTCT, chân tường gạch, song thép sơn dầu, chiều dài tổng 118,5m.
- Rào phụ: chiều dài 465m. Móng, trụ BTCT, tường rào gạch.
- + Ha tầng: Đường nội bộ. Hệ thống cấp thoát nước. Hệ thống điện, Hệ thống thu lồi chống sét, Hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- Công trình xây dựng trên khu đất có diện tích 26.417,2m² tại ấp 1A, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương .
- Chỉ giới xây dựng: từ tim đường liên huyện đến chân công trình chính là 31m. các hạng mục khác theo quy chuẩn hiện hành.

3./ Giấy tờ về quyền sử dụng đất, Các giấy tờ có liên quan:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T001822/CN-2006 ngày 25/12/2006 và số T00850/CN-2007 ngày 27/7/2007 của UBND tỉnh Bình Dương
- Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở số 1425/SXD-TĐ ngày 02/8/2007 của sở Xây dựng Bình Dương.
- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chánh thanh tra xây dựng số 363/QĐ-XP-TTrXD và số 363/QĐ-XP-TTrXD ngày 15/3/2007.
- Quyết định phê duyệt thiết kế tổng dự toán công trình số 19/QĐ-PKIII ngày 01/8/2007 của Giám đốc Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III.

4./ Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau:

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm hại quyền lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
- Thực hiện đúng quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và giấy phép xây dựng.

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính.
Nơi nhận: 0: 40731
Số chứng thực: 1. Quyền số 1 SCT/BS
- Chủ đầu tư: ngày 12 tháng 6 năm 2009
- Phòng QLTKT
- VP lưu
BÌNH DƯƠNG, ngày 14 tháng 8 năm 2007.



GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Nhàn

Số: 646/QĐ-STNMT

Bình Dương, ngày 25 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết
Nhà máy sản xuất túi xách và túi hành lý với tổng công suất 10.000.000
sản phẩm/năm tại khu phố 1A, phường An Phú, thị xã Thuận An,
tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và hoàn thành phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án nằm ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Biên bản kiểm tra công tác bảo vệ môi trường Nhà máy sản xuất túi xách và túi hành lý với tổng công suất 10.000.000 sản phẩm/năm tại khu phố 1A, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy sản xuất túi xách và túi hành lý với tổng công suất 10.000.000 sản phẩm/năm đã được hoàn



chính gửi kèm văn bản ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 136 /TTr-CCBVMT ngày 24 tháng 5 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết Nhà máy sản xuất túi xách và túi hành lý với tổng công suất 10.000.000 sản phẩm/năm được lập bởi Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, quy mô/công suất hoạt động:

1.1. Vị trí của cơ sở: tại khu phố 1A, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

1.2. Ngành nghề hoạt động: sản xuất túi xách và túi hành lý.

1.3. Quy mô/công suất hoạt động: 10.000.000 sản phẩm/năm.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Nhà máy:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án.

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn đang còn bắt buộc áp dụng, các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành có liên quan trước khi thải ra môi trường.

2.3. Phải hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo các thời hạn như sau:

- Cải tạo lại hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo toàn bộ nước thải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

- Có biện pháp hiệu quả xử lý hơi, khí từ quá trình dán keo, sơn, đảm bảo hơi dung môi được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

- Thay mới các thùng chứa rác thải sinh hoạt bị hư hỏng, không được để nước rỉ chảy tràn ra lối đi.

- Lắp đặt điểm quan trắc nguồn thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại Điều 72 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Yêu cầu Công ty phải hoàn thành các công trình trên trước ngày 31 tháng 7 năm 2018.

- Thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác theo nội dung và tiến độ cam kết trong đề án bảo vệ môi trường.

2.4. Đến thời điểm yêu cầu hoàn thành từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hoặc hoàn thành toàn bộ công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo yêu cầu tại Quyết định phê duyệt đề án chi tiết, Công ty phải gửi văn bản báo cáo hoàn thành đến Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xác nhận.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Về quản lý và xử lý chất thải:

- Tách hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt; nước thải phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$).

- Khí thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) trước khi thải ra môi trường.

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT).

- Chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

- Chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.2. Các yêu cầu về phòng chống và khắc phục sự cố:

Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

3.3. Các yêu cầu về chế độ kiểm tra, giám sát nguồn thải:

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Thực hiện việc quan trắc và giám sát nước thải theo quy định tại Điều 71 và Điều 72 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

3.4. Các yêu cầu khác:

Yêu cầu Công ty thực hiện việc di dời Nhà máy sản xuất túi xách và túi hành lý đến vị trí mới phù hợp với quy hoạch theo đúng lộ trình cam kết đã đề ra (sau năm 2020).

Điều 2. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, Công ty phải có văn bản báo cáo với cơ quan thẩm định, phê duyệt đề án chi tiết và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở TN&MT, Sở CT;
- UBND thị xã Thuận An;
- Chủ dự án;
- Lưu: VT, CCBVMT, Nhieen8. 

GIÁM ĐỐC



Phạm Danh

Số: 61 /2018/BBTT-KLH

Bình Dương, ngày 02 tháng 08 năm 2018

BIÊN BẢN THỎA THUẬN

(Về việc chấp thuận cho Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III đấu nối hệ thống thoát nước thải sau xử lý vào hệ thống thoát nước đường ĐT743, phường An Phú, Thuận an, Bình Dương)

Công trình: Khu liên hợp

Nội dung: Chấp thuận cho Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III đấu nối hệ thống thoát nước thải sau xử lý vào hệ thống thoát nước đường ĐT743, phường An Phú, Thuận an, Bình Dương.

- Căn cứ vào công văn số 393/2018/CV/IDC ngày 31/7/2018 của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp-CTCP về việc chấp thuận Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III đấu nối hệ thống thoát nước thải sau xử lý vào hệ thống thoát nước đường ĐT743, phường An Phú, Thuận an, Bình Dương.
- Ban Quản lý Phát triển Khu liên hợp thống nhất:

1. Thỏa thuận thi công:

Chấp thuận cho Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III đấu nối hệ thống thoát nước thải sau xử lý vào hệ thống thoát nước đường ĐT743, phường An Phú, Thuận an, Bình Dương.

2. Các yêu cầu đối với đơn vị, cá nhân được thỏa thuận thi công:

- Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III thực hiện đúng, đầy đủ theo nội dung biên bản thỏa thuận của Ban Quản lý Phát triển Khu liên hợp và công văn số 393/2018/CV/IDC ngày 31/7/2018 và bản vẽ đã được phê duyệt của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp-CTCP (đính kèm).
- Trong quá trình thi công phải đảm bảo và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, có biển báo công trường và giữ vệ sinh môi trường xung quanh.
- Ban quản lý phát triển Khu liên hợp sẽ bố trí chốt tại vị trí nêu trên, nếu phát hiện nguồn nước trong hệ thống thoát nước không đạt chuẩn theo giấy phép xả thải số 14/GP-UBND cấp ngày 05/02/2018 (cột A) UBND tỉnh Bình Dương, đồng thời Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý Nhà nước.
- Nộp tiền ký quỹ là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn). Số tiền này sẽ được hoàn trả đầy đủ cho Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III sau khi được Ban

quản lý phát triển Khu liên hợp kiểm tra nghiệm thu đạt yêu cầu (số tiền trên không được tính lãi suất trong suốt thời gian ký quỹ). Phải nộp lại biên bản thỏa thuận này và biên bản nghiệm thu của Tổ nghiệm thu Ban quản lý phát triển Khu liên hợp (BM 03-KLH) xác nhận hoàn tất công việc để nhận lại tiền ký quỹ.

- Trong quá trình thi công nếu phát hiện vi phạm Ban quản lý phát triển Khu liên hợp sẽ tạm đình chỉ thi công cho đến khi đơn vị thi công khắc phục xong.

3. Thời hạn thi công: Biên bản thỏa thuận này có thời hạn từ ngày 04/08/2018 đến hết ngày 04/09/2018.

4. Trước khi thi công đề nghị liên hệ với:

- Ông Phạm Tâm số điện thoại 0919.683.998* (Giám sát thi công)

- Ông Trương Bửu Long số điện thoại 0918.984.287 (bảo vệ Khu liên hợp)

5. Khi thực hiện thi công phải mang theo biên bản thỏa thuận này và xuất trình khi có yêu cầu.

Biên bản này được lập thành 6 bản và có giá trị từ ngày ký.

**CÔNG TY TNHH PUNG KOOK
SÀI GÒN III**



Trần Thị Hà Bình

**BAN QLPT KHU LIÊN HỢP
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hoàng Gia

Nơi nhận:

1. Phòng kỹ thuật BQL
2. Đội bảo vệ BQL
3. Tổ giám sát BQL
4. Phòng kế toán BQL
5. Công TNHH Pung Kook Sài Gòn III
6. Lưu TCHC

	BIÊN BẢN NGHIỆM THU NỘI BỘ	Mã tài liệu: BM-03-KLH
---	---------------------------------------	-----------------------------------

Bình Dương, ngày 17 tháng 9 năm 2018

1. Dự án: Khu Liên Hợp.

- Hạng Mục: Đầu nối thoát nước thải sau xử lý vào hệ thống thoát nước mưa vào đường ĐT743.

- Địa điểm: Đường ĐT743, An Phú, Thuận An, Bình Dương.

2. Đối tượng nghiệm thu: Bàn giao hoàn trả mặt bằng

3. Thành phần tham gia nghiệm thu:

- Tổ nghiệm thu Ban Quản lý Khu Liên Hợp.

- Đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III.

4. Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu: 9... ngày 17 tháng 9... năm 2018.

- Kết thúc: 10... Ngày 18 tháng 9... năm 2018.

- Địa điểm: Đường ĐT743, An Phú, Thuận An, Bình Dương.

5. Các căn cứ nghiệm thu:

- Căn cứ vào biên bản thỏa thuận đầu nối thoát nước thải sau xử lý vào hệ thống thoát nước mưa đường ĐT743, An Phú Thuận An, Bình Dương.

6. Đánh giá:

- Về chất lượng công việc xây dựng: Đơn vị thi công làm đúng kỹ thuật, không vi phạm an toàn giao thông, an toàn lao động

7. Kết luận: Đạt yêu cầu.

Chữ ký các bên:

- Tổ Nghiệm thu Ban Quản lý Khu liên hợp

Ông / Bà: Phạm Tấn..... Chức vụ: Phó PKT..... Chữ ký:

Ông / Bà: Phạm Xuân Khu..... Chức vụ: PKT..... Chữ ký:

Ông / Bà: Trần Bửu Long..... Chức vụ: ĐT. Bảo Vệ..... Chữ ký:

Ông / Bà: Chức vụ: Chữ ký:

- Đơn vị(cá nhân) thi công xây dựng : Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III

Ông / Bà: Kim Do Hoon..... Chức vụ: Giám Đốc... Chữ ký: 

Ông / Bà: Trần Thị Hà Bình..... Chức vụ: Giám Đốc... Chữ ký: 
Nhân Dữ



- Ban Quản Lý Phát Triển Khu Liên Hợp

Ông: Trần Minh..... Chức vụ: Phó Giám Đốc... Chữ ký:

Ông / Bà: Chức vụ:..... Chữ ký:

BIÊN BẢN BÀN GIAO CÔNG TRÌNH

- Công trình:** Công ty TNHH PungKook Sai Gon II - nhà máy PungKook SaiGon III
- Hạng mục:** Hệ thống xử lý nước thải, công suất: 190 m3/ ngày đêm
- Địa điểm xây dựng:** Khu phố 1A, Phường An Phú, Thuận An, Bình Dương.
- Thành phần tham gia:**

4.1 Chủ đầu tư: Công ty TNHH PungKook Sai Gon II

Ông/ bà: KIM DOO HOON Chức vụ: PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

4.2 Đơn vị tiếp nhận sử dụng: nhà máy PungKook SaiGon III

Ông/ bà: KIM DOO HOON Chức vụ: PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

4.3. Nhà thầu thi công: Công ty cổ phần thương mại kỹ thuật và xây dựng VHENC

Ông/ bà: Văn Viết Việt Chức vụ: Giám đốc

5. Thời gian tiến hành nghiệm thu bàn giao

Bắt đầu...8...giờ, ngày...03...tháng 10...năm 2023

Kết thúc...11...giờ, ngày...03...tháng 10...năm 2023

Tại công trình: Nhà máy PungKook SaiGon III, Khu phố 1A, phường An Phú, Thuận An, Bình Dương.

6. Đánh giá chất lượng công trình:

6.1 Tài liệu căn cứ để nghiệm thu

Bản vẽ hoàn công công trình.

Hợp đồng kinh tế số 003.2023/HĐTC ngày 03/01/2023

6.2 Chất lượng công trình: đúng theo hồ sơ thiết kế kỹ thuật được duyệt

6.3 Nhà thầu thi công đã hướng dẫn cho nhân viên kỹ thuật của chủ đầu tư: quy trình công nghệ và vận hành hệ thống, các sự cố thường gặp và cách khắc phục. Nhân viên kỹ thuật của chủ đầu tư đã tự vận hành được hệ thống.

6.4 Các ý kiến khác (nếu có):

.....
.....
.....



7. Kết luận:

Chấp nhận bàn giao công trình cho chủ đầu tư và đơn vị tiếp nhận đưa và hoạt động.

CHỦ ĐẦU TƯ & ĐƠN VỊ TIẾP NHẬN SỬ DỤNG



KIM DOO HOON

ĐƠN VỊ THI CÔNG



Văn Việt Việt





Người ký: Sở Tài nguyên và Môi trường
Email: sotnmt@binhduong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bình Dương
Thời gian ký: 29.12.2020 14:03:40
+07:00

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 220 /GP-STNMT

Bình Dương, ngày 29 tháng 12 năm 2020

**GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
(GIA HẠN VÀ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG LẦN 1)**

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị gia hạn và điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 01 tháng 11 năm 2020 của Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn II và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Khí tượng thủy văn tại tờ trình số 450../TTr-TNNKSKTTV ngày 28 tháng 12 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn II, ngành nghề: sản xuất túi xách và túi hành lý, địa chỉ trụ sở chính: số 2A, đường số 8, khu công nghiệp Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: cống thoát nước đường ĐT 743→suối Bung Cù→ suối Cái →sông Đồng Nai;

2. Vị trí xả nước thải: Nhà máy Pung Kook Sài Gòn III, địa chỉ: khu phố 1A, phường An phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

- Tọa độ vị trí điểm đổ ra suối Bung Cù: X:1214408; Y: 0690020;

3. Phương thức xả nước thải: tự chảy;



4. Chế độ xả nước thải: liên tục trong ngày, 24 giờ/ngày đêm;
5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 190m³/ngày đêm;
6. Chất lượng nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý nước thải phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011 /BTNMT, cột A, $k_q = 0,9$; $k_t = 1,1$ đối với các thông số pH, SS, COD, BOD₅, amoni, tổng N, tổng P, coliform, dầu mỡ;
7. Thời hạn của giấy phép: 03 năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn II:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:
 - a) Quan trắc nước thải:

Quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý với các thông số, tần suất, vị trí quan trắc như sau:

 - Vị trí quan trắc: nước thải sau xử lý.
 - Các thông số quan trắc: lưu lượng và chất lượng nước thải với các thông số như quy định tại khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này;
 - Tần suất quan trắc chất lượng nước thải: 03 tháng/lần.
 - Tần suất quan trắc lưu lượng nước thải: 01 ngày/lần.
 - b) Quan trắc nguồn nước tiếp nhận:
 - Vị trí quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận: Một (01) điểm tại suối Bung Cù cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn.
 - Thông số quan trắc: Các thông số pH, TSS, COD, BOD₅, amoni, nitrit, nitrat, photphat, tổng dầu mỡ, coliform theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2.
 - Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.
3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào vượt quá mức quy định của Giấy phép và ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.
4. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.
5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường.
6. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải, các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 của Giấy phép này.



7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước;

Điều 3. Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn II được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép số 14/GP-UBND ngày 05/02/2018 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn II còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn II;
- UBND TP Thuận An;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Ngọc Thúy

Bình Dương, ngày 10 tháng 8 năm 2020

SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 74.000399.T
(Cấp lần 3)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên: Công ty TNHH PungKook Sai Gon II (sát nhập chung với Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn III và Công ty TNHH Joon Sài Gòn).

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: Số 2A, Đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3732715

Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số: 3700379491

Ngày cấp (đăng ký thay đổi lần thứ 11): ngày 06 tháng 01 năm 2020.

Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo danh sách chất thải nguy hại tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Trường hợp tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH thì phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Phụ lục 2 (A) ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và đăng ký trong Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế cho các Sổ đăng ký CTNH có mã số QLCTNH: 74.000399.T cấp lần 2 ngày 24 tháng 4 năm 2015; 74.000306.T cấp thay đổi lần 1 ngày 11 tháng 10 năm 2011; 74.000256.T cấp lần 3 ngày 13 tháng 3 năm 2015.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH PungKook Sai Gon II;
- Lưu: VT, QLCT, Nhiên3.

CHI CỤC TRƯỞNG



Trần Thanh Quang

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 74.000399.T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 3 ngày 10... tháng ... năm 2020)

1. Cơ sở phát sinh CTNH 1 (cấp lại)

Tên: Công ty TNHH PungKook Sai Gon II

Địa chỉ: Số 2A, Đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3732715

1.1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ghi chú
1	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/lỏng	50	08 01 01	Tăng
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	60	08 02 04	-
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/lỏng	360	08 03 01	-
4	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/lỏng	48	13 01 01	-
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	360	16 01 06	-
6	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	220	17 01 06	Bổ sung
7	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	360	17 02 04	Tăng
8	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	Lỏng	300	17 08 03	Bổ sung

9	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	500	18 01 02	Tăng
10	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	360	18 01 03	-
11	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	240	18 02 01	-
12	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	36	19 06 01	-
Tổng khối lượng			2.894 kg		

2. Cơ sở phát sinh CTNH 2 (cấp lại)

Tên: Nhà máy Pungkook SaiGon III (trước đây là Công ty TNHH Pung Kook Sai Gon III)

Điện thoại: 0274.3732999

Địa chỉ: Khu phố 1A, phường An Phú, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

2.1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ghi chú
1	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/lỏng	100	08 01 01	-
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	49	08 02 04	Giảm
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/lỏng	350	08 03 01	Tăng
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý	Bùn	4500	12 06 06	Bổ sung



	nước thải công nghiệp khác				
5	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/lỏng	35	13 01 01	Giảm
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	330	16 01 06	Tăng
7	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	280	17 01 06	Giảm
8	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	360	17 02 04	Giảm
9	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	Lỏng	250	17 08 03	Bổ sung
10	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	450	18 01 02	Giảm
11	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	300	18 01 03	Tăng
12	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	220	18 02 01	Giảm
13	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	30	19 06 01	Giảm
14	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ	Rắn/lỏng/bùn	300	19 12 03	Bổ sung
	Tổng khối lượng		7.554 kg		

3. Cơ sở phát sinh CTNH 3 (cấp lại)

Tên: Nhà máy Joon Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Joon Sài Gòn)

Địa chỉ: Lô 46-51, Đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3737.700

3.1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ghi chú
1	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/lỏng	30	08 01 01	Bổ sung
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	30	08 02 04	Tăng
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/lỏng	350	08 03 01	Bổ sung
4	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/lỏng	24	13 01 01	-
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	300	16 01 06	Tăng
6	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	200	17 01 06	Bổ sung
7	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	500	17 02 04	Tăng
8	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	Lỏng	300	17 08 03	Giảm
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	400	18 01 02	Giảm
10	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	200	18 01 03	Tăng
11	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	200	18 02 01	Giảm
12	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	29	19 06 01	Tăng
Tổng khối lượng			2.563 kg		

SERVICE CONTRACT FOR TREATMENT OF WASTE MATERIALS**HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI**

Contract No. / Hợp Đồng số: 104/GEOS/2023

This Contract for Treatment of Waste Materials (this "Contract") is entered into with effect as of **02/07/2023** (the "Effective Date") by and between:

Hợp Đồng Xử Lý Chất Thải này ("**Hợp Đồng**") được ký kết với hiệu lực từ ngày **02/07/2023** ("**Ngày Hiệu Lực**") bởi và giữa

Waste Treatment**Service Provider:**

Cơ Sở Thực Hiện Dịch
Vụ Xử Lý Chất Thải:

Address:

Địa chỉ:

Tel / Điện thoại:

Fax:

Email:

Thư điện tử:

Tax code

Mã số Thuế:

Bank account:

Tài khoản ngân hàng:

Represented by:

Người đại diện:

Siam City Cement (Vietnam) Limited**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SIAM CITY CEMENT (VIỆT NAM)**

11 Doan Van Bo Street, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City, Vietnam

11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

+84 28 73 017 018

+84 28 73 036 037- 28 73 036 038

Connection-vnm@siamcitycement.com

0300608568

001044460101 at HSBC Bank Viet Nam Ltd

001044460101 tại Ngân hàng HSBC (Việt Nam)

BRUNO FUX

Authorization Letter No. P-23015 dated 01/01/2023

Thư Ủy Quyền số P-23015 ngày 01/01/2023

Position:

INSEE Ecocycle Director

Chức vụ:

Giám Đốc INSEE Ecocycle

(Hereinafter referred to as "**SCC-VN**") / Sau đây được gọi tắt là "**SCC-VN**")

Invoice issuance entity:

Siam City Cement (Vietnam) Limited – Kien Giang Branch

Đơn vị xuất hóa đơn:

Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Siam City Cement (Việt Nam) – Chi nhánh Kiên Giang

0300608568 – 001

Tax Code / Mã số thuế:

Address

Intercity Highway 11, Binh An Ward, Kien Luong District, Kien Giang Province, Vietnam

Địa chỉ:

Liên Tỉnh Lộ 11, Xã Bình An, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

(Hereinafter referred to as "**Plant**") / Sau đây được gọi tắt là "**Nhà máy**")

AND

VÀ

Waste Owner:

Chủ Nguồn Thải

Address:

Địa chỉ:

PUNGKOOK SAI GON TWO CORPORATION

Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Pungkook Sai Gon II

2A Street 8, Song Than 1 Industrial Area, Di An City, Binh Duong

Số 2A, Đường số 8, Khu Công Nghiệp Sóng Thần 1, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Tel / Điện thoại:

Tel: +84 65 03 73 27 15

Fax:

Fax: +84 65 03 73 27 17

Email:

Thư điện tử:

Tax code:

3700379491

Mã số Thuế:

Represented by:

KIM DOO HOON

Người đại diện:

Authorization Letter No..... dated

Thư Ủy Quyền số ngày

Position:

Deputy General Director

Chức vụ:

Phó Tổng Giám đốc

(Hereinafter referred to as the "Client" / Dưới đây được gọi tắt là "Khách Hàng")

(SCC-VN and the Client are hereinafter referred to collectively as the "Parties" and individually as a "Party")

(SCC-VN và Khách Hàng sau đây được gọi chung là "Các Bên" và gọi riêng là "Bên")

WHEREAS:

XÉT RẰNG:

- (1) The Client is the waste owner of certain waste materials, as listed in Annex 1 of this Contract (the "Waste Materials") at the Client's location(s) as listed in Annex 2 of this Contract ("Site(s)"), which the Client wishes to dispose of in an environmentally safe and sound manner.
Khách Hàng hiện là chủ nguồn thải đối với một số các loại chất thải, như được liệt kê tại Phụ Lục 1 của Hợp Đồng này ("Chất Thải") tại (các) địa điểm của Khách Hàng, như được liệt kê tại Phụ Lục 2 của Hợp Đồng này ("Các Địa Điểm"), theo đó Khách Hàng mong muốn xử lý Chất Thải theo cách thức an toàn cho môi trường và con người.
- (2) SCC-VN is an entity having the function to provide waste transport and treatment services including Co-processing services as defined below with regard to Waste Materials in accordance with applicable regulations of Vietnam laws.
SCC-VN là đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải bao gồm dịch vụ Đồng xử lý như được định nghĩa dưới đây đối với Chất Thải theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.
- (3) SCC-VN and the Client mutually agree to enter into this Contract for the provision of waste treatment services including but not limited to co-processing service by SCC-VN with regard to Waste Materials of the Client.
SCC-VN và Khách Hàng đồng ý ký kết Hợp Đồng này để SCC-VN cung cấp dịch vụ xử lý chất thải, bao gồm nhưng không giới hạn dịch vụ Đồng xử lý, đối với Chất Thải của Khách Hàng.

NOW, THEREFORE, the Parties agree as follows:

NAY, DO ĐÓ, Các Bên thỏa thuận như sau:

1. THE CO-PROCESSING SERVICE DỊCH VỤ ĐỒNG XỬ LÝ

- (i) "Co-processing" means the process of loading the Waste Materials into a rotary cement kiln at the Plant so that the Waste Materials shall be completely and safely destroyed with no residual ash due to (1) the extreme temperatures, long residence time and highly alkaline environment in which the Waste Materials are burnt almost-completely and (2) the residual ash resulting from such Co-processing activity, if any, being incorporated into the production of clinker of SCC-VN.
"Đồng xử lý" là quá trình đưa Chất Thải vào trong lò nung xi măng dạng quay tại Nhà máy để chất thải được tiêu hủy hoàn toàn trong điều kiện an toàn, không tạo ra tro dư sau khi xử lý nhờ vào (1) nhiệt độ rất cao, thời gian lưu cháy dài, môi trường kiềm cao nên chất thải bị đốt cháy gần như hoàn toàn và (2) tro hình thành từ hoạt động Đồng xử lý này, nếu còn sót lại, được kết hợp sử dụng trong quá trình sản xuất clinker của SCC-VN.
- (ii) Under this Contract, SCC-VN shall provide the Client with the waste treatment service by Co-processing method with regard to the Client's Waste Materials at the Plant of SCC-VN. Accordingly, SCC-VN will collect the Waste Materials from the Client's Site and transport them to the Plant of SCC-VN for Co-processing.
Theo Hợp Đồng này, SCC-VN sẽ cung cấp cho Khách Hàng dịch vụ xử lý Chất Thải bằng

phương pháp đồng xử lý liên quan đến Chất Thải của Khách Hàng tại Nhà máy của SCC-VN. Theo đó, SCC-VN sẽ thu gom Chất Thải tại Địa điểm của Khách Hàng và vận chuyển các Chất Thải này đến Nhà máy của SCC-VN để tiến hành Đồng xử lý.

- (iii) In case any of the Waste Materials cannot be treated by co-processing service or otherwise agreed by the Client, SCC-VN shall arrange for the same to be treated by other methods by its registered partner (with appropriate license), for which the Client shall enter into an addendum to this Contract with SCC-VN and SCC-VN's partner for the purpose.

Trong trường hợp bất kỳ Chất Thải nào không thể được xử lý bằng dịch vụ đồng xử lý hoặc theo thỏa thuận khác với Khách Hàng, SCC-VN sẽ thu xếp để Chất Thải đó được xử lý bằng các phương pháp khác bởi đối tác đã đăng ký của SCC-VN (có giấy phép phù hợp), và để làm như vậy Khách Hàng sẽ ký kết một phụ lục bổ sung cho Hợp Đồng này với SCC-VN và đối tác của SCC-VN cho mục đích đó.

2. COLLECTION AND TRANSPORTATION THU GOM VÀ VẬN CHUYỂN

- (i) The Client shall provide the Waste Materials to SCC-VN at the agreed Site. The Waste Materials must be contained in the agreed packaging or containers as stipulated in Annex 1.

Khách Hàng sẽ giao Chất Thải cho SCC-VN tại Địa điểm đã thỏa thuận. Chất Thải phải được chứa trong bao bì hoặc vật chứa theo thỏa thuận như được nêu trong Phụ Lục 1.

- (ii) The Client shall provide SCC-VN with prior notice at least (five) working days before SCC-VN collects the Waste Materials, unless otherwise agreed by the Parties. The notice shall include, among other things, the date, time, quantity, type of Waste Materials and place where the collection of the Waste Materials shall occur.

Khách Hàng sẽ thông báo cho SCC-VN chậm nhất 5 (năm) ngày làm việc trước ngày SCC-VN thu gom Chất Thải thực tế, trừ khi có thỏa thuận khác giữa Các Bên. Thông báo sẽ bao gồm, ngày, thời gian, khối lượng, chủng loại Chất Thải, và địa điểm nơi chuyển giao Chất Thải cũng như các lưu ý khác, nếu có.

- (iii) Upon the execution of this Contract, the Client shall provide to SCC-VN with a completed manifest for the Waste Materials as the document listed in Annex 6 (the "Waste Manifest").

Dựa trên việc thực hiện Hợp Đồng này, Khách Hàng sẽ cung cấp cho SCC-VN chứng từ xử lý Chất Thải hoàn chỉnh theo đúng như trong mẫu được liệt kê ở Phụ Lục 6 ("Chứng Từ Chất Thải").

- (iv) The Client shall provide a list of person(s) who are authorized to sign off on the Waste Manifest per the template provided for in Annex 7 (the "Authorized Person(s)").

Khách Hàng sẽ cung cấp một danh sách (những) người chịu trách nhiệm ký duyệt trên các Chứng Từ Chất Thải theo mẫu được nêu trong Phụ Lục 7 ("(Những) Người Chịu Trách Nhiệm").

3. SPECIFICATIONS ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- (i) The Client warrants that Waste Materials to be transferred to SCC-VN shall follow the requirements and limits set forth in the Waste Material Profile under Annex 3 hereof, and shall not including radioactive materials, explosives, PCTs, surgical waste and bio-hazardous materials. In case Waste Materials are not within the Waste Material Profile under Annex 3, samples of the same shall be taken for testing before SCC-VN may offer to accept such Waste Materials for treatment. The Client shall indemnify SCC-VN and any of its sub-contractors for all costs, including but not limited to any liabilities, obligations, damages, claims, fines or charges incurred by, or asserted against SCC-VN or any of its sub-contractors resulting from any misstatement or omission of the Client in the transfer of the Waste Materials pursuant to the Waste Material Profile.

Khách Hàng đảm bảo rằng Chất Thải được chuyển giao cho SCC-VN tuân thủ các yêu cầu và giới hạn được nêu trong Hồ Sơ Chất Thải tại Phụ Lục 3 của Hợp Đồng này, và không bao gồm chất phóng xạ, chất nổ, PCTs, chất thải giải phẫu và các chất nguy hại sinh học. Trong trường hợp Chất Thải không tuân thủ Hồ Sơ Chất Thải tại Phụ Lục 3, Chất Thải sẽ được lấy mẫu để

kiểm nghiệm trước khi SCC-VN có thể đề xuất chấp nhận cung cấp dịch vụ xử lý các Chất Thải này. Khách Hàng sẽ bồi hoàn cho SCC-VN và bất kỳ nhà thầu phụ nào của SCC-VN tất cả chi phí, bao gồm nhưng không giới hạn đối với các trách nhiệm, nghĩa vụ, thiệt hại, khiếu nại, khoản phạt hoặc lệ phí phát sinh hoặc gây ra cho SCC-VN hoặc bất kỳ nhà thầu phụ nào của SCC-VN, do bất kỳ sự sai sót hay thiếu sót nào của Khách Hàng trong việc chuyển giao Chất Thải căn cứ theo Hồ Sơ Chất Thải.

- (ii) SCC-VN may inspect, sample, analyze and/or test any of the Waste Materials according to SCC-VN's internal procedures. At the time of sampling, two identical samples shall be taken. The first sample shall be tested by SCC-VN or an independent third party laboratory of SCC-VN's choosing. If the results of this first test are disputed by the Client, the Client may request a second test with written notice to SCC-VN within 10 (ten) working days of the date the results of the first test are notified to the Client, as determined by SCC-VN. The second sample shall be tested by a licensed testing company, as agreed by the Parties, and the results of this second test shall be accepted as final by the Parties.

SCC-VN có thể kiểm tra, lấy mẫu, phân tích và/hoặc kiểm nghiệm các Chất Thải theo quy trình nội bộ của SCC-VN. Vào thời điểm lấy mẫu, hai mẫu giống nhau sẽ được thu thập. Mẫu thứ nhất sẽ được sử dụng để SCC-VN hoặc một phòng thí nghiệm độc lập bên ngoài do SCC-VN chọn kiểm nghiệm. Nếu kết quả của lần kiểm nghiệm thứ nhất không được Khách Hàng chấp nhận, Khách Hàng có thể yêu cầu kiểm tra lần thứ hai bằng cách gửi thông báo cho SCC-VN trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày SCC-VN thông báo cho Khách Hàng kết quả của lần kiểm tra thứ nhất bởi SCC-VN. Mẫu thứ hai sẽ được kiểm tra bởi công ty kiểm định được cấp phép theo sự thống nhất của Các Bên, và kết quả của lần kiểm tra thứ hai sẽ được Các Bên chấp nhận là kết quả cuối cùng.

- (iii) If, at any time following taking possession of the Waste Materials, SCC-VN discovers that, the Waste Materials do not conform to the information provided in the article 3(i), SCC-VN and Client agreed to solve as follow solutions below:

Nếu, tại bất kỳ thời điểm nào sau khi đã nhận Chất Thải, SCC-VN phát hiện Chất Thải không phù hợp với thông tin được quy định trong Điều 3(i), SCC-VN và Khách Hàng cùng thỏa thuận giải quyết theo một trong các phương án sau:

- (a) SCC-VN shall return some or all of the Waste Materials to the Client, at the Client's costs and SCC-VN shall invoice the Client for any work SCC-VN has undertaken up to that point; or
SCC-VN trả lại một phần hoặc toàn bộ Chất Thải cho Khách Hàng bằng toàn bộ chi phí do Khách Hàng chịu, tính phí và xuất hóa đơn cho Khách Hàng đối với những việc mà SCC-VN đã thực hiện đến thời điểm trả lại Chất Thải; hoặc
- (b) SCC-VN shall accept the non-conforming Waste Materials and shall bring the same into conformance before treatment, of which all additional costs shall be borne by the Client. SCC-VN chấp nhận số Chất Thải không phù hợp này và xử lý để Chất Thải trở nên phù hợp với chi phí phát sinh thêm do Khách Hàng thanh toán.
- (c) Notwithstanding anything in this Article 3(iii), SCC-VN shall provide the Client with an estimate of such cost in points (a) and/or (b) above of this Article 3(iii) prior to charging the additional fee. The Client shall have 5 (five) working days to approve the proposed additional costs. If the Client rejects the additional cost or does not confirm its acceptance to the additional cost with the aforesaid time limit, the Client has [5 (five) days], from the date of its rejection or from the end of the time limit for acceptance of the additional cost, to arrange for the pickup of its Waste Materials at the Client's sole cost. SCC-VN may charge storage fee or arrange for return of Waste Materials to Client in case Client delays the pickup of its Waste Materials without reasonable cause.
Bất kể quy định tại Điều 3(iii) này, trước khi tính thêm bất kỳ chi phí phát sinh được nêu tại điểm (a) và/hoặc (b) kể trên của Điều 3(iii), SCC-VN sẽ thông báo cho Khách Hàng khoản chi phí phát sinh ước tính. Khách Hàng có 5 (năm) ngày làm việc để chấp nhận các chi phí phát sinh được đề xuất. Nếu Khách Hàng từ chối chi phí phát sinh hoặc không chấp nhận chi phí phát sinh trong thời hạn quy định, Khách Hàng sẽ thu xếp để vận chuyển Chất Thải về trong vòng 5 (năm) ngày kể từ ngày từ chối chi phí phát sinh hoặc kể từ ngày kết thúc thời hạn chấp nhận chi phí phát sinh và tự chịu chi phí cho việc

này. SCC-VN có quyền tính phí lưu kho cũng như tự thu xếp hoàn trả Chất Thải trong trường hợp Khách Hàng chậm vận chuyển Chất Thải trở về mà không có lý do chính đáng.

- (iv) If, at any time, the Client discovers or has reason to believe that the Waste Materials present or may present a hazard or risk to persons or the environment which was not disclosed in the Article 3(i), the Client shall notify within 1 (one) working day of becoming aware of such information, to SCC-VN.

Nếu, vào bất kỳ thời điểm nào, Khách Hàng phát hiện hoặc có lý do để tin rằng Chất Thải có hoặc có thể gây hại hoặc rủi ro cho con người hoặc môi trường mà chưa được tiết lộ tại Điều 3(i), Khách Hàng sẽ thông báo về những thông tin đó cho SCC-VN trong vòng 1 (một) ngày làm việc kể từ thời điểm biết được thông tin này.

- (v) If the Client modifies any aspect of its processes, including but not limited to different materials being added to the process, which could result in the Waste Materials not conforming to the Article 3(i), the Client shall immediately, but in any event within 1 (one) working day of becoming aware of such information, notify SCC-VN of any such changes.

Nếu Khách Hàng điều chỉnh bất cứ khía cạnh nào trong quy trình của mình, bao gồm nhưng không giới hạn ở các nguyên liệu khác nhau được đưa vào quy trình mà việc điều chỉnh này có thể tác động lên Chất Thải đến mức Chất Thải không còn phù hợp với Điều 3(i), thì Khách Hàng sẽ ngay lập tức thông báo cho SCC-VN về những thay đổi đó trong vòng 1 (một) ngày làm việc kể từ thời điểm biết được thông tin này.

4. PRICE AND PAYMENT GIÁ CẢ VÀ THANH TOÁN

Price and payment term for this Contract are stipulated in Annex 4 and Annex 5 respectively of the Contract.

Giá cả và điều khoản thanh toán đối với Hợp Đồng này được quy định tương ứng tại Phụ Lục 4 và Phụ Lục 5 của Hợp Đồng.

5. SAFETY AN TOÀN

- (i) SCC-VN shall ensure that its staff and any sub-contractors:
SCC-VN đảm bảo rằng nhân viên của mình và bất kỳ nhà thầu phụ của mình:

- (a) Comply with the Client's occupational health and safety rules, Site access controls, and other general practices and procedures which are properly communicated in writing to SCC-VN immediately following the date of this Contract, or at least 3 (three) days prior to the proposed date on which SCC-VN is to pick up the Waste Materials;

Tuân thủ các quy định về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, việc kiểm soát ra vào Địa điểm và các thông lệ và thủ tục khác của Khách Hàng đã được thông báo bằng văn bản cho SCC-VN ngay sau khi ký Hợp Đồng này, hoặc tối thiểu là 3 (ba) ngày trước ngày SCC-VN dự kiến thu gom Chất Thải;

- (b) Use occupational health and safety equipment, tools and any devices that are required by the Client or applicable Vietnamese law; and

Sử dụng những thiết bị, công cụ và máy móc về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp do Khách Hàng yêu cầu hoặc theo quy định của Pháp luật Việt Nam; và

- (c) Comply with all health and safety measures implemented at the Site or required by applicable Vietnamese law.

Tuân thủ tất cả các biện pháp đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp tại Địa điểm hoặc theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- (ii) The Client shall ensure that the Site complies with all applicable Vietnamese laws and is free from all risks and dangers while SCC-VN's personnel and sub-contractors are at the Client's Site to perform this Contract. The Client shall indemnify SCC-VN, its personnel and sub-contractors against any and all liabilities, obligations, losses, damages, penalties, actions, costs

and expenses of any kind which may be imposed on, incurred by, or asserted against SCC-VN relating to or arising out of this Contract through the Client's negligence or misconduct.

Khách Hàng đảm bảo rằng Địa điểm của mình tuân thủ tất cả quy định pháp luật Việt Nam, không có rủi ro và nguy hiểm trong khi nhân viên và nhà thầu phụ của SCC-VN đang thực hiện công việc theo Hợp Đồng này tại Địa điểm của Khách Hàng. Khách Hàng sẽ bồi hoàn cho SCC-VN, nhân viên và nhà thầu phụ của SCC-VN bất kỳ và tất cả các trách nhiệm, nghĩa vụ, tổn thất, thiệt hại, tiền phạt, kiện tụng, chi phí và bất kỳ phí tổn khác có thể được áp dụng cho SCC-VN, do SCC-VN chịu, hoặc được đòi hỏi đối với SCC-VN liên quan đến hoặc bắt nguồn từ sự bất cẩn hay sai phạm của Khách Hàng.

- (iii) In addition to complying with all applicable Vietnamese laws, the Client shall provide and maintain other safeguards for the protection of SCC-VN's personnel and any of its sub-contractors at the Client's the Site and on the access routes to and from the Site and make SCC-VN and its sub-contractors aware of all applicable safety procedures.

Bên cạnh việc tuân thủ tất cả quy định của pháp luật Việt Nam, Khách Hàng sẽ cung cấp và duy trì các biện pháp bảo vệ để bảo vệ cho nhân viên và các nhà thầu phụ của SCC-VN tại Địa điểm của Khách Hàng cũng như lối ra vào Địa điểm của Khách Hàng và thông báo cho SCC-VN và các nhà thầu phụ của SCC-VN biết về các thủ tục an toàn được áp dụng.

6. **FORCE MAJEURE BẤT KHẢ KHÁNG**

- (i) Force majeure event means any event or circumstance or series of events, circumstances beyond the control of the Party making such Party can't perform all or part of their responsibilities under this Contract including but not limited to: natural disasters, floods, epidemics, wars, fires, explosion, accident, riots or sabotages, strikes, national defense requirements, court order, changes in legislation, changes of laws, policies and other provisions of the State, breakage or failure of machinery or apparatus which are directly related to the implementation of current Contract ("**Force Majeure Event**"). The difficulties in manufacturing, if it is not a result of a Force Majeure Event, does not release the Parties from the responsibility of this Contract performance or the appropriate reasons for the delay or prolong the performance of its obligations under the Contract.

*Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện hay hoàn cảnh nào hoặc tập hợp của các sự kiện, hoàn cảnh nào vượt ra ngoài sự kiểm soát của bất kỳ Bên nào làm cho Bên đó không thể thực hiện một phần hay toàn bộ trách nhiệm của mình theo Hợp Đồng bao gồm nhưng không hạn chế ở: thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, chiến tranh, hỏa hoạn, cháy nổ, tai nạn, bạo động hoặc phá hoại, đình công, các yêu cầu về quốc phòng, lệnh cấm của tòa, sự thay đổi của luật pháp, thay đổi chính sách và các quy định khác có tính chất tương tự của Nhà nước, sự hư hỏng của máy móc hoặc thiết bị liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Hợp Đồng ("**Sự kiện bất khả kháng**"). Những khó khăn về sản xuất, nếu không xuất phát từ Sự kiện bất khả kháng, sẽ không giải phóng Các Bên khỏi trách nhiệm thực hiện Hợp Đồng hay là lý do chính đáng để Các Bên trì hoãn hoặc kéo dài việc thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng.*

- (ii) The Party that meets Force Majeure Event must notify the other Party within a period not exceeding 3 (three) days from the date of the Force Majeure Event. In case the affected Party of the Force Majeure Event does not notify within the time limit, the situation will not be accepted as Force Majeure and the Party affected by Force Majeure Event will not be absolved due to Force Majeure Event. If any Party affected by a Force Majeure Event, the obligations such Party will be suspended during the Force Majeure Event occurs, plus a reasonable time to remedy the consequences of Force Majeure Event. The Party affected by Force Majeure Event shall use reasonable efforts to remedy the effects of Force Majeure or mitigate the consequences of that impact in the shortest time possible.

Bên gặp phải Sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho Bên kia biết trong thời hạn không quá 3 (ba) ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng. Nếu quá thời hạn trên mà Bên bị ảnh hưởng bởi Sự kiện bất khả kháng không có thông báo thì sự kiện đó sẽ không được chấp nhận là Sự kiện bất khả kháng và Bên bị ảnh hưởng bởi Sự kiện bất khả kháng sẽ mất quyền miễn trách nhiệm do Sự kiện bất khả kháng. Trường hợp có bất kỳ Bên nào bị ảnh hưởng bởi Sự kiện bất khả kháng thì nghĩa vụ thực hiện Hợp Đồng của Bên đó sẽ được tạm dừng trong thời gian xảy ra Sự kiện bất khả kháng cộng với thời gian hợp lý để khắc phục hệ quả của Sự kiện bất khả kháng. Bên bị ảnh hưởng bởi Sự kiện bất khả kháng có trách nhiệm sử dụng những nỗ lực

hợp lý để khắc phục những ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng hoặc làm giảm nhẹ hệ quả của ảnh hưởng đó trong thời gian sớm nhất có thể.

7. CONFIDENTIALITY TÍNH BẢO MẬT

SCC-VN and the Client shall treat as confidential property and shall not disclose to any third parties during or subsequent to the term of this Contract, except when it is necessary to perform this Contract (and then only on a confidential basis satisfactory to the Parties), any information (including the technical information, experiences of data) on plans, programs, factories, process, products, cost, equipment, activities or clients of a Party which may come within the knowledge of the Parties, their officers or their personnel during the performance of this Contract, without the prior written consent of such Party for each case. SCC-VN and the Client shall keep confidential the contents of this Contract and shall not disclose to others, except as required by law, the contents of this Contract.

SCC-VN và Khách Hàng sẽ bảo mật và không tiết lộ cho bất cứ bên thứ ba nào trong hoặc sau thời hạn Hợp Đồng này, trừ khi cần thiết để thực hiện Hợp Đồng này (nhưng trong trường hợp này chỉ trên cơ sở bảo mật thỏa đáng đối với Các Bên), bất kỳ thông tin (kể cả mọi thông tin về kỹ thuật, kinh nghiệm, hoặc dữ liệu) về kế hoạch, chương trình, nhà máy, quy trình, sản phẩm, chi phí, thiết bị, hoạt động hoặc khách hàng của một Bên mà Các Bên, nhân viên hoặc công nhân của Các Bên được biết khi thực hiện Hợp Đồng này, nếu không được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên đó trong mỗi trường hợp. SCC-VN và Khách Hàng cũng sẽ bảo mật nội dung của Hợp Đồng này và không tiết lộ cho bất cứ ai khác biết, trừ khi được luật pháp yêu cầu.

8. TERM AND TERMINATION OF THE CONTRACT THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- (i) This Contract shall be effective from the Effective Date and shall continue to have full force until **02nd July 2024** ("Term").

Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ Ngày Hiệu Lực và tiếp tục giữ nguyên giá trị đến hết ngày **02.07.2024** ("Thời Hạn").

- (ii) The Contract shall be automatically terminated upon expiry of the Term of the Contract, or as otherwise agreed in writing between the Parties.

Hợp Đồng này sẽ tự động chấm dứt khi kết thúc Thời Hạn của Hợp Đồng, hoặc theo thỏa thuận khác bằng văn bản giữa Các Bên.

- (iii) The Contract shall also be automatically terminated in the case a Party dissolves; bankrupts; temporarily or permanently suspends of business activities, or is revoked the operation license(s), cannot maintain the operation license(s) directly relevant to the implementation of this Contract.

Hợp Đồng này cũng sẽ tự động chấm dứt trong trường hợp một Bên giải thể, phá sản; ngừng hoặc tạm ngừng hoạt động kinh doanh, hoặc bị rút giấy phép hoạt động, không thể duy trì giấy phép hoạt động liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Hợp Đồng này.

- (iv) Each Party has the right to unilaterally terminate the Contract by sending a written notice to the other Party on the termination:

Mỗi Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn bằng cách gửi thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc chấm dứt:

- (a) at least 30 (thirty) days before the proposed termination date, or trước ngày dự kiến chấm dứt ít nhất 30 (ba mươi) ngày, hoặc
(b) in the event that the Party affected by Force Majeure Event cannot remedy the effects of Force Majeure Event or mitigate the consequences of that impact within 30 (thirty) days from the date of the Force Majeure Event.

trong trường hợp Bên bị ảnh hưởng bởi Sự kiện bất khả kháng không thể khắc phục những ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng hoặc làm giảm nhẹ hệ quả của ảnh hưởng đó để tiếp tục thực hiện Hợp Đồng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng.

- (v) SCC-VN has the right to unilaterally terminate the Contract forthwith by sending a written notice to the Client if the Client violates any provision of this Contract but does not recover within 15 (fifteen) days from the date the Client receiving SCC-VN's notice on the violations and remedy request.

SCC-VN có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Khách Hàng nếu Khách Hàng vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này nhưng không khắc phục trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Khách Hàng nhận được thông báo của SCC-VN về vi phạm và yêu cầu khắc phục vi phạm.

9. GOVERNING LAW AND DISPUTE RESOLUTION LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- (i) This Contract shall be governed by and construed in accordance with the laws of Vietnam.
Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật Việt Nam.
- (ii) In the event of any dispute arising with respect to any matter or issue arising out of or relating to this Contract or to any rights, duties or obligations of the Parties herein ("**Dispute**"), the Parties shall make their best efforts to resolve such Dispute amicably and fairly by negotiation or conciliation. If the Parties fail to resolve such Dispute by negotiation or conciliation within 90 (ninety) days from the date of a written notice on such Dispute given by one Party to the other Party, either Party may submit such Dispute to the competent court in Vietnam for final resolution.

*Trong trường hợp phát sinh tranh chấp về bất cứ vấn đề nào phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp Đồng này hay đến các quyền, trách nhiệm, hoặc nghĩa vụ của Các Bên trong Hợp Đồng này ("**Tranh chấp**"), Các Bên sẽ nỗ lực tối đa để giải quyết (những) Tranh Chấp này một cách công bằng và thân thiện thông qua thương lượng, đàm phán hoặc hòa giải. Nếu Các Bên không giải quyết được Tranh chấp đó thông qua thương lượng, đàm phán hoặc hòa giải trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Tranh chấp được thông báo bằng văn bản bởi một Bên cho Bên kia, thì bất kỳ Bên nào cũng có quyền đưa Tranh chấp đó ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam để giải quyết chung cuộc.*

10. OTHER PRIVISIONS CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- (i) Each Party shall bear its own costs and expenses in relation to the execution hereunder and implementation of its rights and obligations hereunder.
Mỗi Bên sẽ chịu mọi phí tổn và chi phí liên quan đến việc ký kết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này.
- (ii) This Contract, together with all attachments and annexes, embodies the entire agreement between the Parties with respect to the subject matter of this Contract and supersedes all prior agreements between the Parties on this subject matter.
Hợp Đồng này cùng với tất cả các tài liệu đính kèm và phụ lục, thể hiện toàn bộ thỏa thuận giữa Các Bên về vấn đề chính của Hợp Đồng này và thay thế tất cả các thỏa thuận trước đây giữa Các Bên về vấn đề này.
- (iii) Neither Party may assign or transfer any of its rights and/or obligations hereunder to a third party without written consent of the other Party.
Không Bên nào được chuyển nhượng hay chuyển giao bất kỳ quyền và/hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này cho một bên thứ ba nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.
- (iv) This Contract shall not be amended, varied or altered except by mutual agreement in writing by the Parties.
Hợp Đồng này sẽ không được chỉnh sửa, thay đổi hoặc sửa đổi trừ khi có thỏa thuận chung bằng văn bản của Các Bên.
- (v) Any notice or communication under this Contract must be in writing and sent via personal delivery, courier service, registered mail, or by email to the designated address of the other Party and shall be deemed given on the date of delivery.

Bất kỳ thông báo hoặc thông tin liên lạc nào theo Hợp Đồng này phải được thực hiện bằng văn bản và được gửi bằng thư tay, dịch vụ phát chuyển nhanh, thư bảo đảm, hoặc bằng email đến địa chỉ được chỉ định của Bên kia và sẽ được xem là đã gửi vào ngày thực giao.

- (vi) No Party shall be deemed to have waived any provision of this Contract or the exercise of any rights held under this Contract unless such waiver is made expressly and in writing. Waiver by any Party of a breach or violation of any provision hereof shall not constitute a waiver of any other subsequent breach or violation.
Không Bên nào được xem là đã bỏ qua bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này hoặc việc thực thi bất kỳ quyền nào có được theo Hợp Đồng này trừ khi việc bỏ qua đó được thể hiện rõ ràng và bằng văn bản. Việc một Bên bỏ qua một vi phạm đối với bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này sẽ không được xem là dẫn đến việc bỏ qua bất kỳ vi phạm nào khác sau đó.
- (vii) Any term or provision of this Contract, which becomes invalid or unenforceable, shall be ineffective only to the extent of such invalidity or unenforceability without rendering the remainder of this Contract unenforceable or invalid.
Bất cứ điều khoản hay quy định nào trong Hợp Đồng này khi trở nên không có giá trị pháp lý hoặc vô hiệu thì chỉ trở nên không có hiệu lực đối với nội dung không có giá trị pháp lý hoặc vô hiệu mà không ảnh hưởng đến giá trị pháp lý hoặc hiệu lực của các điều khoản khác của Hợp Đồng.
- (viii) This Contract is made in English and Vietnamese and signed by the Parties in 2 (two) original copies, with the equal validity. Each Party keeps 1 (one) original copy. In the event of any inconsistency between the two language versions, the Vietnamese version shall prevail.
Hợp Đồng này được lập bằng tiếng Anh và tiếng Việt và được Các Bên ký thành 2 (hai) bản chính, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 1 (một) bản chính. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa hai ngôn ngữ, nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

Waste Treatment Service Provider
Cơ Sở Thực Hiện Dịch Vụ Xử Lý Chất Thải
For and on behalf of SCC-VN
Thay mặt và đại diện cho SCC-VN



BRUNO FUX
INSEE Ecocycle Director
Giám Đốc INSEE Ecocycle

Waste Owner
Chủ Nguồn Thải
For and on behalf of the Client
Thay mặt và đại diện cho Khách Hàng



KIM ĐOO HOON
Deputy General Director
Phó Tổng Giám đốc

Annex 1
Phụ Lục 1
Waste Materials Type & Packaging Condition
Loại Chất Thải & Điều kiện đóng gói

Note: Hazardous Waste Codes written below shall be (1) as per the List of hazardous waste, industrial waste subject to control and ordinary industrial solid waste stipulated in Form 01 of Appendix III enclosed to Circular 02/2022/TT-BTNMT and (2) as per SCC-VN's internal SAP system.

Lưu ý: Mã Chất Thải Nguy Hại được ghi dưới đây theo (1) Danh mục chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp cần kiểm soát và chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại Mẫu 1 Phụ Lục III Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và (2) hệ thống SAP nội bộ của SCC-VN.

No.	Waste on invoice	Waste description	HWZ Code	Packaging Condition	Estimated Quantity
STT	Tên xuất hóa đơn	Mô tả loại chất thải	Mã CTNH	Điều kiện đóng gói	KL ước tính (kg/năm)
1	Vải thải	SCRAPPED FABRIC WASTE	30500000075	Bulk – SCC-VN receives at Thanh Phuoc Port	240,000
		Vải vụn, chỉ vụn, giấy bóng dán, dây dai, ... không tái chế ngành may mặc không lẫn chỉ, kim loại, và các chất thải nguy hại khác	Non- Haz	Xả – SCC-VN tiếp nhận tại cảng Thanh Phước	
2	Giẻ thải	CONTAMINATED RAGS	30500000062	Jumbo/ Drum - supplied by SCC-VN	80
		Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	Jumbo/ Phuy - SCC-VN cung cấp	
3	Bao bì thải cứng	HARD PACKAGING WASTE	305000000127	Jumbo - supplied by SCC-VN	130
		Thùng nhựa đựng dầu nhớt dầu máy thải, thùng đựng sơn thải	18 01 03	Jumbo - SCC-VN cung cấp	
4	Mực in thải	INK WASTE	305000000086	Drum - supplied by SCC-VN	10
		Hộp mực in photo thải	08 02 04	Phuy - SCC-VN cung cấp	
5	Dầu/nhớt thải	USED OIL	305000000066	Drum - supplied by SCC-VN	20
		Dầu nhớt thải, dầu thủy lực tổng hợp thải	17 02 04 17 01 06	Phuy - SCC-VN cung cấp	
6	Sơn thải rắn	SOLID PAINT WASTE	305000000120	Drum/ Jumbo-supplied by SCC-VN	100
		Sơn thải	08 01 01	Phuy/ Bao Jumbo - SCC-VN cung cấp	

7	Keo thải	COLLOID WASTE	30500000078	Drum-supplied by SCC-VN	100
		<i>Keo thải</i>	<i>08 03 01</i>	<i>Phuy - SCC-VN cung cấp</i>	
8	Bóng đèn	FLUORESCENT LAMPS	90500000305	Drum-supplied by SCC-VN	60
		<i>Bóng đèn huỳnh quang</i>	<i>16 01 06</i>	<i>Phuy - SCC-VN cung cấp</i>	
9	Bao bì thải (chuyển nhà thầu phụ)	CONTAMINATED PACKAGING WASTE-BYPASS	90500000307	Jumbo -supplied by SCC-VN/ Bulk	200
		<i>Bao bì cứng bằng kim loại (Thùng đựng keo dán thải)</i>	<i>18 01 02</i>	<i>Bao Jumbo-SCC-VN cung cấp/ Xả</i>	
10	Pin, ắc-quy thải	BATTERY WASTE	90500000313	Drum/Jumbo-supplied by SCC-VN	50
		<i>Pin, ắc quy chì thải</i>	<i>19 06 01</i>	<i>Phuy/Bao Jumbo-SCC-VN cung cấp</i>	
11	Rác thải y tế chuyển nhà thầu phụ xử lý	BYPASS-HEALTH CARE WASTE	90500000315	Special Bag-supplied by SCC-VN	20
		<i>Rác thải y tế</i>	<i>13 01 01</i>	<i>Bao bì đặc biệt - SCC-VN cung cấp</i>	
12	Kính thải	GLASS WASTE	30500000136	Drum-supplied by SCC-VN	50
		<i>Kính vỡ trong quá trình bảo trì nhà máy</i>	<i>Non - Haz</i>	<i>Phuy-SCC-VN cung cấp</i>	
13	Hỗn hợp chất thải (không nguy hại)	MISC - NON HAZ	30500000070	PE/Jumbo-supplied by SCC-VN	20
		<i>Băng keo thải</i>	<i>Non - Haz</i>	<i>Bao PE/Bao Jumbo-SCC-VN cung cấp</i>	



Annex 2
Phụ Lục 2
Địa Điểm Thu Gom Chất Thải
Waste Materials Collection Site

The Client's business: The Client is carrying out the business of manufacturing garment
Ngành nghề kinh doanh của Khách Hàng: Khách Hàng hiện đang hoạt động sản xuất may mặc

The Client is the waste owner and sole generator of the Waste Materials to be delivered to SCC-VN for treatment hereunder.

Khách Hàng là chủ nguồn thải và là đơn vị duy nhất làm phát sinh toàn bộ Chất Thải được giao cho SCC-VN để xử lý theo Hợp Đồng này.

The Client wishes SCC-VN to come and collect the Waste Materials at the following Site(s):
Khách Hàng mong muốn SCC-VN đến và thu gom Chất Thải tại (các) Địa Điểm sau:

Quarter 1A, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province, Vietnam
Khu phố 1A, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

To clarify, in case the Client requests SCC-VN to come and collect Waste Materials at a location other than those listed herein, such location will then be considered as a Site of the Client, which will be mentioned by an agreement between two parties. For the purpose of this Contract and the Client is required to ensure safety for SCC-VN staffs or its contractors in accordance with Article 5 (ii) and (iii) hereof.

Để làm rõ, trong trường hợp Khách Hàng yêu cầu SCC-VN đến thu gom Chất Thải tại một nơi không phải được liệt kê ở đây, nơi đó sẽ được xem là một Địa Điểm của Khách Hàng và sẽ được bổ sung bằng văn bản theo thỏa thuận giữa hai bên. Vì mục đích của Hợp Đồng này và Khách Hàng phải đảm bảo an toàn cho nhân viên và/hoặc nhà thầu của SCC-VN theo quy định tại Điều 5(ii) và (iii) của Hợp Đồng này.

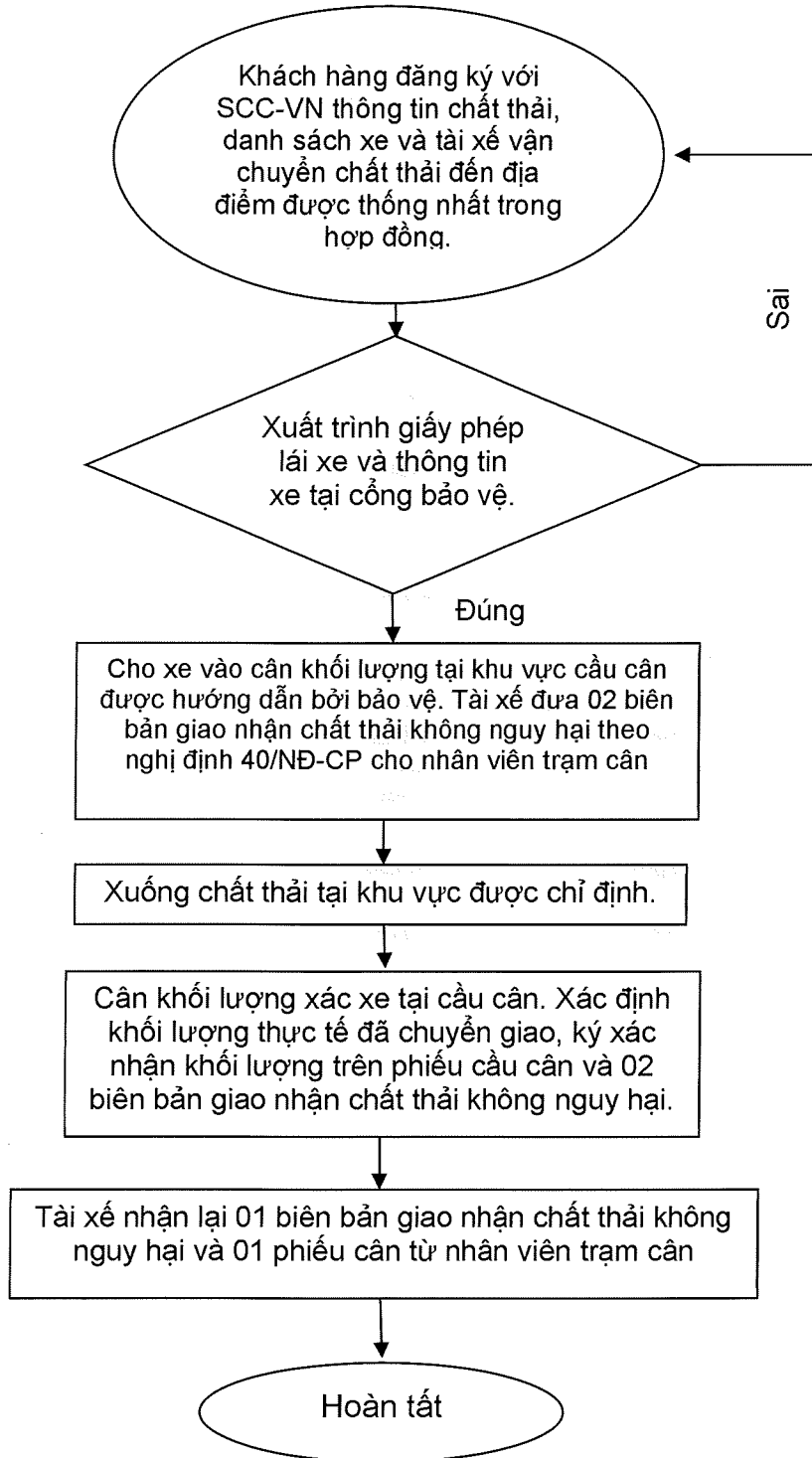
(*) Scrapped fabric waste will be unloaded by the costumer and transfer to SCC-VN station at Thanh Phuoc Port. (207, DT747 Street, Thanh Phuoc Ward, Tan Uyen, Binh Duong) as below:

Vải thải sẽ được khách hàng bốc dỡ và chuyển giao cho SCC-VN tại cảng Thạnh Phước (địa chỉ: Số 207, đường DT747, phường Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương) theo quy trình sau:

Work Flow To Transfer The Waste / Quy Trình Chuyển Giao Và Tiếp Nhận Chất Thải

WORK FLOW TO TRANSFER THE WASTE / QUY TRÌNH CHUYỂN GIAO VÀ TIẾP NHẬN CHẤT THẢI

QUY TRÌNH



NGƯỜI PHỤ TRÁCH

Đại diện khách hàng
Đại diện SCC-VN

Tài xế của khách hàng
Bảo vệ khu vực tiếp nhận chất thải

Tài xế của khách hàng
Bảo vệ khu vực tiếp nhận chất thải
Nhân viên trạm cân

Tài xế của khách hàng

Tài xế của khách hàng
Bảo vệ khu vực tiếp nhận chất thải

Tài xế của khách hàng
Bảo vệ khu vực tiếp nhận chất thải

Annex 3
Phụ Lục 3
General Waste Material Profile
Hồ Sơ Chất Thải Chung

Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Limit / Giới hạn
pH / Độ pH		4 – 12
Chlorine [Cl]	%	< 3
Sulfur [S]	%	< 3
Fluorine [F]	%	< 1
Mercury [Hg]	ppm	< 10
Thallium [Tl]	ppm	< 50
Arsenic [As]	ppm	< 100
Antimony [Sb]	ppm	< 1.000
Chromium [Cr]	ppm	< 1.000
Cadmium [Cd]	ppm	< 100
Copper [Cu]	ppm	< 1.000
Lead [Pb]	ppm	< 1.000
Zinc [Zn]	ppm	< 15.000
Nickel [Ni]	ppm	< 1.000

Annex 4
Phụ Lục 4
Co-processing Service Price
Phí Dịch vụ Đồng xử lý

Note: Hazardous Waste Codes written below shall be (1) as per the List of hazardous waste, industrial waste subject to control and ordinary industrial solid waste stipulated in Form 01 of Appendix III enclosed to Circular 02/2022/TT-BTNMT and (2) as per SCC-VN's internal SAP system.

Lưu ý: Mã Chất Thải Nguy Hại được ghi dưới đây theo (1) Danh mục chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp cần kiểm soát và chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại Mẫu 1 Phụ Lục III Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và (2) hệ thống SAP nội bộ của SCC-VN

No.	Waste on invoice	Waste description	HW Code	Packaging Condition	Estimated Quantity	Unit Price
STT	Tên xuất hóa đơn	Mô tả loại chất thải	Mã CTNH	Điều kiện đóng gói	KL ước tính (kg/năm)	Đơn giá (VND/kg)
1	Vải thải	SCRAPPED FABRIC WASTE	30500000075	Bulk – SCC-VN receives at Thanh Phuoc Port	240,000	850(*)
		Vải vụn, chỉ vụn, giấy bóng dán, dây dai, ... không tái chế ngành may mặc không lẫn chỉ, kim loại, và các chất thải nguy hại khác	Non- Haz	Xả – SCC-VN tiếp nhận tại cảng Thanh Phước		
2	Giẻ thải	CONTAMINATED RAGS	30500000062	Jumbo/ Drum - supplied by SCC-VN	80	11.800.000 VND/ chuyển thu gom kết hợp Hoặc 18.600.000 VND/ chuyển thu gom độc lập
		Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	Jumbo/ Phuy - SCC-VN cung cấp		
3	Bao bì thải cứng	HARD PACKAGING WASTE	30500000127	Jumbo - supplied by SCC-VN	130	
		Thùng nhựa đựng dầu nhớt dầu máy thải, thùng đựng sơn thải	18 01 03	Jumbo - SCC-VN cung cấp		
4	Mực in thải	INK WASTE	30500000086	Drum - supplied by SCC-VN	10	
		Hộp mực in photo thải	08 02 04	Phuy - SCC-VN cung cấp		
5	Dầu/nhớt thải	USED OIL	30500000066	Drum - supplied by SCC-VN	20	
		Dầu nhớt thải, dầu thủy lực tổng hợp thải	17 02 04 17 01 06	Phuy - SCC-VN cung cấp		

6	Sơn thải rắn	SOLID PAINT WASTE	30500000120	Drum/ Jumbo-supplied by SCC-VN	100	11.800.000 VND/ chuyến thu gom kết hợp Hoặc 18.600.000 VND/ chuyến thu gom độc lập
		Sơn thải	08 01 01	Phuy/ Bao Jumbo - SCC-VN cung cấp		
7	Keo thải	COLLOID WASTE	30500000078	Drum-supplied by SCC-VN	100	
		Keo thải	08 03 01	Phuy - SCC-VN cung cấp		
8	Bóng đèn	FLUORESCENT LAMPS	90500000305	Drum-supplied by SCC-VN	60	
		Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Phuy - SCC-VN cung cấp		
9	Bao bì thải (chuyển nhà thầu phụ)	CONTAMINATED PACKAGING WASTE-BYPASS	90500000307	Jumbo - supplied by SCC-VN/ Bulk	200	
		Bao bì cứng bằng kim loại (Thùng đựng keo dán thải)	18 01 02	Bao Jumbo-SCC-VN cung cấp/ Xả		
10	Pin, ắc-quy thải	BATTERY WASTE	90500000313	Drum/Jumbo-supplied by SCC-VN	50	
		Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Phuy/Bao Jumbo-SCC-VN cung cấp		
11	Rác thải y tế chuyển nhà thầu phụ xử lý	BYPASS-HEALTH CARE WASTE	90500000315	Special Bag-supplied by SCC-VN	20	
		Rác thải y tế	13 01 01	Bao bì đặc biệt - SCC-VN cung cấp		
12	Kính thải	GLASS WASTE	30500000136	Drum-supplied by SCC-VN	50	
		Kính vỡ trong quá trình bảo trì nhà máy	Non - Haz	Phuy-SCC-VN cung cấp		
13	Hỗn hợp chất thải (không nguy hại)	MISC - NON HAZ	30500000070	PE/Jumbo-supplied by SCC-VN	20	
		Băng keo thải	Non - Haz	Bao PE/Bao Jumbo-SCC-VN cung cấp		

a. Combining pickup: 11,800,000 VND/ pickup/ Thu gom kết hợp: 11.800.000 VND/ chuyến

If the Customer wants a combined collecting trip with another factory, the cost for the trip will be 11,800,000 VND/ pickup. The Customer shall notify SCC-VN about the expected date for collecting, SCC-VN will double check and combine the pickup, then confirm the exact date with the Customer. If the trip cannot be combined, SCC-VN will inform Customer to switch to individual collecting option (Non-combining pickup).

Nếu khách hàng sử dụng dịch vụ thu gom kết hợp, chi phí thu gom mà khách hàng sẽ chi trả cho 1 chuyến thu gom là 11.800.000 VND/chuyến. Khách hàng sẽ thông báo khoảng thời gian muốn thu gom cho SCC-VN, SCC-VN sẽ kiểm tra và kết hợp chuyến thu gom, sau đó sẽ báo lại thời gian thu gom cụ

thể cho phía Khách hàng. Trong trường hợp không thể kết hợp được chuyển thu gom với công ty khác, SCC-VN sẽ thông báo cho Khách hàng để chuyển sang phương án thu gom độc lập.

The waste quantity should not be more than 850 kgs/ pickup (Included maximum 300 kgs of Fluorescent lamps, Health Care Waste, Battery Waste, Contaminated Packaging Waste - Bypass).

Tổng khối lượng chất thải chuyển giao trong chuyến là 850 kg/chuyến (bao gồm tối đa 300 kg Bóng đèn thải, chất thải y tế, pin ắc quy thải, bao bì chuyển nhà thầu phụ)

Extra fee:

- 8,400 VND/kg applied for the waste which SCC- VN treats from 551 kgs.
- 35,000 VNĐ/kg applied for the quantity of Fluorescent lamps, Health Care Waste, Battery Waste, Contaminated Packaging Waste - Bypass from 301 kg

Chi phí phát sinh:

- 8.400 VND/kg từ 551 kg trở lên với những chất thải do SCC-VN xử lý
- 35.000 VND/kg từ 301 kg trở lên với chất thải chuyển giao cho nhà thầu phụ xử lý (Bóng đèn thải, chất thải y tế, pin - ắc quy thải, bao bì thải chuyển cho nhà thầu phụ xử lý)

b. Non-combining pickup: 18,600,000 VND/ pickup/ Thu gom độc lập: 18.600.000 VND/ chuyến

The waste quantity should not be more than 1,700 kgs/ pickup (included maximum 600 kgs of Fluorescent lamps, Health Care Waste, Battery Waste, Contaminated Packaging Waste - Bypass).

Tổng khối lượng chất thải chuyển giao trong chuyến là 1.700 kg/chuyến (bao gồm tối đa 600 kg bóng đèn thải, chất thải y tế, pin ắc quy thải, bao bì chuyển nhà thầu phụ)

Extra fee:

- 8,400 VND/kg applied for the waste which SCC- VN treats from 1101 kgs.
- 35,000 VNĐ/kg applied for the quantity of Fluorescent lamps, Health Care Waste, Battery Waste, Contaminated Packaging Waste - Bypass from 601 kgs

Chi phí phát sinh:

- 8.400 VND/kg từ 1101 kg trở lên với những chất thải do SCC-VN xử lý,
- 35.000 VND/kg từ 601 kg trở lên với chất thải chuyển giao cho nhà thầu phụ xử lý (Bóng đèn thải, chất thải y tế, pin - ắc quy thải, bao bì thải chuyển cho nhà thầu phụ xử lý)

**SUPPLEMENT SERVICE FEE
CHI PHÍ DỊCH VỤ PHÁT SINH**

The following packaging cost applies if the number of packages delivered by SCC-VN is greater than the number of packages received from Client.

Chi phí bao bì bên dưới được áp dụng trong trường hợp số lượng bao bì do SCC-VN giao lớn hơn số lượng bao bì nhận về từ Khách Hàng.

No	Billing Name	Description	Unit	Amount
STT	Tên xuất hóa đơn	Mô tả loại dịch vụ phát sinh	Đơn vị	Thành tiền (VNĐ)
1	Supplement service fee Chi phí dịch vụ phát sinh	If not collect enough 2 trips/year Nếu không thu gom đủ 2 chuyến/năm	Trip Chuyến	11,800,000 VND x Trip 11.800.000 VNĐ x Chuyến

2	Supplement service fee <i>Chi phí dịch vụ phát sinh</i>	Jumbo bag cost <i>Chi phí bao Jumbo</i>	Item <i>Cái</i>	160,000 x Jumbo bag <i>160.000 x bao Jumbo</i>
3	Supplement service fee <i>Chi phí dịch vụ phát sinh</i>	Large Iron Drum cost <i>Chi phí Phuy sắt nắp lớn</i>	Item <i>Cái</i>	290,000 x Drum <i>290.000 x Phuy</i>
4	Supplement service fee <i>Chi phí dịch vụ phát sinh</i>	Small Iron Drum cost <i>Chi phí Phuy sắt nắp nhỏ</i>	Item <i>Cái</i>	320,000 x Drum <i>320.000 x Phuy</i>
5	Supplement service fee <i>Chi phí dịch vụ phát sinh</i>	Plastic Drum cost <i>Chi phí Phuy nhựa</i>	Item <i>Cái</i>	480,000 x Drum <i>480.000 x Phuy</i>
6	Supplement service fee <i>Chi phí dịch vụ phát sinh</i>	Tank cost <i>Chi phí thùng chứa</i>	Item <i>Cái</i>	1,600,000 x Tank <i>1.600.000 x Thùng chứa</i>

Waste Materials shall be exchanged at the Client's Site.

Các Chất Thải sẽ được chuyển giao tại Địa điểm của Khách Hàng.

Waste Materials shall be packed and labeled by the Client to properly secure the Waste Materials during transport.

Chất Thải sẽ được Khách Hàng đóng gói và dán nhãn để đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển Chất Thải.

Waste Materials shall be loaded onto trucks with forklift and forklift's driver from the Client.

Chất Thải sẽ được chuyển lên xe với sự hỗ trợ xe nâng và tài xế lái xe nâng của Khách Hàng.

Fluorescent lamps, Battery Waste, Health Care Waste, Contaminated Packaging Waste - Bypass will be collected by SCC-VN and transferred to an appropriately licensed waste treatment company.

Bóng đèn thải, pin - ắc quy thải, rác thải y tế, bao bì thải chuyển cho nhà thầu phụ xử lý sẽ được SCC-VN thu gom và chuyển giao cho nhà thầu xử lý chất thải có giấy phép phù hợp.

The duration for every pickup (including loading the Waste Materials and completed manifest) is 03 hours (working time).

Thời gian lưu xe cho mỗi chuyến thu gom (bao gồm đưa Chất Thải lên xe và hoàn tất chứng từ) là 03 giờ (giờ làm việc).

Waste Materials volume shall include the packaging/containers (PE bag, Jumbo bag, drum) and shall be based upon the weight document agreed by the Parties' representatives.

Khối lượng Chất Thải bao gồm bao bì/vật chứa (bao nylon, bao Jumbo, phuy) và được dựa vào chứng từ khối lượng được chấp nhận bởi người đại diện của Các Bên.

Packaging will not be returned.

Bao bì không được trả về.

Waste Materials volume (including packaging/containers) will be weighed by the scale of SCC-VN or be weighed at Client's Site under supervision of the Parties. In case the Client does not agree to use the scale of SCC-VN, the Client will bear the cost incurred from the activities/services for weighting the Waste Materials (if any).

Khối lượng Chất Thải (gồm cả bao bì/vật chứa) sẽ được xác định bằng cầu cân của SCC-VN hoặc cân tại Địa điểm của Khách Hàng dưới sự giám sát của Các Bên. Trong trường hợp Khách Hàng không đồng ý dùng cân của SCC-VN, Khách Hàng sẽ tự chịu chi phí phát sinh cho các hoạt động, dịch vụ liên quan đến việc xác định khối lượng Chất Thải (nếu có).

The price listed in this Annex does not include value added tax (VAT).

Giá được liệt kê trong Phụ Lục này không bao gồm thuế giá trị gia tăng (GTGT).

Annex 5
Phụ Lục 5

Payment Term/ Điều Khoản Thanh Toán

- (i) For the services detailed in this Contract, the Client shall pay to SCC-VN the fee as listed in Annex 4 of the Contract and other additional fee (if any).
Đối với các dịch vụ được nêu trong Hợp Đồng này, Khách Hàng sẽ thanh toán cho SCC-VN khoản chi phí được nêu trong Phụ Lục 4 của Hợp Đồng và các chi phí phát sinh (nếu có).
- (ii) Payment will be required on the previous working day if the Due Date (as defined below) or the end of the Permissible Delay Payment Timeline (as defined below) is on Saturday, Sunday or holidays.
Trong trường hợp Ngày Đến Hạn (như được định nghĩa dưới đây) hoặc ngày cuối cùng của Thời hạn trì hoãn thanh toán được phép (như được định nghĩa dưới đây) trùng với ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ, việc thanh toán phải được thực hiện vào ngày làm việc trước đó.
- (iii) SCC-VN shall issue an invoice for its services for hazardous waste collection and treatment service after each pickup. For the industrial waste (scrapped fabric waste), SCC-VN will issue invoice in a day after the customer provides weighbridge statement. For the industrial waste (scrapped fabric waste), SCC-VN will issue invoice for each service on 30th each month ("Invoice"). The Client shall pay the Invoice within 15 (fifteen) days from the date of the Invoice (the "Due Date") into the bank account of SCC-VN listed on the first page of the Contract. The Client shall have 5 (five) working days following the date of the Invoice to dispute any information contained in such Invoice (each, a "Notification"). If there is a Notification from the Client, the Parties shall negotiate to resolve such Notification and the Due Date shall be extended for the period of time the Notification is unresolved starting from the date SCC-VN receives the Notification. If, after 10 (ten) working days from the date SCC-VN receiving the Notice, the Notification still cannot be resolved, either Party may submit the dispute to a competent court in Vietnam pursuant to Article 10(iv) of the Contract for final resolution.
*SCC-VN sẽ cung cấp hóa đơn cho dịch vụ của mình thu gom và xử lý chất thải nguy hại sau mỗi chuyến thu gom. Đối với chất thải công nghiệp không nguy hại (Vải thải), SCC-VN sẽ xuất hóa đơn cho dịch vụ trong ngày mà Khách hàng cung cấp Phiếu cầu cân. Khách Hàng phải thanh toán Hóa Đơn trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày xuất Hóa Đơn ("**Ngày Đến Hạn**") vào tài khoản ngân hàng của SCC-VN được nêu trong trang đầu tiên của Hợp Đồng. Khách Hàng có 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày xuất Hóa Đơn để phản hồi bất kỳ thông tin nào trong Hóa Đơn ("**Thông báo**"). Trong trường hợp có Thông báo của Khách Hàng, Các Bên sẽ thỏa thuận để giải quyết vấn đề được nêu tại Thông báo và Ngày Đến Hạn sẽ được gia hạn bằng thời gian giải quyết kể từ ngày SCC-VN nhận được Thông báo. Nếu sau 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày SCC-VN nhận được Thông báo mà Thông báo vẫn chưa thể được giải quyết, bất kỳ Bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam theo Điều 10(iv) của Hợp Đồng để giải quyết chung thẩm.*
In case the Client does not send the Notice to SCC-VN within 5 (five) working days following the date of the Invoice, the Client shall be deemed to have accepted the Invoice and the Due Date shall be maintained as normal, i.e., 15 (fifteen) days from the date of the Invoice.
Trong trường hợp Khách Hàng không có Thông báo đến SCC-VN trong vòng [5 (năm) ngày làm việc] kể từ ngày xuất Hóa Đơn, Khách Hàng được xem là đã đồng ý với Hóa Đơn và Ngày Đến Hạn vẫn được tính như bình thường, tức 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày xuất Hóa Đơn.
- (iv) Total debts of the Client for SCC-VN's Invoices at all times must not exceed [60,000,000 VND].
Tại mọi thời điểm, tổng nợ của Khách Hàng cho các Hóa Đơn của SCC-VN không được vượt quá [60.000.000 VNĐ].
- (v) If any Invoice is not paid by the Client by the applicable Due Date, an overdue interest rate of 0.04% per day shall be applied to all unpaid amounts owed by the Client to SCC-VN until these amounts are paid up.
Nếu bất kỳ Hóa Đơn chưa được Khách Hàng thanh toán trước hoặc tại Ngày Đến Hạn, một khoản lãi suất nợ quá hạn 0,04% mỗi ngày sẽ được áp dụng cho bất kỳ số tiền nợ quá hạn nào của Khách Hàng đối với SCC-VN cho đến khi khoản thanh toán này được trả.
- (vi) Each Party of this Contract shall be responsible for its own obligations for all governmental taxes and related fees applicable to it in accordance with relevant Vietnamese laws. Client will pay the bank transfer fee.
Mỗi Bên trong Hợp Đồng này sẽ chịu trách nhiệm trả thuế, phí có liên quan áp dụng đối với mỗi Bên theo pháp luật Việt Nam có liên quan. Khách Hàng sẽ thanh toán phí chuyển khoản ngân hàng.

Annex 6
Phụ Lục 6
Waste Manifest
Chứng Từ Chất Thải

(per Templates provided for in Appendix III enclosed to the Circular 02/2022/TT-BTNMT)
 (theo Mẫu quy định tại Phụ Lục III kèm theo Thông Tư 02/2022/TT-BTNMT)

TỈNH/THÀNH PHỐ Số:		BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG	
1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Địa chỉ văn phòng: ĐT: Địa chỉ cơ sở: ĐT:			
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam) Địa chỉ văn phòng: 11 Đoàn Văn Bơ, phường 13, quận 4, TP.HCM. ĐT: 028.73017018 Địa chỉ cơ sở xử lý: Liên tỉnh lộ 11, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang ĐT: 0297.3854430			
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)		Chất thải phải xử lý
2	Chất thải phải xử lý		Chất thải phải xử lý
3	Tổng khối lượng		
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
....., ngày.....tháng... năm..... Bên giao (chữ ký, đóng dấu nếu có) Họ và tên		, ngày.....tháng.... năm.... Bên nhận (chữ ký, đóng dấu nếu có) Họ và tên	, ngày.....tháng.... năm... Bên nhận Xác nhận đã hoàn thành việc xử lý. Họ và tên

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: số thứ tự / 20..... / 1-2-3-4-5-6.029.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam).
69/GPMT-BTNMT

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: 11 Đoàn Văn Bơ, phường 13, Quận 4, TP.HCM.

ĐT: 028.73017018

Địa chỉ đại lý: trạm trung chuyển 1- Km7, Nguyễn Thị Định, P. Thạnh Mỹ Lợi, TP.Thủ Đức, TP.HCM.

ĐT: 028.38976001

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Công ty TNHH TM và SX Ngọc Tân Kiên
5-6.029.VX

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-

Địa chỉ văn phòng: 481 Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Q.Bình Tân, TP.HCM

ĐT: 028. 38770847.

Địa chỉ cơ sở: Lô G05-4, MB 4-1, MB 2-4, KCN Đức Hòa 1, X. Đức Hòa Đông, Đức Hòa, Long An

ĐT: 0272.3779495.

3. Chủ nguồn thải:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

Nước nhập khẩu:..... Cửa

khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:.....

Ngày xuất cảng:.....

Cửa

khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương

tiện:.....

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển:

Ký:..... Ngày:.....

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....

Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
....., ngày.....tháng..... năm.....Chức danh người ký
(Chữ ký đóng dấu)

[Họ và tên]

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày.....tháng..... năm.....

Giám đốc

[Họ và tên]

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)



TỈNH/THÀNH PHỐ		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số: số thứ tự / 20..... / 69/GPMT-BTNMT					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam). QLCTNH: 69/GPMT-BTNMT Địa chỉ văn phòng: 11 Đoàn Văn Bơ, phường 13, Quận 4, TP.HCM. ĐT: 028.73017018 Địa chỉ đại lý: trạm trung chuyển 1- Km7, Nguyễn Thị Định, P. Thạnh Mỹ Lợi, TP.Thủ Đức, TP.HCM. ĐT: 028.38976001 Địa chỉ cơ sở xử lý: Liên tỉnh lộ 11, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang ĐT: 0297.3854430						Mã số	
2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : không có số QLCTNH: Địa chỉ văn phòng: ĐT: Địa chỉ cơ sở : ĐT:						Mã	
3. Chủ nguồn thải: QLCTNH: Địa chỉ văn phòng: ĐT: Địa chỉ cơ sở: ĐT:						Mã số	
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):					Nước nhập khẩu:..... Cửa		
khẩu nhập:.....					Ngày xuất cảng:..... Cửa		
Số hiệu phương tiện:.....					khẩu xuất:		
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4						Số hiệu phương tiện:.....	
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển:							
Ký:..... Ngày:.....							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....							
Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5), ngày.....tháng..... năm..... Chức danh người ký (Chữ ký đóng dấu)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Kiên Giang, ngày.....tháng..... năm..... Client Service Superintendent			
[Họ và tên]				[Họ và tên]			
@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□ Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

Annex 7

Phụ Lục 7

List of Persons Authorized to Sign-Off on Waste Manifest
Danh sách Người chịu trách nhiệm ký trên Chứng Từ Chất Thải

Announcement

Thông báo

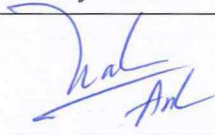
To: SIAM CITY CEMENT (VIETNAM) LIMITED

Gửi đến: Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Siam City Cement (Việt Nam)

As per the Contract No. 104/GEOS/2023

Theo Hợp Đồng số 104/GEOS/2023.

On behalf of **PUNGKOOK SAI GON TWO CORPORATION**, we are pleased to announce that the following person(s) shall be authorized to sign off on the Waste Manifest for Waste Materials delivery. Là đại diện của Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Pungkook Sai Gon II, chúng tôi xin thông báo những người sau đây sẽ có quyền ký giao Chất Thải trên Chứng Từ Giao Nhận Chất Thải:

No. STT	Name Tên	Job Title Chức vụ	Signature Chữ ký mẫu	Remark Ghi chú
1	Lê Ngọc Anh	HR/SEA manager		
2	Trịnh Thị Vân Anh	HSE staff		
3	Trần Thị Hằng	HSE Staff		

This announcement is an integral part of the Contract No. 104/GEOS/2023

Thông báo này là một phần không tách rời của Hợp Đồng số 104/GEOS/2023

BD Date 03 Month 07 Year... 2023

BD Ngày 03... tháng 07... năm 2023

(signed by the Client's Legal Representative)

(ký bởi Người đại diện theo pháp luật của Khách Hàng)



Công ty TNHH PungKook Sai Gon II
Nhà máy PungKook SaiGon III
Số: 52/2022/PK-HĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG

V/v: Thu gom và vận chuyển rác thải công nghiệp và mua phế liệu

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 33/2005/QH11 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/06/2005.
- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/06/2005.
- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Căn cứ nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo Vệ Môi Trường;
- Căn cứ nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;
- Căn cứ và nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hợp đồng này được lập ngày 30 tháng 06 năm 2022

BÊN A: CÔNG TY TNHH PUNGKOOK SAI GON II

Địa chỉ: Số 2A, Đường số 8, khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Người đại diện: Ông **PARK SOON TAE**

Chức vụ: Tổng giám đốc

Điện thoại: 0274.3732.999

Fax:

Mã số thuế: 3700379491

BÊN B: CÔNG TY TNHH MTV TOÀN HỮU ĐẠT

Địa chỉ: 42/7 Khu phố Đông A, Phường Đông Hòa, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Đại diện ủy quyền: ông **TRẦN TUẤN ANH**

Chức vụ: Phó giám đốc làm đại diện.

Điện thoại: 0909.009.809 – 0965.168.188

Mã số thuế: 3702220354

Hai bên chúng tôi đồng ý cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng thu mua phế liệu, thu gom và vận chuyển rác thải tại nhà máy PungKook SaiGon III -địa chỉ khu phố 1A, phường An Phú, thị xã Thuận An, Bình Dương cụ thể như sau:

Điều 1: NỘI DUNG

1.1 Bên A đồng ý cho bên B thu gom, vận chuyển các loại rác thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh của bên A như rác thải công nghiệp từ quá trình sản xuất; hoạt động xây dựng và sửa chữa nhà xưởng,... Trừ các loại rác chứa thành phần nguy hại.

Bảng danh sách chi tiết các loại chất thải như sau:

STT	TÊN CHẤT THẢI	ĐƠN VỊ
01	Vải vụn	kg
02	Chỉ vụn	kg
03	Giấy carton	kg
04	Giấy khác	kg
05	Da	kg
06	Da nhân tạo	kg
07	Bao nylon	kg
08	Kim loại	kg
09	Mút xốp (EVA)	kg
10	Lõi chỉ	kg
11	Nhựa (PVC)	kg
12	Pallet gỗ	kg
13	Khác (móc khóa, đầu kéo, rác dân dụng...)	kg

1.2 **Số lượng và loại chất thải giao nhận:** Bên B phải theo dõi và giám sát khối lượng của hàng hóa trước khi ra khỏi nhà máy và có xác nhận của bảo vệ của bên A để quản lý và lưu lại hồ sơ.

1.3 **Thời gian thu gom chất thải:** chất thải công nghiệp được thu gom ít nhất 3 lần/tuần hoặc theo yêu cầu của bên A. Khi có yêu cầu thu gom đột xuất bên A sẽ thông báo cho bên B thời gian thu gom, vận chuyển chất thải. Trong vòng 1 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu, bên B có trách nhiệm tiến hành vận chuyển chất thải.

1.4 **Địa điểm thu gom:** Nhà máy PungKook SaiGon III tại khu phố 1A, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

1.5 **Vận chuyển rác thải không thể tái sử dụng:** Rác thải không thể tái sử dụng, tái chế như: vải vụn, chỉ vụn, giấy bóng dán, dây đai... của bên A không lẫn chỉ, kim loại, và các chất thải nguy hại khác sẽ được bên B vận chuyển đến công ty INSEE theo hợp đồng xử lý rác thải giữa Nhà máy Pungkook SaiGon III và công ty INSEE.

- Địa điểm giao rác: trạm SCC-VN ở cảng Thanh Phước (207, đường DT 747, phường Thanh Phước, Thanh Phước, Tân Uyên, Bình Dương)
- Thời gian thực hiện: ít nhất 1 lần/ tháng, Bên B thông báo cho bên A trước năm ngày để bên A liên hệ với INSEE
- Chi phí xử lý: do bên A chi trả
- Chứng từ sau khi giao nhận rác với INSEE: Bên B sẽ tạm giữ và gửi lại cho bên A sau đó ba ngày.

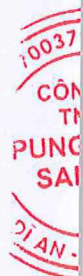
- Bên B có trách nhiệm thực hiện đủ các yêu cầu của pháp luật và INSEE khi giao rác.

Điều 2: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A

- 2.1 Trách nhiệm phân bổ và quy định khu vực chứa rác sản xuất và phế liệu đảm bảo các yêu cầu pháp luật Việt Nam.
- 2.2 Trách nhiệm thu gom, phân loại sơ bộ và trung chuyển rác sản xuất và phế liệu đến khu vực quy định nơi tập trung rác của bên A.
- 2.3 Thông báo thời gian thu gom, vận chuyển rác thải, danh sách các nhân viên có trách nhiệm lập, kí xác nhận khối lượng hàng hóa và tạo điều kiện cho bên B tiếp nhận.
- 2.4 Trách nhiệm hướng dẫn các thủ tục, nội quy, quy định, chính sách của công ty cho bên B. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp các giấy tờ cần thiết cho bên B khi ra vào cổng.
- 2.5 Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B và cử nhân viên có thẩm quyền giải quyết các công việc phát sinh suốt quá trình thực hiện hợp đồng.
- 2.6 Có trách nhiệm xuất hóa đơn cho bên B hàng tháng.
- 2.7 Được quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện các điều khoản của hợp đồng này của bên B tại nhà máy của bên A và toàn bộ quá trình từ thu gom, vận chuyển cho đến khi kết thúc xử lý các loại rác thu gom.
- 2.8 Có quyền yêu cầu chuyển đổi nhân viên của bên B làm việc tại nhà máy bên A nếu không hoàn thành nhiệm vụ hoặc không thực hiện công việc theo đúng yêu cầu.
- 2.9 Trong quá trình thực hiện nếu bên B thực hiện không đúng đầy đủ các quy định tại Hợp đồng này, phụ lục và các thông báo của bên A thì bên A có quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không cần có sự đồng ý của bên B.

Điều 3: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

- 3.1 Thực hiện nghiêm chỉnh các thỏa thuận của Hợp đồng này, phụ lục đính kèm và các thông báo của bên A đã được bên B chấp thuận.
- 3.2 Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật khi xảy ra bất kỳ sự cố gì gây ảnh hưởng xấu đến môi trường trong suốt quá trình thu gom, vận chuyển, quản lý rác thải.
- 3.3 Tuân thủ quy định, nội quy, chính sách của hệ thống quản lý hiện hành của bên A trong quá trình làm việc.
- 3.4 Chịu trách nhiệm cho việc hoàn thành các thủ tục, giấy tờ theo quy định của pháp luật và yêu cầu của bên A từ khâu vận chuyển hàng hóa từ địa điểm tiếp nhận của bên A cho đến khi bàn giao các đơn vị... INSEE xử lý. Mọi chi phí phát sinh, rủi ro trong quá trình vận chuyển bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm chi trả bằng kinh phí của mình.
- 3.5 Bên B sẽ cung cấp và chi trả hoàn toàn chi phí cho bao bì lưu chứa rác thải, chi phí thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, phát sinh của bên A và các chi phí khác (nếu có) liên quan đến rác thải ngoại trừ hai khoản chi phí sau sẽ do bên A chi trả bằng kinh phí của nhà máy:
 - Chi phí xử lý rác thải nguy hại



- Chi phí xử lý chất thải không thể tái sử dụng được bên B vận chuyển đến công ty INSEE theo khoản 1.5 Điều 1 ở trên

- 3.6 Bên B sẽ chịu trách nhiệm thay mặt bên A chi trả toàn bộ chi phí thu gom rác sinh hoạt của bên A.
- 3.7 Bố trí nhân viên chịu trách nhiệm phân loại theo đúng yêu cầu của bên A và đảm bảo vệ sinh khu vực tập trung rác, phân loại và sắp xếp gọn gàng, để đúng khu vực quy định cho từng loại. Nếu không thực hiện đúng bên B sẽ phải nộp cho bên A là 5% giá trị hợp đồng trên mỗi lần vi phạm.
- 3.8 Nhân viên của bên B phải đủ độ tuổi lao động, đủ sức khỏe, tư cách đạo đức tốt và đủ hồ sơ được yêu cầu tại bên A.
- 3.9 Bên B có trách nhiệm huấn luyện, giám sát nhân viên của mình để không xảy ra hành vi cấu kết với nhân viên hoặc nhà thầu của bên A làm thất thoát hàng hóa, tài sản của bên A. Nếu phát hiện hàng hóa, vật liệu, tài sản của của công ty không nằm trong danh mục thì bên B phải báo ngay cho bảo vệ và phòng nhân sự. Trường hợp phát hiện tiêu cực phát sinh, hợp đồng này sẽ chấm dứt hiệu lực ngay lập tức và bên B sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm.
- 3.10 Rác sau khi ra khỏi khuôn viên Nhà máy PungKook SaiGon III là hết trách nhiệm của bên A và bên B phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc vận chuyển, thu gom và quản lý của mình.
- 3.11 Bên B có trách nhiệm vận chuyển rác thải của bên A đến bên thứ ba có đầy đủ năng lực về việc xử lý rác theo quy định của pháp luật. Nếu vi phạm, bên B phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 4: TRỊ GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 4.1 Giá trị bên B thanh toán cho bên A hàng tháng là 7.000.000 VNĐ (bằng chữ: Bảy triệu đồng chẵn) (Đã bao gồm thuế GTGT)
- 4.2 Chi phí sẽ được trả trước mỗi tháng chậm nhất đến ngày 5 của tháng đó. Hình thức thanh toán chuyển khoản.
- 4.3 Bên B sẽ đặt cọc cho bên A số tiền 60.000.000 VNĐ (sáu mươi triệu đồng chẵn) ngay sau khi hợp đồng này được ký kết.
- 4.4 Trường hợp một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn đã ký kết, hợp đồng sẽ hết hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày đạt được thỏa thuận của hai bên.

Điều 5: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG VÀ THANH LÝ

- 5.1 Hợp đồng có giá trị từ ngày 01 tháng 07 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023
- 5.2 Một tháng trước khi hợp đồng hết hạn hai bên phải thỏa thuận về việc gia hạn thêm hoặc thanh lý hợp đồng.
- 5.3 Trong trường hợp kết thúc hợp đồng các Bên sẽ lập Biên bản thanh lý hợp đồng trong thời gian không quá 10 (mười) ngày, kể từ ngày Hợp đồng hết hiệu lực.
- 5.4 Nếu có chi phí, công nợ phát sinh giữa hai bên thì phải thanh toán trong vòng 7 (bảy) ngày kể từ ngày hết hạn hợp đồng.

Điều 6: CÁC THỎA THUẬN KHÁC

- 6.1 Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện Hợp đồng, nếu có bất cứ khó khăn phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau và tích cực bàn bạc giải quyết. Trường hợp các bên không tự giải quyết được thì các bên thống nhất đưa vụ tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.
- 6.2 Tất cả thông báo theo hợp đồng này phải được gửi bằng bưu điện hoặc gửi trực tiếp cho người đại diện của mỗi bên tại địa chỉ các bên nêu trong phần giới thiệu của Hợp đồng này hoặc bất kỳ địa chỉ nào được một bên thông báo trước bằng văn bản cho bên kia.
- 6.3 Trong trường hợp một hoặc một vài điều khoản của Hợp đồng này bị coi là vô hiệu hoặc bị bỏ, những phần còn lại vẫn giữ nguyên giá trị và hiệu lực.
- 6.4 Việc thực hiện các công việc theo điều khoản của hợp đồng này có thể bị tạm ngưng nếu vì lý do bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn, cháy nổ, chiến tranh, bạo động hoặc phá hoại, các yêu cầu về quốc phòng, lệnh cấm của tòa.
- 6.5 Trong trường hợp một bên vi phạm Hợp đồng thì ngoài các chế tài, biện pháp quy định tại Hợp đồng này, bên vi phạm phải bồi thường cho bên còn lại mọi thiệt hại, phí tổn phát sinh mà xuất phát trực tiếp từ hành vi vi phạm hợp đồng của Bên kia. Bên yêu cầu bồi thường có trách nhiệm chứng minh thiệt hại này theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 7.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong Hợp đồng này. Mọi sự sửa đổi, bổ sung Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng phải được sự đồng ý bằng văn bản của các Bên.
- 7.2 Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

PARK SOON TAE

ĐẠI DIỆN BÊN B

TRẦN TUẤN ANH

Công ty TNHH PungKook Sai Gon II
Nhà máy PungKook SaiGon III

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 1

V/v Khối lượng rác thải không tái chế cần xử lý

- Căn cứ hợp đồng số 52 /2022/PK-HĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 được ký giữa công ty TNHH PungKook Sai Gon II – Nhà máy PungKook SaiGon III (bên A) và công ty TNHH MTV Toàn Hữu Đạt (bên B) về việc thu gom và vận chuyển chất thải
- Căn cứ vào khối lượng rác thải của công ty PungKook Sai Gon II – nhà máy PungKook SaiGon III

Hôm nay, ngày 30 tháng 06 năm 2022 tại Bình Dương chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY TNHH PUNGKOOK SAI GON II

Địa chỉ cơ sở: Số 2A, Đường số 8, khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ thu gom: Nhà máy PungKook Sai Gon III Khu phố 1A, phường An Phú, Thuận An, Bình Dương

Người đại diện: ông **PARK SOON TAE**

Chức vụ: Tổng giám đốc

Mã số thuế: 3700379491

Bên B: CÔNG TY TNHH MTV TOÀN HỮU ĐẠT

Địa chỉ: 42/7 Khu phố Đông A, Phường Đông Hòa, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Đại diện ủy quyền: ông **TRẦN TUẤN ANH**

Chức vụ: Phó giám đốc làm đại diện.

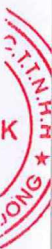
Điện thoại: 0909.009.809 – 0965.168.188

Mã số thuế: 3702220354

Hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký phụ lục thay đổi thông tin trong hợp đồng số 52./2022/PK-HĐ với các điều khoản sau:

Điều I: Hai bên đồng ý ký phụ lục về việc thống nhất khối lượng rác của bên A sẽ được bên B giao cho công ty xử lý rác thải INSEE

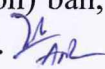
- Khối lượng rác thải sau khi được bên B phân loại không thể tái sử dụng, tái chế như: vải vụn, chỉ vụn, giấy bóng dán, dây đai... của bên A không lẫn chỉ, kim loại, và các chất thải nguy hại khác là: do bên A yêu cầu.
- Trước 5 ngày giao rác cho INSEE, bên B thông báo khối lượng rác cho bên A và sẽ được bên A xác nhận khối lượng phù hợp trước khi giao cho INSEE.



Điều II: Các nội dung và các điều khoản khác trong hợp đồng số 52/2022/PK-HĐ vẫn không thay đổi.

Điều III: Phụ lục hợp đồng này không tách rời hợp đồng số 52/2022/PK-HĐ

Điều IV: Các bên có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký.

Điều VI: Phụ lục hợp đồng này gồm 02 (hai) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, bên A giữ 02 bản và bên B giữ 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký. 

ĐẠI DIỆN BÊN A



PARK SOON TAE

ĐẠI DIỆN BÊN B



TRẦN TUẤN ANH

BIÊN BẢN THỎA THUẬN SỐ 1

Hôm nay, ngày 30 tháng 06 năm 2022, tại công ty Toàn Hữu Đạt, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH PUNGKOOK SAIGON II

- Địa chỉ : 2A, đường số 8, KCN Sóng Thần 1, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : 0274.3732.999 Fax: 0274.3732.717
- MST : 3700379491
- Do ông : **PARK SOON TAE** Chức vụ: Tổng Giám Đốc làm đại diện.

BÊN B: CÔNG TY TNHH MTV TOÀN HỮU ĐẠT

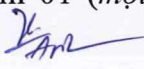
- Địa chỉ : 42/7 Khu phố Đông A, P. Đông Hòa, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : 0965.168.188
- MST : 3702220354
- Do ông : **TRẦN TUẤN ANH** Chức vụ: Phó giám đốc làm đại diện.

Căn cứ vào hợp đồng số: 52./2022/PK-HĐ và phụ lục ký ngày 30/06/2022 và sau khi bàn bạc, hai bên nhất trí ký kết Biên bản thỏa thuận số 1 gồm các nội dung sau đây:

- Ngoài giá trị thanh toán trên hợp đồng và phụ lục, bên B phải thanh toán thêm chi phí (bằng tiền mặt) cụ thể như sau:

Địa điểm	Số tiền (vnd)
Nhà máy Pungkook Saigon III	6.500.000 rác công nghiệp 3.500.000 rác sinh hoạt

Bản thỏa thuận này là một phần không thể tách rời của hợp đồng 52./2022/PK-HĐ, và có hiệu lực từ ngày 01/07/2022.

Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản trên, thỏa thuận này gồm 01 (một) trang được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau. 

ĐẠI DIỆN BÊN A

PARK SOON TAE

ĐẠI DIỆN BÊN B

TRẦN TUẤN ANH

Số: 2035... - RSH/HĐ – KT/22

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải sinh hoạt của Công ty TNHH Pungkook Sai Gon II

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 17 ngày 05/05/2022) cho Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30 tháng 07 năm 2021.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Pungkook Sai Gon II theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700379491 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 04 tháng 03 năm 2022

Hôm nay, ngày 01 tháng 12 năm 2022 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH PUNGKOOK SAI GON II

Địa chỉ: Số 2A, Đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0908039858

Fax: 0274. 3732.717

Tài khoản số: 0281000065941 Tại: Ngân hàng TM CP Ngoại Thương CN Nam Bình Dương.

Mã số thuế: 3700379491

Do Ông/Bà: **Park Soon Tae**

Chức vụ: Tổng Giám đốc làm đại diện

Mã Khách Hàng: 3700379491DA00

Ngành sản xuất: May balô

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh : Thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông: **Ngô Chí Thắng**

Chức vụ: Phó Giám đốc CN Lâm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 09/UQ-XLCT.NSQT ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải sinh hoạt được bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng chứa hoặc bao bì riêng biệt, đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải theo quy định và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu xảy ra tình trạng chất thải ngoài quy định của hợp đồng (chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất) để chung với chất thải sinh hoạt, bên B có quyền từ chối thu gom chất thải (hai bên lập biên bản xác nhận sự việc), bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo hợp đồng.

1.3. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 02 lần/ tuần vào thứ 2, thứ 6 hàng tuần (trừ ngày lễ và ngày tết).
- Địa điểm giao nhận: Nhà máy Pungkook SaiGon III – Khu phố 1A, phường An Phú, TP Thuận An, tỉnh Bình Dương.

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải sinh hoạt được thể hiện cụ thể trong bảng sau :



Stt	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)	Đơn giá Xử Lý (đồng/tháng)	Đơn giá vận chuyển (đồng/tháng)	Tổng đơn giá (đồng/tháng)
01	Chất thải sinh hoạt: rác từ nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng.	2.000 2.000	1.700.000 1.700.000	1.800.000 1.800.000	3.500.000

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản.

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ hàng tháng bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Trần Huy Trường	truong-hr@pungkookvn.com	0988235070
Phan Thị Thanh Thảo	environment-pk3@pungkookvn.com	0386976473

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.

2.3. Điều chỉnh đơn giá:

Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh đơn giá của hợp đồng:

- Điều chỉnh giá theo các quy định của ngành.
- Thay đổi đột biến về khối lượng hoặc quy mô so với hợp đồng đã ký (mức thay đổi trên 10%)
- Thay đổi tần suất thu gom rác.
- Thay đổi địa điểm giao rác.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.

- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Thực hiện các quy định về phân loại rác tại nguồn, không được đưa các loại chất thải nguy hại, chất thải không hợp pháp, chất thải có thể gây cháy, nổ, chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất vào chung chất thải sinh hoạt.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 02.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Giao rác đúng thời gian và đặt tại vị trí thỏa thuận, nơi lưu chứa phải thuận lợi cho phương tiện vận chuyển di chuyển vào thu gom.
- Cử người ký xác nhận việc thu gom chất thải khi bên B đến thu gom.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 02.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Bố trí nhân sự, phương tiện đến nhận chất thải của bên A giao theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định vệ sinh đô thị. Phương tiện vận chuyển được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ chất thải rơi vãi ngay sau khi thu gom.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.
- 5.4 Hợp đồng bao gồm 05 (năm) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

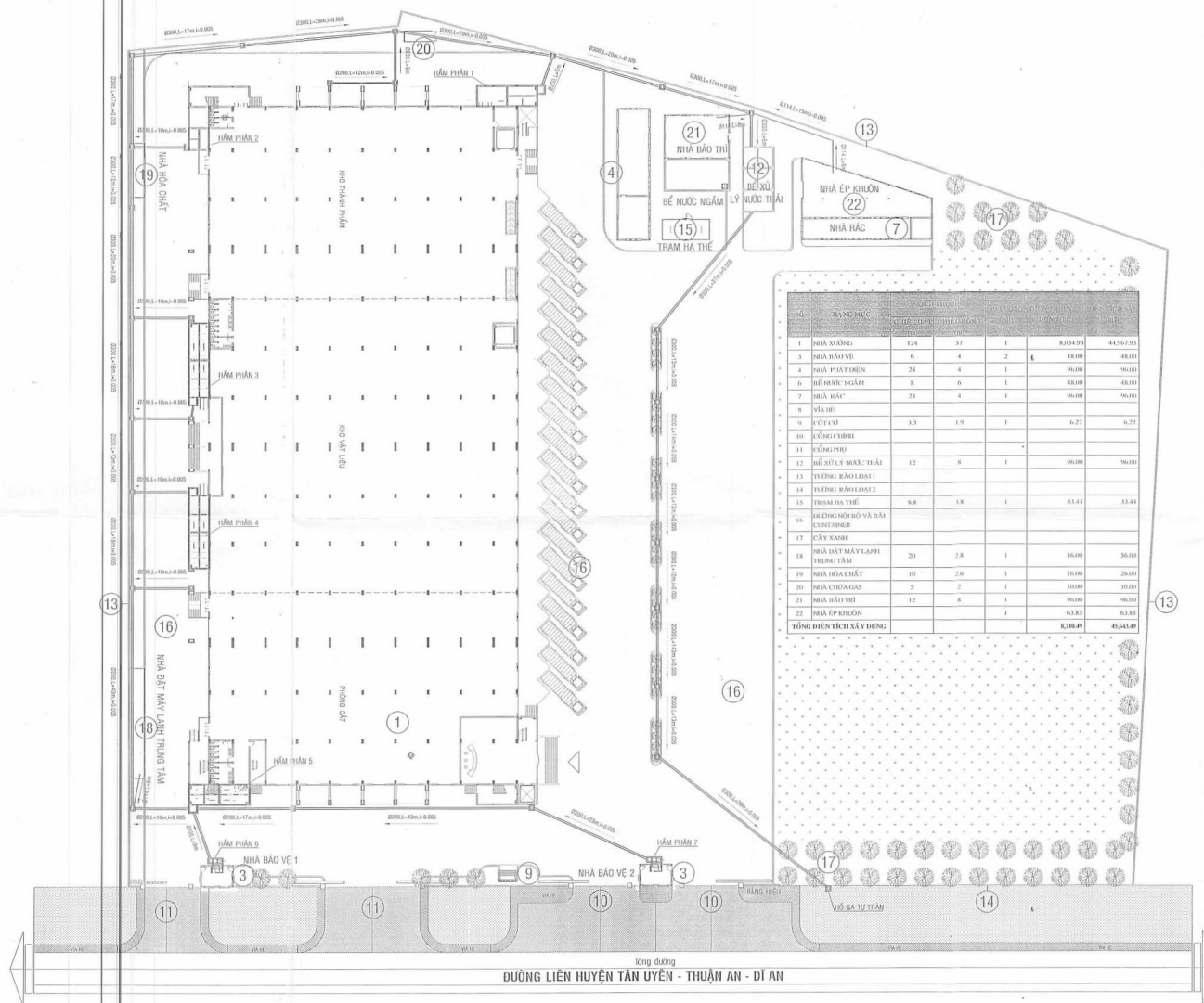


Ngô Chí Thăng
Phó Giám Đốc





<



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ

GPH C010
(NOTES)

Approved by Investor (signature & stamp)
Thỏa thuận chủ đầu tư (ký tên & đóng dấu)

**CÔNG TY TNHH
PUNGKOOK SAIGON III**

Đại diện chủ đầu tư (signature & stamp)

PHẠM QUANG CHÁNH
TH

M IN HO LEB

HIỆU CHỈNH VÀ NGÀY HOÀN THÀNH
(REVISION AND COMPLETION DATE)

	A	B	C	D
10/11/2005	30/11/2005	20/12/2005		
11/11/2005	05/12/2005	05/01/2007		
16/11/2005	12/12/2005	15/01/2007		
29/11/2005	14/12/2005			

MỨC ĐÍCH PHÁT HÀNH
(ISSUED FOR)

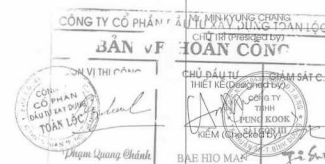
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
THIẾT Duyệt	☐	YOUR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	REFERENCE
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	☐	REVISED
HOÀN CÔNG	☒	AS-BUILT

SHCC

**SINH HUNG
CONSTRUCTION & CONSULTING CO., LTD.**

Head office: 8 9A SACU ST., 1st FL, HCM City
Branch office: 28 BANGKOK ST., 4th FL, HO CHI MINH CITY, HCM City
Tel: 094-9-865097 Fax: 094-9-8421657

GIÁM ĐỐC (Director)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TOÀN LỘC
TOÀN LỘC CONSTRUCTION INVESTMENT CORP.**

Số Phòng: 302, PHƯỜNG 3,
QUẬN PHÚ NHUẬN, TP. HỒ CHÍ MINH
TEL: 0942997190/0942997191
Email: toanloctc@toanloctc.vn

GIÁM ĐỐC (Director)

PHẠM QUANG CHÁNH
QUẢN LÝ DỰ ÁN (Project Manager)

ARCHITECT **TRẦN XUÂN SƠN**

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Name)
**NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TÀI XÁC
PUNGKOOK SAIGON III**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG (Location)
ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG 1, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH
XÃ AN PHÚ, HUYỆN THUAN AN, ĐỐI BÊN ĐƯỜNG SỐ 1, TP. HỒ CHÍ MINH

TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)
**MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI
TỔNG THỂ**

NGÀY HOÀN THÀNH
(Completion Date)
16-12-2008

KÝ HIỆU BẢN VẼ
(Drawing No.)
AD - 35

PHẦN ĐƯỜNG ỐNG

CÔNG NGHỆ

DỰ ÁN : NHÀ MÁY PUNGKOOK SAIGON III
HẠNG MỤC : CẢI TẠO BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Bình Dương, Ngày ... tháng ... năm 2023

HIỆU CHỈNH VÀ HOÀN THIỆN
(REVISION AND COMPLETION DATE)

LOẠI HỒ SƠ (ISSUED FOR)

THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐ PRELIMINARY

TRÌNH DUYỆT ☐ YOUR APPROVAL

THAM KHẢO ☐ REFERENCE

THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION

HOÀN CÔNG ☐ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ (Investor):



T. GIÁM ĐỐC (General Director)

THẦU CHÍNH (Contractor):



Phạm Văn Chanh

THIẾT KẾ (Designed by)

Nguyễn Văn Nghĩa

KIỂM (Checked by)

Phạm Văn Chanh

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)

PUNGKOOK SAI GON III
FACTORY

HẠNG MỤC (Article)

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)

TỈ LỆ (Scale)

A1: A3:

KÝ HIỆU (Drawing No.)

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 190M³/NGÀY.ĐÊM

HỆ CHỈNH VÀ HOÀN THÀNH
(REVISION AND COMPLETION DATE)

LOẠI HỒ SƠ (ISSUED FOR)

THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐ PRELIMINARY

TRÌNH DUYỆT ☐ YOUR APPROVAL

THAM KHẢO ☐ REFERENCE

THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION

HOÀN CÔNG ☐ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ (Investor):

THIẾT KẾ (General Director):

THẦU CHÍNH (Contractor):

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN - CHỦ TRÌ
(Project Manager-Prepared by)

THIẾT KẾ (Designed by)

KIỂM (Checked by)

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)

PUNGKOOK SAI GON III
FACTORY

HẠNG MỤC (Article)

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

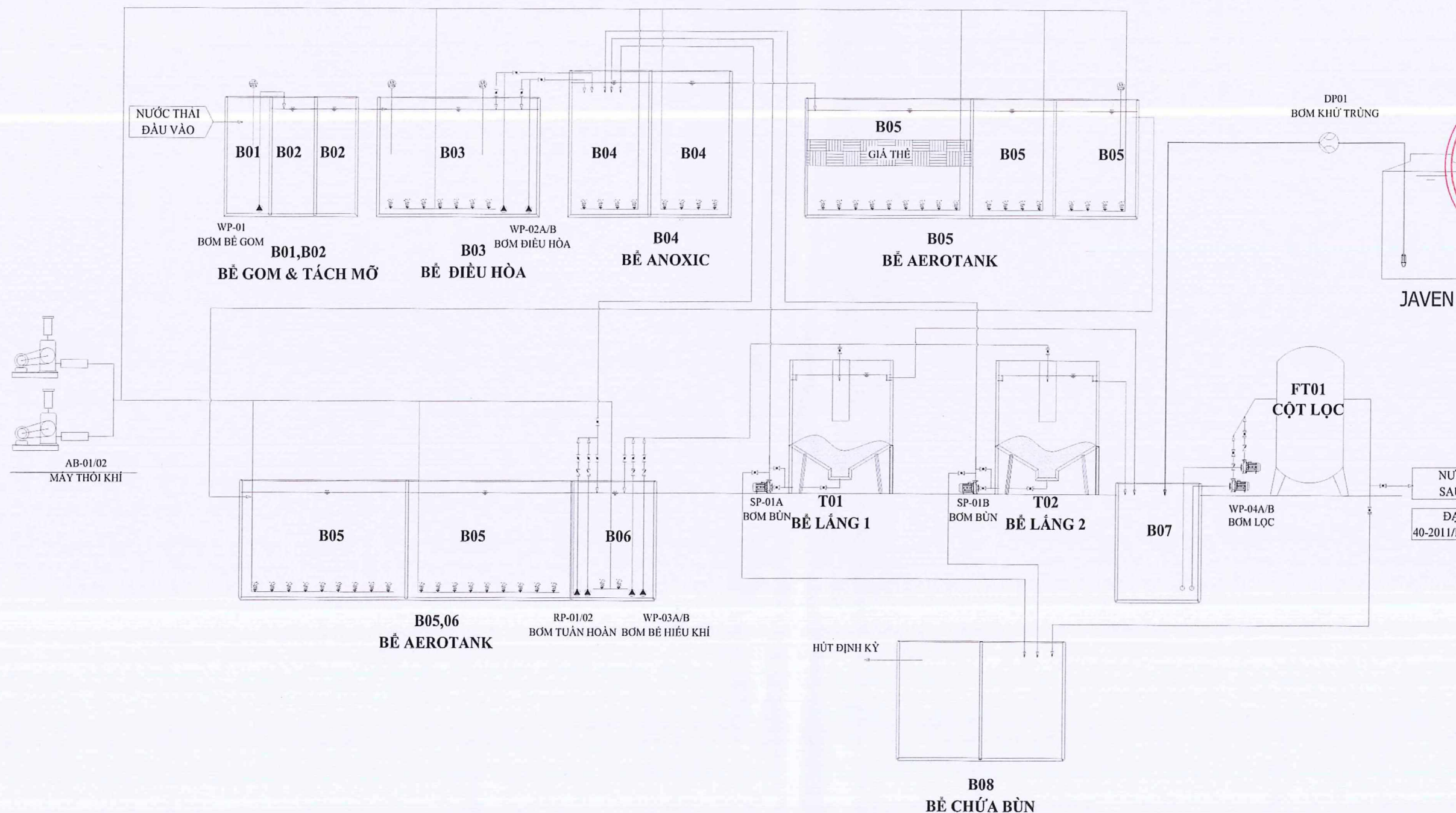
TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG
XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

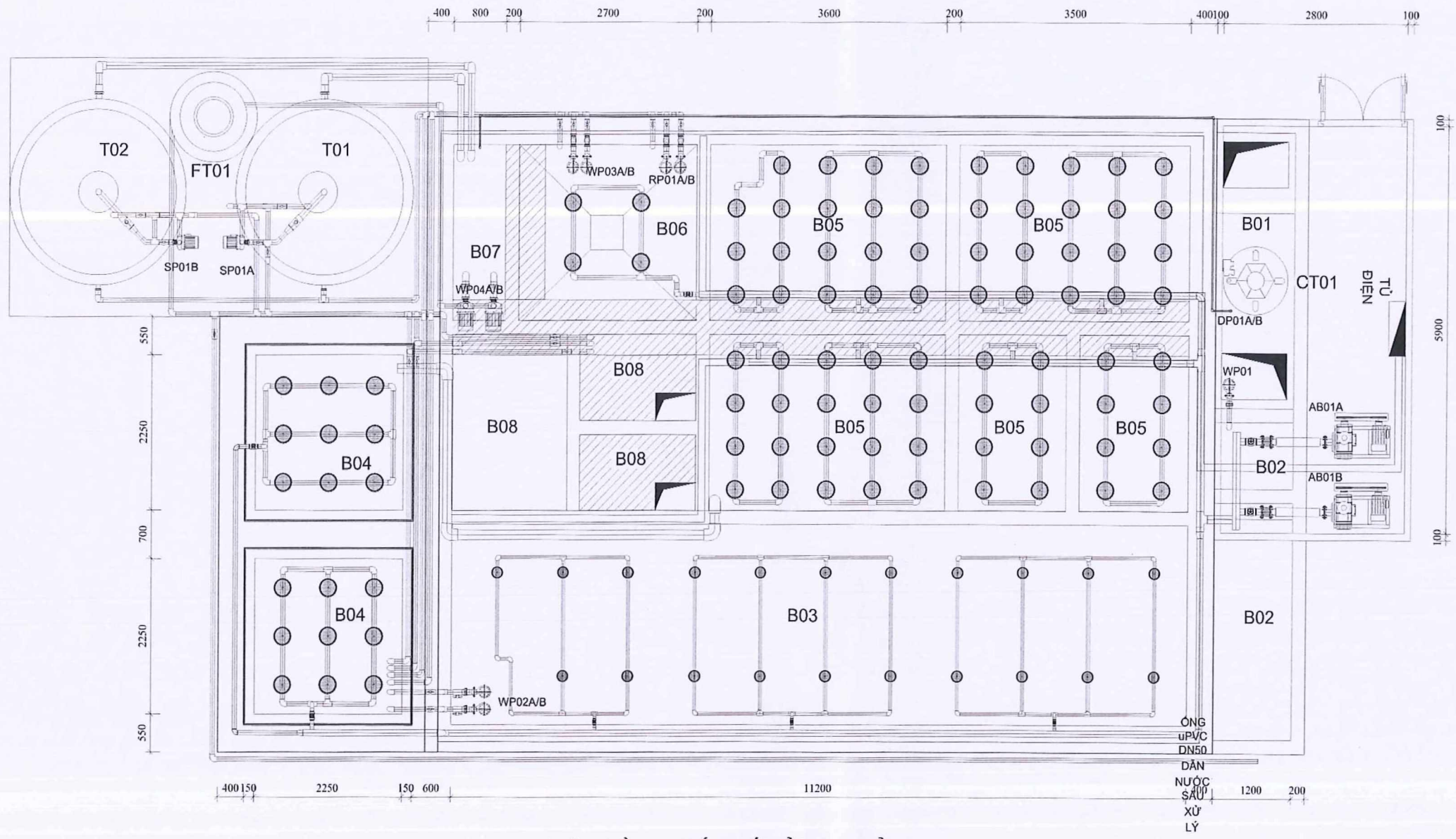
TỈ LỆ (Scale)

A1: A3:

KÝ HIỆU (Drawing No.)



KÍ HIỆU	MÔ TẢ
	ĐƯỜNG KHÍ
	ĐƯỜNG NƯỚC
	ĐƯỜNG BÙN
	ĐƯỜNG HÓA CHẤT



MẶT BẰNG BỐ TRÍ TỔNG THỂ
TL: 1/75

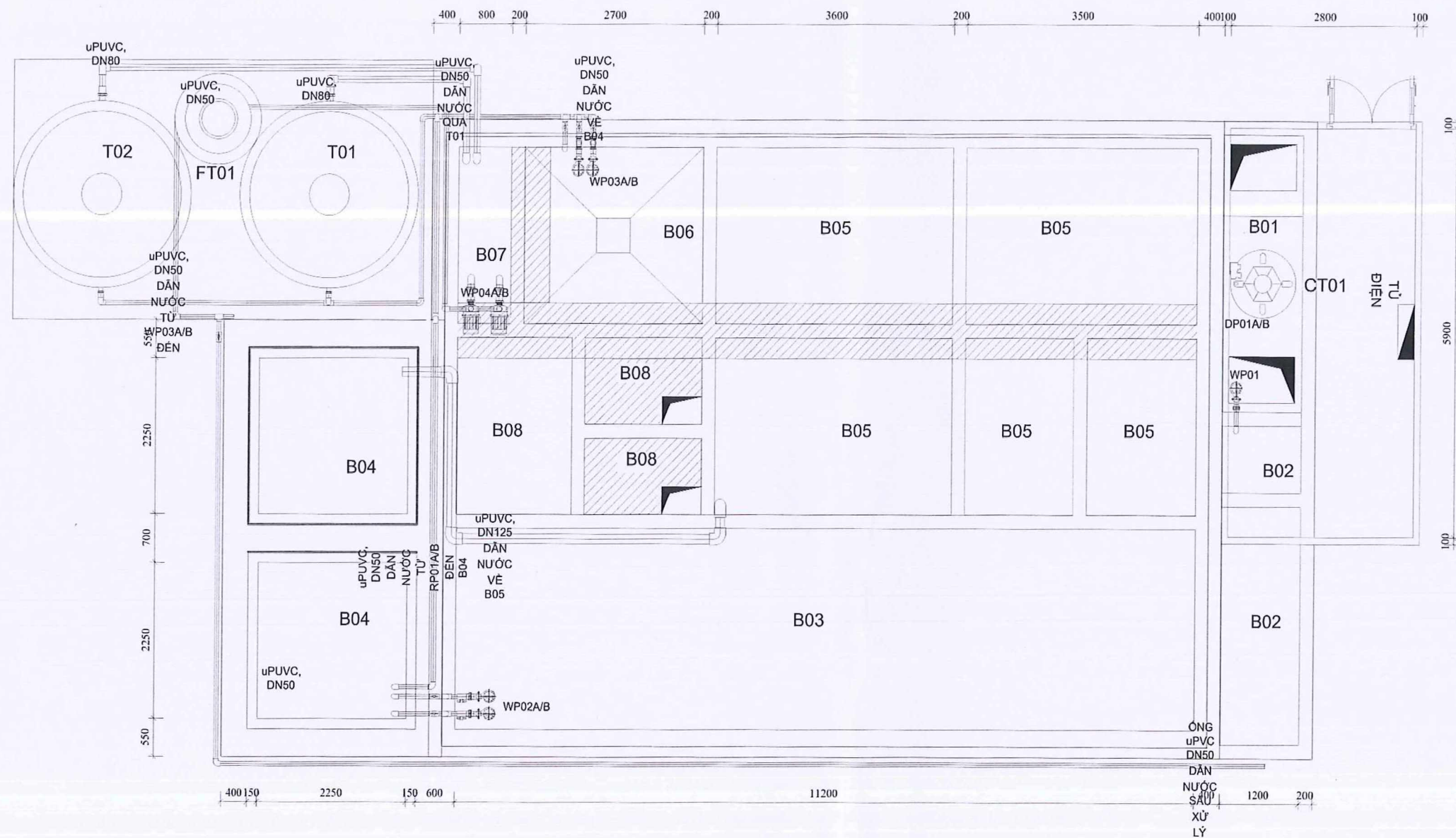
KÍ HIỆU	MÔ TẢ	KÍ HIỆU	MÔ TẢ
B01	BỂ GOM	CT01	BỒN HÓA CHẤT
B02	BỂ TÁCH DẦU	FT01	BỒN LỌC
B03	BỂ ĐIỀU HÒA	WP01	BƠM BỂ GOM
B04	BỂ ANOXIC	WP02A/B	BƠM ĐIỀU HÒA
B05	BỂ AEROTANK	WP03A/B	BƠM TRUNG GIAN
B06	BỂ TRUNG GIAN	WP04A/B	BƠM LỌC
B07	BỂ KHỬ TRÙNG	SP01 A/B	BƠM BÙN
B08	BỂ CHỨA BÙN	RP01A/B	BƠM TUẦN HOÀN
T01/2	BỂ LẮNG	DP01A/B	BƠM HÓA CHẤT

CHỦ ĐẦU TƯ (Investor):
CÔNG TY TNHH PUNGKOOK SÀI GÒN II
PUNGKOOK
T. GIÁM ĐỐC (General Director)

THẦU CHÍNH (Contractor):
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT & XÂY DỰNG VHENC
VIETHAN E&C JSC
203-41 ĐƯỜNG SỐ 4 P. TÂN PHÚNG QUẬN TÂN PHÚ
GIÁM ĐỐC (Director)

Văn Viết Việt
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN - CHỦ TRÌ (Project Manager-Prepared by)
Phạm Văn Chánh
THIẾT KẾ (Designed by)
Nguyễn Văn Nghĩa
KIỂM (Checked by)
Phạm Văn Chánh

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)
PUNGKOOK SÀI GÒN III FACTORY
HẠNG MỤC (Article)
BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)
MẶT BẰNG BỐ TRÍ TỔNG THỂ
TỈ LỆ (Scale)
A1: A3:
KÝ HIỆU (Drawing No.)



MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC

TL: 1/75

KÍ HIỆU	MÔ TẢ	KÍ HIỆU	MÔ TẢ	KÍ HIỆU	MÔ TẢ
B01	BỂ GOM	CT01	BỒN HÓA CHẤT		
B02	BỂ TÁCH DẦU	FT01	BỒN LỌC		
B03	BỂ ĐIỀU HÒA	WP01	BƠM BỂ GOM		
B04	BỂ ANOXIC	WP02A/B	BƠM ĐIỀU HÒA		
B05	BỂ AEROTANK	WP03A/B	BƠM TRUNG GIAN		
B06	BỂ TRUNG GIAN	WP04A/B	BƠM LỌC		
B07	BỂ KHỬ TRÙNG	SP01 A/B	BƠM BÙN		
B08	BỂ CHỨA BÙN	RP01A/B	BƠM TUẦN HOÀN		
T01/2	BỂ LẮNG	DP01A/B	BƠM HÓA CHẤT		

HỆ CHỈNH VÀ HOÀN THÀNH
(REVISION AND COMPLETION DATE)

LOẠI HỒ SƠ (ISSUED FOR)

THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐ PRELIMINARY

TRÌNH DUYỆT ☐ YOUR APPROVAL

THAM KHẢO ☐ REFERENCE

THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION

HOÀN CÔNG ☐ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ (Investor):



T GIÁM ĐỐC (General Director)

THẦU CHÍNH (Contractor):



CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN - CHỦ TRÌ
(Project Manager-President by)

Phạm Văn Chánh

THIẾT KẾ (Designed by)

Nguyễn Văn Nghĩa

KÈM (Checked by)

Phạm Văn Chánh

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)

PUNGKOOK SAI GON III
FACTORY

HẠNG MỤC (Article)

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

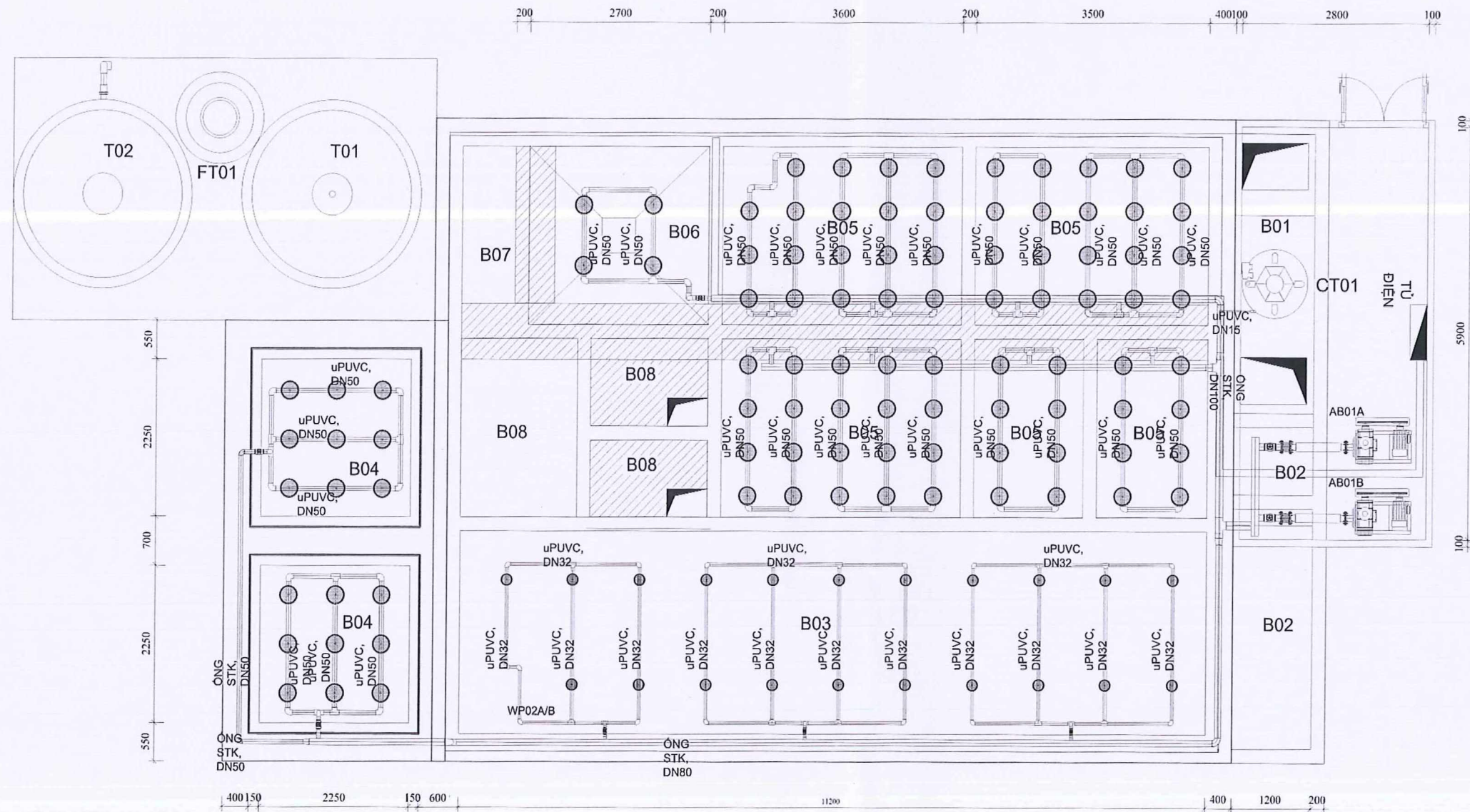
TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG
ỐNG DẪN NƯỚC

TỈ LỆ (Scale)

A1: A3:

KÝ HIỆU (Drawing No.)



MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG KHÍ

TL: 1/75

KÍ HIỆU	MÔ TẢ	KÍ HIỆU	MÔ TẢ
B01	BỂ GOM	CT01	BỒN HÓA CHẤT
B02	BỂ TÁCH DẦU	FT01	BỒN LỌC
B03	BỂ ĐIỀU HÒA	WP01	BƠM BỂ GOM
B04	BỂ ANOXIC	WP02A/B	BƠM ĐIỀU HÒA
B05	BỂ AEROTANK	WP03A/B	BƠM TRUNG GIAN
B06	BỂ TRUNG GIAN	WP04A/B	BƠM LỌC
B07	BỂ KHỬ TRÙNG	SP01 A/B	BƠM BÙN
B08	BỂ CHỨA BÙN	RP01A/B	BƠM TUẦN HOÀN
T01/2	BỂ LẮNG	DP01A/B	BƠM HÓA CHẤT

HỆ CHỈNH VÀ HOÀN THÀNH
(REVISION AND COMPLETION DATE)

LOẠI HỒ SƠ (ISSUED FOR)

THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐ PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT ☐ YOUR APPROVAL
THAM KHẢO ☐ REFERENCE
THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG ☐ AS-BUILT



T GIÁM ĐỐC (General Director)

THẦU CHÍNH (Contractor):



Phạm Văn Chanh

THIẾT KẾ (Designed by)

Nguyễn Văn Nghĩa

KIỂM (Checked by)

Phạm Văn Chanh

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)

PUNGKOOK SAI GON III
FACTORY

HẠNG MỤC (Article)

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

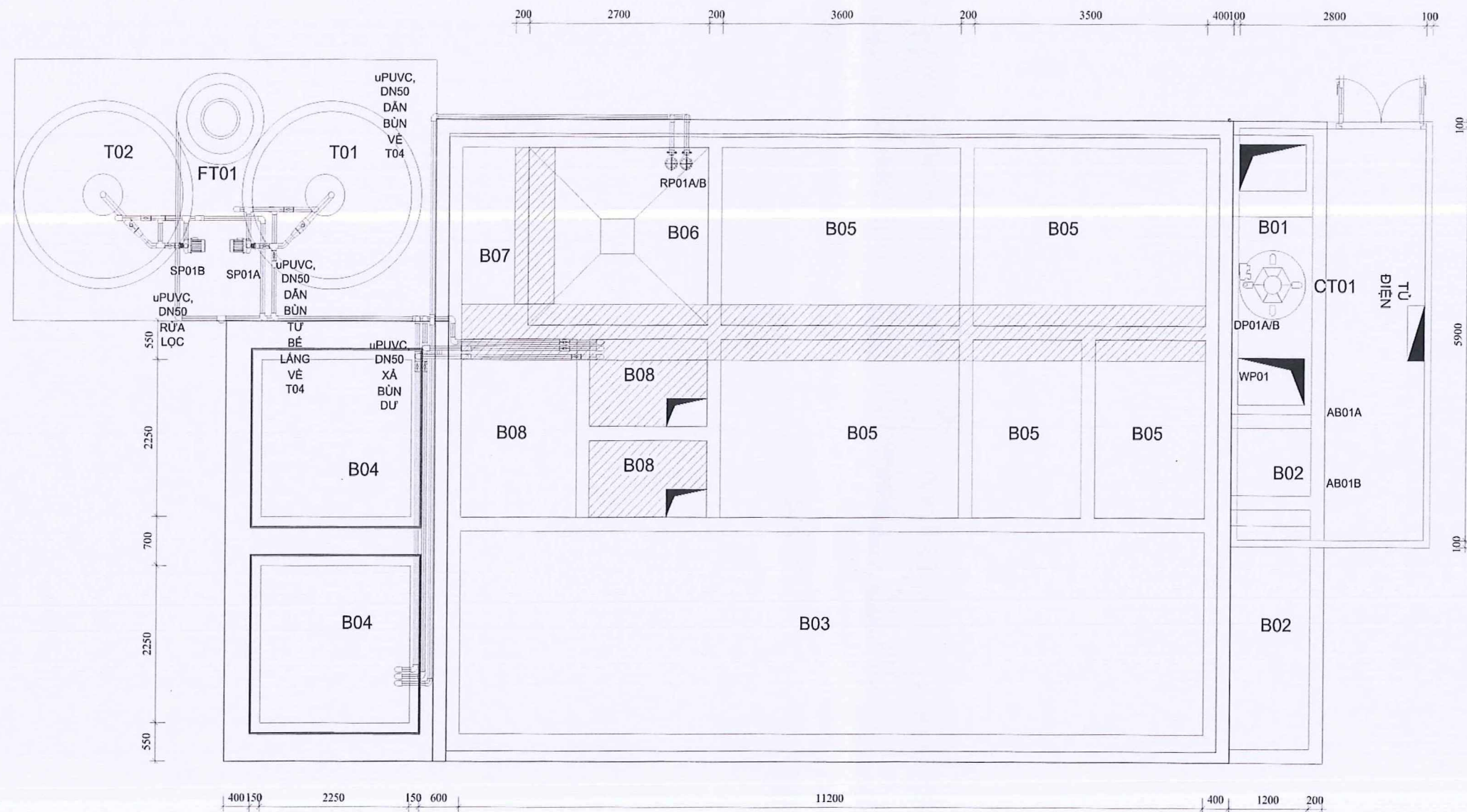
TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)

MẶT BẰNG BỐ TRÍ
ĐƯỜNG ỐNG KHÍ

TỈ LỆ (Scale)

A1: A3:

KÝ HIỆU (Drawing No.)



MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG BÙN

TL: 1/75

KÍ HIỆU	MÔ TẢ	KÍ HIỆU	MÔ TẢ
B01	BỂ GOM	CT01	BỒN HÓA CHẤT
B02	BỂ TÁCH DẦU	FT01	BỒN LỌC
B03	BỂ ĐIỀU HÒA	WP01	BƠM BỂ GOM
B04	BỂ ANOXIC	WP02A/B	BƠM ĐIỀU HÒA
B05	BỂ AEROTANK	WP03A/B	BƠM TRUNG GIAN
B06	BỂ TRUNG GIAN	WP04A/B	BƠM LỌC
B07	BỂ KHỬ TRÙNG	SP01 A/B	BƠM BÙN
B08	BỂ CHỨA BÙN	RP01A/B	BƠM TUẦN HOÀN
T01/2	BỂ LẮNG	DP01A/B	BƠM HÓA CHẤT

HỆ CHỈNH VÀ HOÀN THÀNH
(REVISION AND COMPLETION DATE)

LOẠI HỒ SƠ (ISSUED FOR)

THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐ PRELIMINARY

TRÌNH DUYỆT ☐ YOUR APPROVAL

THAM KHẢO ☐ REFERENCE

THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION

HOÀN CÔNG ☐ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ (Investor):



T GIÁM ĐỐC (General Director)

THẦU CHÍNH (Contractor):



Phạm Văn Chánh

THIẾT KẾ (Designed by)

Nguyễn Văn Nghĩa

KỂM (Checked by)

Phạm Văn Chánh

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)

PUNGKOOK SAI GON III
FACTORY

HÀNG MỤC (Article)

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

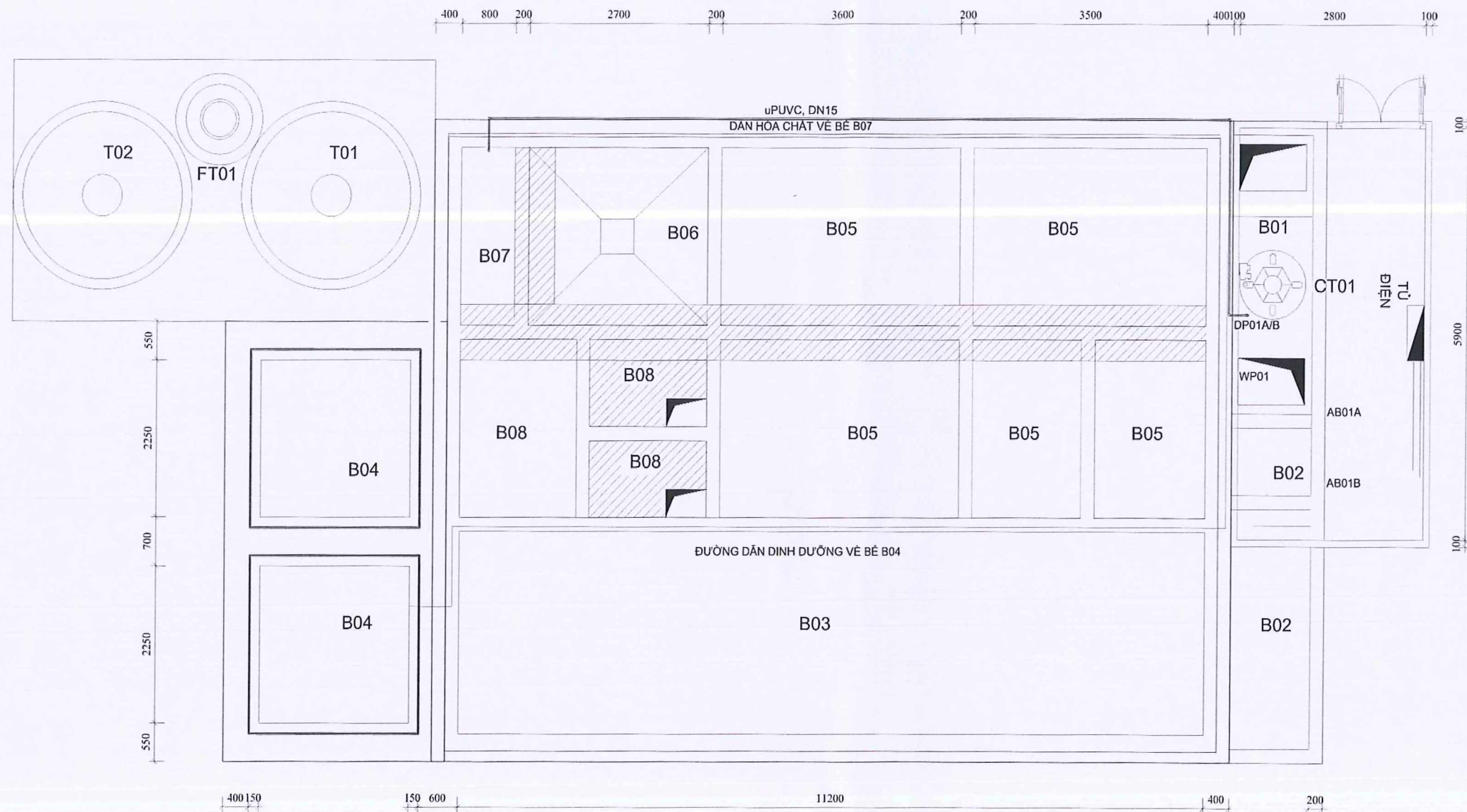
TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)

MẶT BẰNG BỐ TRÍ
ĐƯỜNG ỐNG BÙN

TỈ LỆ (Scale)

A1: A3:

KÝ HIỆU (Drawing No.)



MẶT BẰNG BỐ TRÍ ỚNG HÓA CHẤT

TL: 1/75

KÍ HIỆU	MÔ TẢ	KÍ HIỆU	MÔ TẢ
B01	BỂ GOM	CT01	BỒN HÓA CHẤT
B02	BỂ TÁCH DẦU	FT01	BỒN LỌC
B03	BỂ ĐIỀU HÒA	WP01	BƠM BỂ GOM
B04	BỂ ANOXIC	WP02A/B	BƠM ĐIỀU HÒA
B05	BỂ AEROTANK	WP03A/B	BƠM TRUNG GIAN
B06	BỂ TRUNG GIAN	WP04A/B	BƠM LỌC
B07	BỂ KHỬ TRÙNG	SP01 A/B	BƠM BÙN
B08	BỂ CHỨA BÙN	RP01A/B	BƠM TUẦN HOÀN
T01/2	BỂ LẮNG	DP01A/B	BƠM HÓA CHẤT

HỆ CHỈNH VÀ HOÀN THÀNH
(REVISION AND COMPLETION DATE)

LOẠI HỒ SƠ (ISSUED FOR)

THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐ PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT ☐ YOUR APPROVAL
THAM KHẢO ☐ REFERENCE
THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG ☐ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ (Investor):



T. GIÁM ĐỐC (General Director)

THẦU CHÍNH (Contractor):



Phạm Văn Chánh

THIẾT KẾ (Designed by)

Nghe
Nguyễn Văn Nghĩa

KIỂM (Checked by)

Ch
Phạm Văn Chánh

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)

PUNGKOOK SAI GON III
FACTORY

HẠNG MỤC (Article)

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

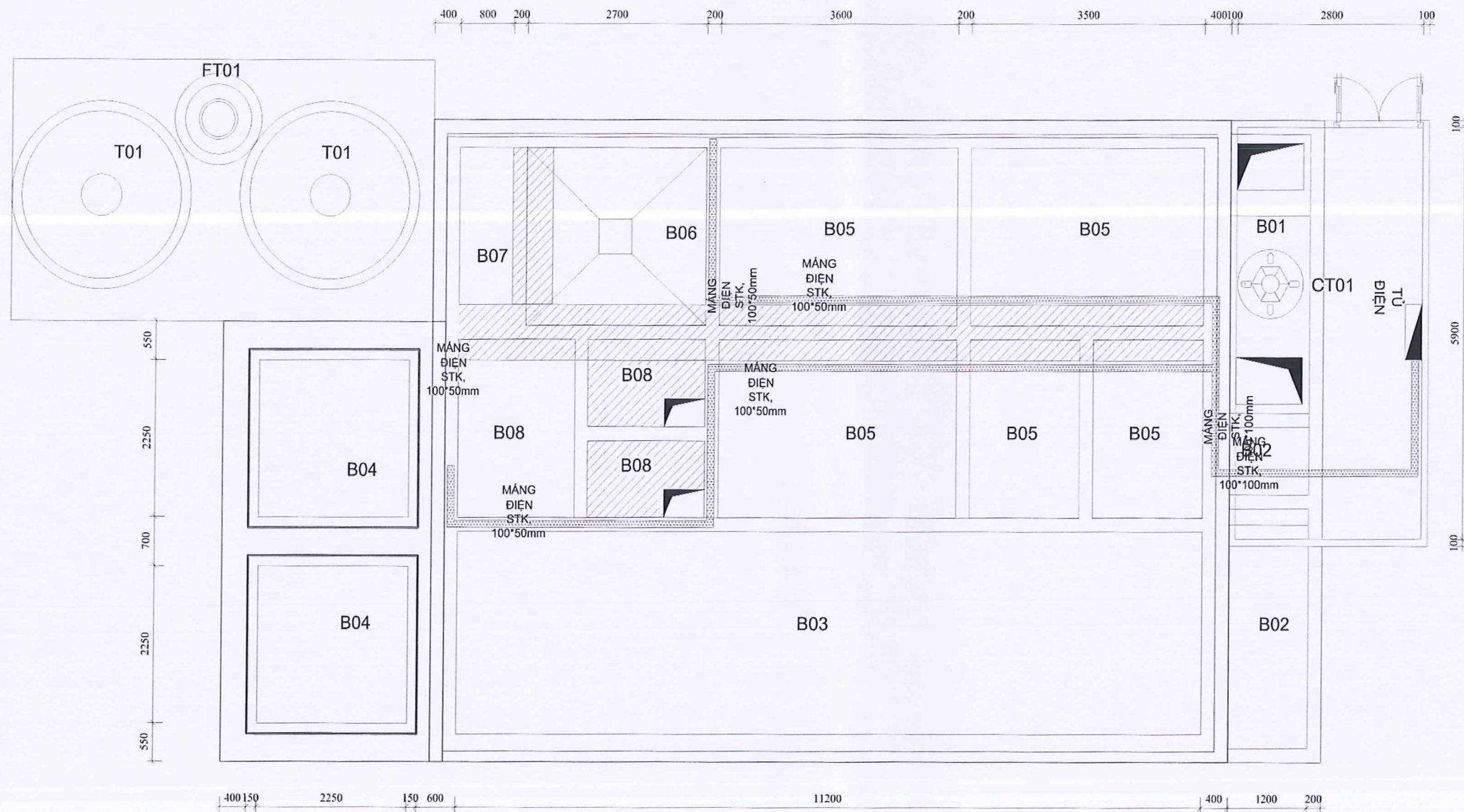
TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)

MẶT BẰNG BỐ TRÍ
ỚNG HÓA CHẤT

TỈ LỆ (Scale)

A1: A3:

KÝ HIỆU (Drawing No.)



MẶT BẰNG ĐƯỜNG ĐIỆN

TL: 1/75

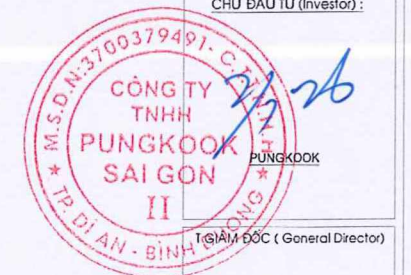
KÍ HIỆU	MÔ TẢ	KÍ HIỆU	MÔ TẢ
B01	BỂ GOM	CT01	BỒN HÓA CHẤT
B02	BỂ TÁCH DẦU	FT01	BỒN LỌC
B03	BỂ ĐIỀU HÒA	WP01	BƠM BỂ GOM
B04	BỂ ANOXIC	WP02A/B	BƠM ĐIỀU HÒA
B05	BỂ AEROTANK	WP03A/B	BƠM TRUNG GIAN
B06	BỂ TRUNG GIAN	WP04A/B	BƠM LỌC
B07	BỂ KHỬ TRÙNG	SP01 A/B	BƠM BÙN
B08	BỂ CHỨA BÙN	RP01A/B	BƠM TUẦN HOÀN
T01/2	BỂ LẮNG	DP01A/B	BƠM HÓA CHẤT

HIỆU CHỈNH VÀ HOÀN THÀNH
(REVISION AND COMPLETION DATE)

LOẠI HỒ SƠ (ISSUED FOR)

THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐ PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT ☐ YOUR APPROVAL
THAM KHẢO ☐ REFERENCE
THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG ☐ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ (Investor):



THẦU CHÍNH (Contractor):



Phạm Văn Chánh

THIẾT KẾ (Designed by)

Nguyễn Văn Nghĩa

KIỂM (Checked by)

Phạm Văn Chánh

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)

PUNGKOOK SAI GON III
FACTORY

HẠNG MỤC (Article)

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

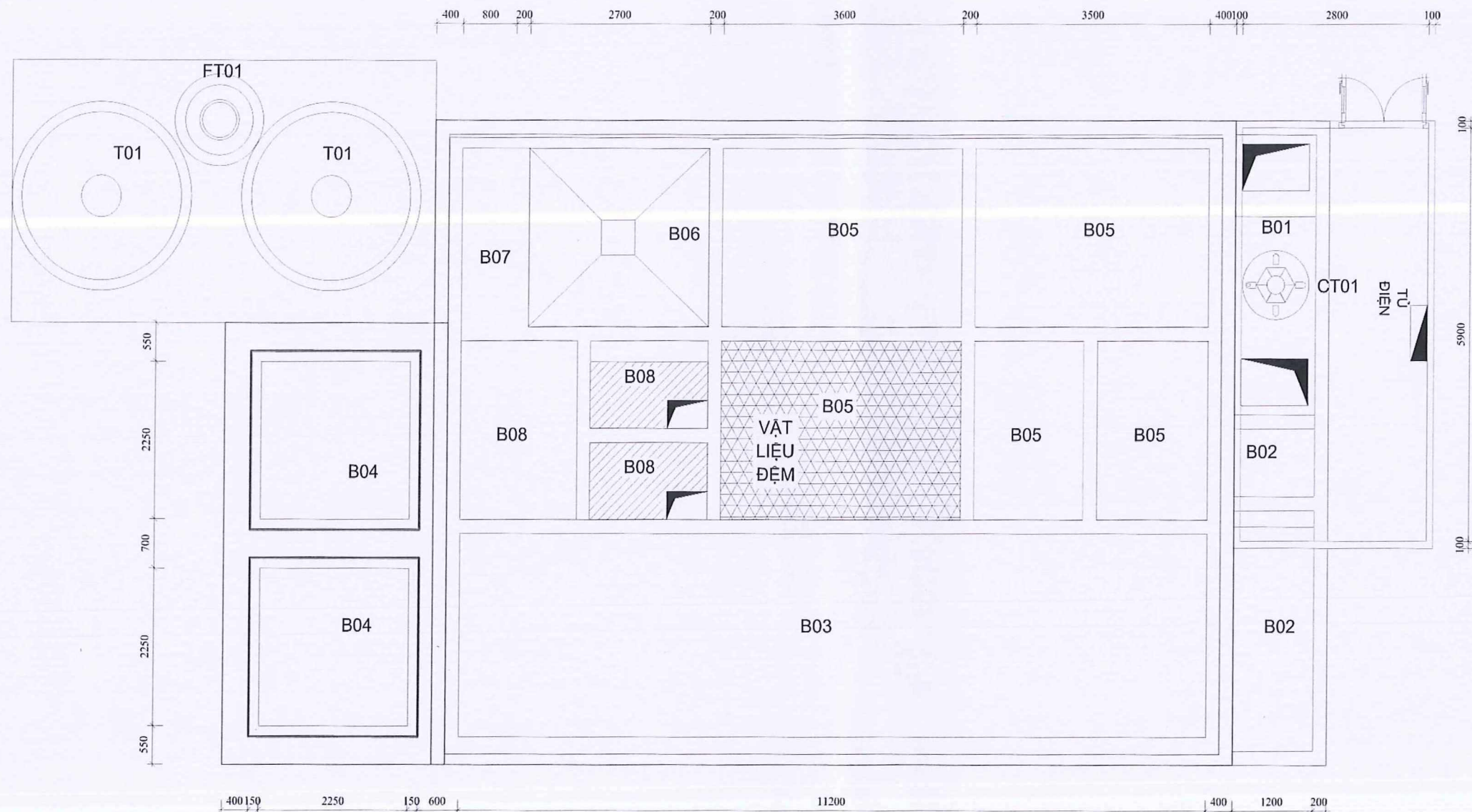
TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ĐIỆN

TỈ LỆ (Scale)

A1: A3:

KÝ HIỆU (Drawing No.)



MẶT BẰNG BỂ CHỨA VẬT LIỆU ĐỆM
TL: 1/75

KÍ HIỆU	MÔ TẢ	KÍ HIỆU	MÔ TẢ
B01	BỂ GOM	CT01	BỒN HÓA CHẤT
B02	BỂ TÁCH DẦU	FT01	BỒN LỌC
B03	BỂ ĐIỀU HÒA	WP01	BƠM BỂ GOM
B04	BỂ ANOXIC	WP02A/B	BƠM ĐIỀU HÒA
B05	BỂ AEROTANK	WP03A/B	BƠM TRUNG GIAN
B06	BỂ TRUNG GIAN	WP04A/B	BƠM LỌC
B07	BỂ KHỬ TRÙNG	SP01 A/B	BƠM BỪN
B08	BỂ CHỨA BỪN	RP01A/B	BƠM TUẦN HOÀN
T01/2	BỂ LẮNG	DP01A/B	BƠM HÓA CHẤT

HỆ CHỈNH VÀ HOÀN THÀNH (REVISION AND COMPLETION DATE)	
LOẠI HỒ SƠ (ISSUED FOR)	
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☐ YOUR APPROVAL
THAM KHẢO	☐ REFERENCE
THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT
CHỦ ĐẦU TƯ (Investor):	
CÔNG TY TNHH PUNGKOOK SÀI GÒN II PUNGKOOK TP. ĐIỆN - BÌNH DUƠNG	
T. GIÁM ĐỐC (General Director)	
THẦU CHÍNH (Contractor):	
VIỆT HẠ & C. JSC CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ CƠ PHÂN CỐ PHÂN THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT & XÂY DỰNG VĂN VÂN VẬT CHỦ ĐẦU TƯ CHỦ TRÌ (Project Manager/Initiated by)	
Phạm Văn Chánh	
THIẾT KẾ (Designed by)	
Nguyễn Văn Nghĩa	
KIỂM (Checked by)	
Phạm Văn Chánh	
TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)	
PUNGKOOK SÀI GÒN III FACTORY	
HẠNG MỤC (Article)	
BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)	
MẶT BẰNG BỂ CHỨA VẬT LIỆU ĐỆM	
TỈ LỆ (Scale)	
A1:	A3:
KÝ HIỆU (Drawing No.)	

DANH MỤC CÁC BỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 190M3/NGÀY ĐÊM

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC (M)				SL	THỂ TÍCH (M3) xd	THỂ TÍCH (M3) lv	CAO ĐỘ	VẬT LIỆU
		L	W	Hxd	Hlv					
B01	Bể gom	4	1.2	3	2.7	1	14.4	12.96	-3.0 M	BTCT
B02	Bể tách mỡ	4	1.2	3	2.7	1	14.4	12.96	-3.0 M	BTCT
B03	Bể điều hòa	11.2	2.9	3.5	3.2	1	113.7	103.9	-3.0; +0.5M	BTCT
B04	Bể anoxic	2.25	2.25	3.5	3.2	2	35.4	32.4	-2,4; +1.1M	BTCT
B05	Bể aerotank	3.6	2.55	3.5	3.2	1	32.1	29.4	-3.0; +0.5M	BTCT
		2.55	1.65	3.5	3.2	1	14.7	13.5	-3.0; +0.5M	BTCT
		2.55	1.65	3.5	3.2	1	14.7	13.5	-3.0; +0.5M	BTCT
		3.5	2.55	3.5	3.2	1	31.2	28.6	-3.0; +0.5M	BTCT
		3.6	2.55	3.5	3.2	1	32.1	29.4	-3.0; +0.5M	BTCT
B06	Bể trung gian	2.7	2.55	3.5	3.2	1	24.1	22.0	-3.0; +0.5M	BTCT
T01/2	Bể lắng	2.7		4	3.7	2	45.8	42.3	0.00; +4.0M	Thép
B07	Bể khử trùng	2.55	0.8	3.5	3.2	1	17.9	16.3	-3.0; +0.5M	BTCT
B08	Bể chứa bùn	2.55	1.75	3.5	3.2	1	17.9	16.3	-3.0; +0.5M	BTCT
B08	Bể chứa bùn	1.75	1.1	3.5	3.2	2	16.8	15.4	-3.0; +0.5M	BTCT
ND	Nhà điều hành	5.9	2.8	3.5		1	95.6		0.00; +3.5M	Tường gạch, mái tole



Phạm Văn Chanh

THIẾT KẾ (Designed by)

Nguyễn Văn Nghĩa

KIỂM (Checked by)

Phạm Văn Chanh

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)

PUNGKOOK SÀI GÒN III FACTORY

HẠNG MỤC (Article)

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)

DANH MỤC CÁC BỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TỈ LỆ (Scale)

A1: A3:

KÝ HIỆU (Drawing No.)

SỐ: 05/2022 /UQ-PKSG II

Bình Dương, ngày 14 tháng 12 năm 2022

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty TNHH Pungkook Sài Gòn II, mã số dự án : 6520513786 do Ban Quản Lý các KCN Bình Dương cấp ngày 19/07/2001 (Chứng nhận thay đổi lần 11 ngày 04/09/2020)
- Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty, chức năng và quyền hạn của Tổng Giám Đốc Công ty
- Căn cứ vào yêu cầu công việc, chức năng, quyền hạn của người ủy quyền và người được ủy quyền.
- Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện nội dung ủy quyền như sau :

1/ Người ủy quyền

- Họ và tên: **PARK SOON TAE**
- Sinh ngày: 16/10/1963
- Số hộ chiếu: M78500731 ngày cấp 03/12/2016, nơi cấp: Bộ Ngoại Giao Hàn Quốc
- Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty TNHH PUNGKOOK SAI GON II

2/ Người được ủy quyền

- Họ và tên : **KIM DOO HOON**
- Sinh ngày : 25/10/1960
- Số hộ chiếu : M20274310 cấp ngày 11/12/2017, nơi cấp : Bộ Ngoại Giao Hàn Quốc
- Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc Công ty PUNGKOOK SAI GON II

3/ Nội dung ủy quyền

Ông Kim Doo Hoon được phép thay mặt ông Park Soon Tae – Tổng giám đốc ký tất cả các giấy tờ có liên quan đến hoạt động của công ty Pungkook Saigon II (bao gồm Nhà máy Pungkook SaiGon III, Nhà máy Joon Saigon, Công ty TNHH Pungkook Saigon) như sau : Chứng từ thanh toán, chuyển khoản, các loại hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng gia công ... và làm việc với cơ quan chức năng về các hoạt động tại công ty. Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày 21/12/2022 đến khi CTY TNHH PUNGKOOK SAI GON II có thay đổi mới bằng công văn xác thuận.

Mẫu Chữ Ký

Người được ủy quyền



KIM DOO HOON

Người ủy quyền



PARK SOON TAE

PUNGKOOK SAIGON II COMPANY
2A Road 8 - Sóng thần I IP
Dĩ an, Bình dương
No:...../2022/ -UQ-PKSG II

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness

Binh Duong, Date 14/12/2022.....

GENERAL DIRECTOR OF PUNGKOOK SAIGON II

- Based on the business license No :6520513786/GP – KCN – BD dated Jul .19th ,2001 approved by Management Board of Binh Duong Industrial Parks (Changed the time 11st date 04/09/2020);
- Based on the internal regulations regarding on Responsibility and authority of General Director;
- Based on actual situation of PungKook Saigon II Company;

AUTHORIZED DECISION

1/. Mandator

Name: PARK SOON TAE

Date of birth: 16/10/1963

Nationality: Korean

Passport No: M78500731

Issued date: 03/12/2015

At: Korea

Position: General Director

2/ Authorized person

Name: KIM DOO HOON

Date of birth: 25/10/1960

Nationality: Korean

Passport No: M20274310

Issued date: 11/12/2017

At: Korea

Position: Vice General Director

3. Contents for letter of attorney

Mr Park Soon Tae has assigned responsibility: On behalf of General Director to sign all the documentation relating all the company operation (Including factory Pungkook Saigon III and factory Joon Saigon, Pungkook Saigon Co.ltd) such as: payment, transfer, kind of contract services, labour contract ...and work with government .This attorney letter is effective from 21/12/2022 until the new decision.

SPECIMEN OF SIGNATURE

AUTHORIZED PERSON


KIM DOO HOON

MANDATOR


PARK SOON TAE